

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU

PHẬT HỌC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

SỐ 2-2015 (131)
NĂM THỨ 25

**Luật Nhân Quả
trong cuộc sống xã hội
và khoa học**

**Nguyên nhân Đức Phật
chế Giới Luật**

Đóa "hoa thiền" giữa đời

Thái Lan

điểm đến tuyệt vời cho Phật tử

Với quốc gia Phật giáo Thái Lan, chùa đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống hàng ngày của người dân Thái. Họ đến chùa công đức, thành tâm cầu nguyện Đức Phật ban cho sức khỏe tốt, vận may, sự giàu có và đôi khi là xin các nhà sư ban lời khuyên giải quyết các vấn đề khó khăn trong cuộc sống.

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, Phật giáo được truyền bá vào Thái Lan khoảng 2.200 năm trước, khi các hoàng đế của Ấn Độ, Ashoka Đại đế, gửi các nhà sư đến nhiều nước Châu Á, trong đó có Thái Lan để truyền đạo. Cùng với sự phát triển của giáo lý chân chính và các ngôi chùa được xây dựng khắp cả nước nên ngày nay, 90% người Thái đều theo đạo Phật.

Ở Thái Lan, nhiều gia đình duy trì phong tục cho con trai xuất gia để trở thành nhà sư. Với người Thái, xuất gia là một nhiệm vụ thiêng liêng mà hầu như tất cả những thanh thiếu niên Thái đều thực hành một lần trong đời.



Thông thường, vào mùa an cư có rất nhiều thanh thiếu niên đến xin xuất gia trong ba tháng. Họ ở chùa học tập kinh điển, giáo lý, đạo đức Phật giáo và tập hành trì theo nội quy thiền môn. Hàng ngày, vào buổi sáng họ phải đi khất thực để nhận thức ăn do Phật tử tại gia cúng dường, đồng thời chú nguyện cầu phước cho các thí chủ. Do đó, người Thái cho rằng xuất gia lên chùa là cơ hội tốt để con cái họ rèn luyện thân tâm, chuẩn bị cho cuộc sống thế tục sau này. Vì thế, sau khi mãn khoá tu xuất gia, họ trở về nhà trong sự đón mừng và kính trọng hơn.

Các ngôi chùa Thái đều được gọi là "Wat", có nghĩa là đền thờ, thuật ngữ này đề cập đến khu vực gồm các tòa nhà khác nhau như chính điện, các Viharn nơi tượng Phật quan trọng được lưu giữ và các bảo tháp, nơi di tích Phật giáo được tôn trí.

Ngôi đền quan trọng nhất và thiêng liêng ở Thái Lan là chùa Wat Phra Kaew, nằm trong khuôn viên của Cung điện Hoàng Gia ở Bangkok. Ngôi chùa này trưng bày Phật ngọc - tượng Phật thiêng liêng nhất và được tôn kính ở Thái Lan. Ngoài ra, còn có những ngôi chùa khác thuộc bậc cao nhất của Hoàng gia như Wat Pho (chùa Phật nằm), Wat Arun (ngôi chùa Bình Minh), Wat Mahathat, chùa Wat Suthat...

Ngoài mang ý nghĩa quan trọng về tinh thần và xã hội, chùa Thái Lan còn có thiết kế ấn tượng, lộng lẫy và huy hoàng khi cả ngôi chùa được dát vàng lấp lánh. Bên trong những ngôi chùa này, bạn sẽ tìm thấy những bức tượng Đức Phật dát vàng lớn, nhỏ khác nhau, cùng những bức bích họa tuyệt đẹp kể về cuộc sống trước đây của Đức Phật.



Từ 13 - 15/4 tại Thái Lan sẽ diễn ra lễ hội té nước Songkran, đây được coi là Tết truyền thống của người Thái.

Liên hệ tour Thái Lan tại Vietrantour:

BANGKOK- PATTAYA (5 ngày 4 đêm)

Khởi hành: 10, 16, 23/4 • 14, 22, 27/5 • 5, 17, 25/6

Giá từ: 5.890.000^d

PHUKET – Thiên đường nghỉ dưỡng (4 ngày 3 đêm)

Khởi hành: 11, 25/4

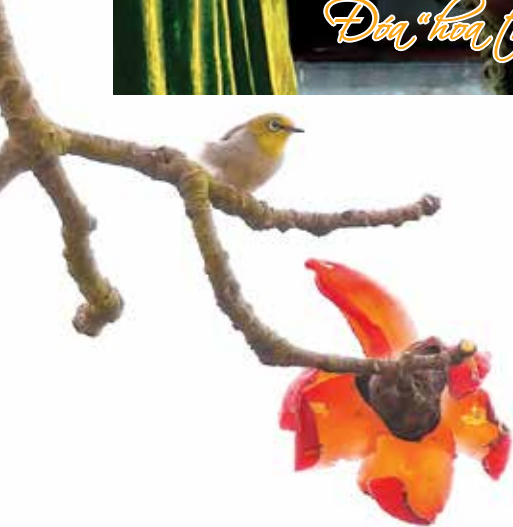
Giá từ: 13.999.000^d

Khuyến mại hấp dẫn: Từ 2/4 - 29/4/2015:

• **Hoàn ngay 500.000^d** cho khách hàng có đơn hàng bất kỳ tại **Robins Store** khi đăng kí tour Thái Lan **tại Vietrantour**.

• **Tặng 10 tour** du lịch Thái Lan tổng **trị giá 70 triệu** đồng từ **Vietrantour** và Tổng cục Du lịch Thái Lan cho 10 khách hàng may mắn **khi mua sắm tại Robins Department Store - Royal City**.

Tặng **1000 thẻ massage chân** trị giá 250.000/1 thẻ cho 1000 khách hàng có hóa đơn trên 1 triệu đồng tại Robins Department Royal City



TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU

PHẬT HỌC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Hội đồng cố vấn

Hòa thượng Thích Phổ Tuệ

Giáo sư Vũ Khiêu

Giáo sư Hà Văn Tấn

Giáo sư Phạm Minh Hạc

Cư sĩ Trần Khánh Du

Ông Bùi Hữu Dược

Tổng Biên tập

Hòa thượng Thích Gia Quang

Phó Tổng Biên tập

Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu

Thượng tọa Thích Đức Thiện

Cư sĩ Phạm Nhật Vũ

Trưởng Ban Biên tập

Giới Minh

Biên tập

Thích Đàm Hình

Bảo Chân

Trình bày

Giang Design

Phụ trách hình ảnh

Phùng Anh Tuấn

Tòa soạn và trị sự

Chùa Quán Sứ

Số 73 phố Quán Sứ, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3942 3887

Email: phathocvietnam@gmail.com

Tài khoản: 102010000032825 - Sổ Giao dịch I

Ngân hàng Công Thương Việt Nam

Đại diện phía Nam

Chùa Vĩnh Nghiêm

Số 339, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, TP.HCM

Thượng tọa Thích Thanh Phong

Điện thoại: 08. 38 483 153

Email: vinhnghiemvn@yahoo.com

Cư sĩ Nguyễn Khánh Ly

Điện thoại: 0989 03 01 02

Giấy phép xuất bản

Số 01/GP-BVHTT ngày 02/01/2002

Chế bản và in tại

Công ty TNHH MTV In Tài Chính

Giá: 25.000đ



TRONG SỐ NÀY

SỰ KIỆN PHẬT GIÁO

- Di chúc của vua Trần Nhân Tông 4
Tìm về nơi vua Trần Nhân Tông xuất gia tu hành..... 6

GIÁO LÝ

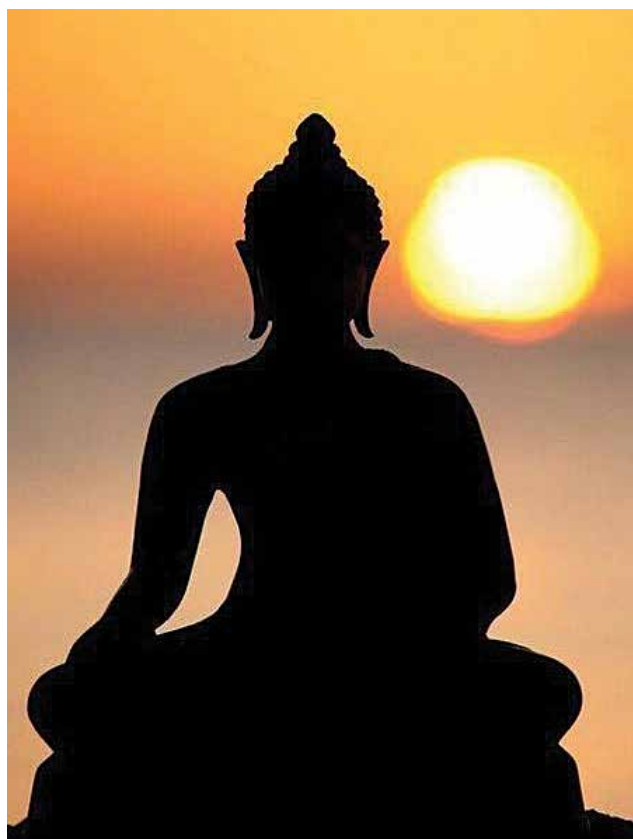
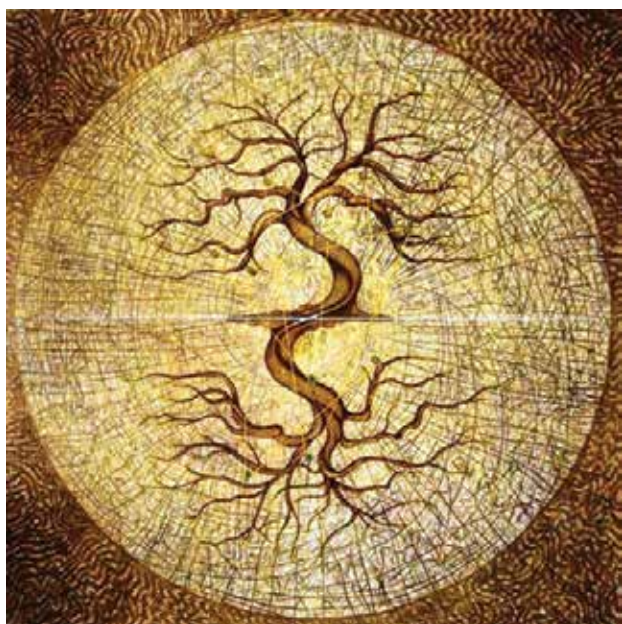
- Quan điểm của Phật giáo về chiến tranh và xung đột 9
Nguyên nhân đức Phật chế Giới Luật 12

LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

- Luật nhân quả trong cuộc sống xã hội và khoa học 14
Tìm hiểu Trung Quán Luận với sự phát triển Phật giáo
Đại thừa 18

TRAO ĐỔI

- Hiếu “phúc” qua câu “Đầu năm đi chùa cầu phúc” 24
Sự dung hợp đạo đức Phật giáo với phong tục tập quán
người Nam bộ ở Việt Nam 26
Nét tinh hoa Phật giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh 32
Không có phước đức nào lớn bằng sự thông thái của
trí tuệ 35
Niệm Phật bốn chữ hay sáu chữ? 37



VĂN HOÁ VÀ DANH THẮNG

- Chùm thơ thiền Diệu Tâm 39

SUY NGHẼM

- Câu chuyện: Giết người dẫn đường tế thần 40
Câu chuyện: Muốn nhanh việc không thành..... 41
Người cha nhân hậu 42
Thương điều khó thương 44
Hỏi đáp Phật học 45

BÀI GIỚI THIỆU

- Người mẹ hiền nơi mái chùa Từ Ân 49
Mái chùa nhỏ nơi trưởng dưỡng lòng từ bi..... 50
Mái chùa Phật Minh..... 52
Chùa Huyền Trang - “Địa chỉ đỏ” trong công tác từ thiện
tại TP.HCM 54
Đóa “hoa thiện” giữa đời 56

ĐIỂM TIN

- Điểm tin Phật sự Quý I/2015..... 58
Điểm tin Phật sự nước ngoài 60

- GIỚI THIỆU SÁCH 62
PHƯƠNG DANH CÙNG DƯƠNG 63
SƯU TẦM TRỌN BỘ..... 64

THƠ CHỮ HÁN VỀ PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG

Trần Đăng



Các quốc gia và các dân tộc theo đạo Phật đều có những điểm chung là “Quy y Phật” nhưng mỗi nước cũng có những đặc thù của riêng mình, như Phật giáo Trung Quốc, Phật giáo Nhật Bản, Phật giáo Thái Lan, Phật giáo Việt Nam... Nói đến đặc trưng của Phật giáo Việt Nam chính là nói đến trung tâm Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử và có thể nói Trúc Lâm Yên Tử là Kinh đô của Phật giáo Việt Nam:

Trúc Lâm Yên Tử tựa Kinh Đô

Hội tụ thập phương tử tôn hiền

Lễ hội Trúc Lâm Yên Tử thường kéo dài 3 tháng (bắt đầu từ ngày 10 tháng Giêng Âm lịch hàng năm) và mỗi năm có hàng triệu người hành hương về đây lễ Phật:

Triều bái Phật đường quy Thiên định *(1)

Phật hoàng ân đức vinh thiên thu

Trúc Lâm Yên Tử trở thành Kinh đô Phật giáo kể từ khi đức Vua Trần Nhân Tông từ bỏ ngai vàng đến tu tịnh, làm chấn động cả đất trời về một Đức Chí Tôn nhân từ đức độ:

Từ bỏ ngai vàng quy y Phật

Chấn động càn khôn Đức Chí Tôn *(3)

Đức Vua đã không tham quyền cố vị, đã trút bỏ bụi trần “tham sân si” với tấm lòng bao dung hòa giải, hòa hợp, đức độ và tinh tâm đến tu tại nơi khí linh hội tụ rợp mây lành:

Siêu phàm thoát tục tâm thu thái *(4)

Hòa giải bao dung đức độ hiền

Tinh tâm tọa lạc tu Thiên định

Chung linh đức tử tập tường vân *(5)

Vị Vua hiền của nước Việt không chỉ tạo dựng một nền Phật giáo đặc trưng cho đất nước mà còn mưu tính cho dân sau để nối đời truyền đạo Phật:

Yến đức di mưu truyền dịch điệp *(6)

Trình tường biên tập “Chuyển Pháp Luân” *(7)

Dưới đây là toàn bộ bài thơ chữ Hán về đức Phật hoàng Trần Nhân Tông:

佛皇陳仁宗竹林安子似京都會聚十方
子孫賢朝拜佛堂皈禪定佛皇恩德永千秋
息肩帝祚皈依佛震動乾坤德至尊超凡脫
俗心舒泰和解包容德度賢靜心座樂修禪定
鍾靈毓秀集祥雲燕翼詒謀傳奕葉禎祥駢
集轉法輪

Dịch: Phật Hoàng Trần Nhân Tông

Trúc Lâm Yên Tử tựa Kinh đô

Hội tụ thập phương tử tôn hiền

Triều bái Phật đường quy Thiên định *(1)

Phật hoàng ân đức vinh thiên thu

Túc kiên Đế tộ quy y Phật *(2)

Chấn động Càn Khôn Đức Chí Tôn *(3)

Siêu phàm thoát tục tâm thu thái *(4)

Hòa giải bao dung đức độ hiền

Tinh tâm tọa lạc tu Thiên định

Chung linh đức tử tập tường vân *(5)

Yến đức di mưu truyền dịch điệp *(6)

Trình tường biên tập “Chuyển Pháp Luân” *(7)

Giải nghĩa một số từ:

*(1) Triều bái Phật đường quy Thiên định: Khách thập phương hành hương về lễ Phật. “Thiên định”: là một pháp môn tu tập để thanh lọc tâm thức, chứng thành quả vị giải thoát, giác ngộ

*(2) Túc kiên Đế tộ quy y Phật: Nghĩa là từ bỏ Ngai vàng đi tu theo Phật.

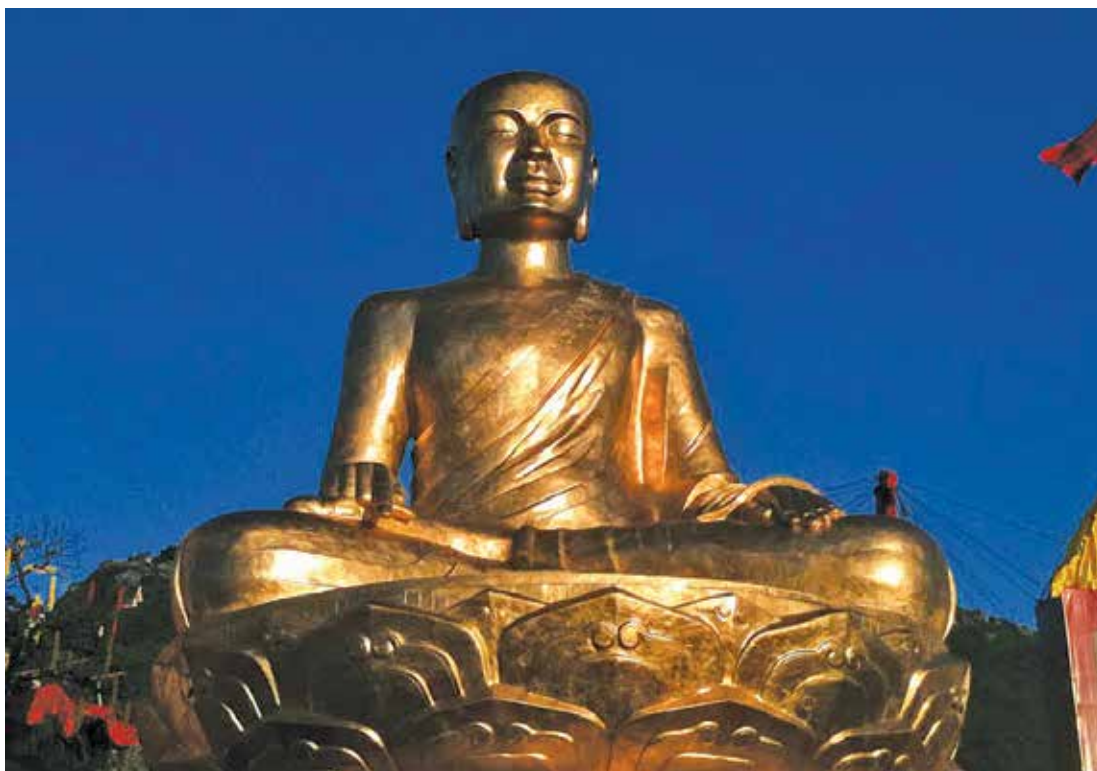
*(3) Chấn động Càn Khôn Đức Chí Tôn: Chấn động cả Đất Trời về vị Vua tôn kính.

*(4) Siêu phàm thoát tục tâm thu thái: Trút bỏ “tham sân si” với thân tâm thanh tịnh.

*(5) Chung linh đức tử tập tường vân: Khí linh thiêng hội tụ cùng mây lành.

*(6) Yến đức di mưu truyền dịch điệp: Mưu tính cho dân sau để nối đời.

*(7) Trình tường biên tập “Chuyển Pháp Luân”: Đem đến phúc lành mỗi khi cùng sát vai nhau truyền giáo pháp của Đức Phật; “Pháp Luân”: là hình ảnh tượng trưng cho toàn thể giáo pháp của Đức Phật; “Chuyển Pháp Luân”: là các hoạt động của Tăng Ni và Phật tử nhằm hướng dẫn người chưa biết Phật pháp vào đạo Phật.



Di chúc

CỦA VUA TRẦN NHÂN TÔNG

Lê Quang Viêm (Sưu tầm)

Ngày xuân, đọc lại một phiên bản của Di chúc vua Trần Nhân Tông, vẫn thường thấy ở các di tích đền chùa, càng thấm thía lời dạy của bậc thánh nhân, hết lòng vì lợi ích quốc gia, dân tộc.

“... Không thôn tính được ta, thì gặm nhấm ta

Họ gặm nhấm đất đai của ta, lâu dần họ sẽ biến giang san của ta từ tổ đại bàng thành cái tổ chim chích

Vậy nên các người phải nhớ lời ta dặn:

Một tấc đất của tiền nhân để lại, cũng không được để lọt vào tay kẻ khác.

Ta cũng để lại lời nhắn nhủ đó như một lời di chúc cho muôn đời con cháu”.

Vua Trần Nhân Tông tên húy là Trần Khâm sinh ngày 11 tháng 11 năm Mậu Ngọ (tức ngày 7- 12- 1258) là con trưởng của vua Trần Thánh Tông. Năm 16 tuổi, ông được lập làm Hoàng thái tử. Năm 21 tuổi, lên ngôi Hoàng đế - là vị Hoàng đế thứ ba của nhà Trần trị vì 15 năm và truyền ngôi cho con là Trần Anh Tông và lên làm Thái thượng hoàng. Năm Kỷ Hợi (1299), ngài xuất giá tu hành ở cung

Vũ Lâm (Ninh Bình), sau đó đến Yên Tử (Quảng Ninh) và thành lập thiền phái Trúc Lâm Yên Tử lấy đạo hiệu là Điều Ngự Giác Hoàng. Ông qua đời ngày 3 tháng 11 năm Mậu Thân (tức ngày 16-12-1308) ở am Ngọa Vân núi Yên Tử, an táng ở Đức Lăng nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Trần Nhân Tông là vị hoàng đế có học vấn uyên bác, là một trong những vị vua anh minh nhất trong lịch sử, là người có công lớn đánh thắng quân Nguyên Mông lần thứ hai năm 1285 và lần thứ ba năm 1287. Ông là một trong những vị anh hùng dân tộc tiêu biểu nhất của Việt Nam, là người lập ra Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, được gọi là Phật Hoàng, là tổ thứ nhất. Tượng của Trần Nhân Tông lớn nhất Việt Nam được đúc bằng đồng nặng 138 tấn cao 15 mét đặt trên đỉnh núi Yên Tử - Quảng Ninh ở độ cao trên 900m so với mặt nước biển.

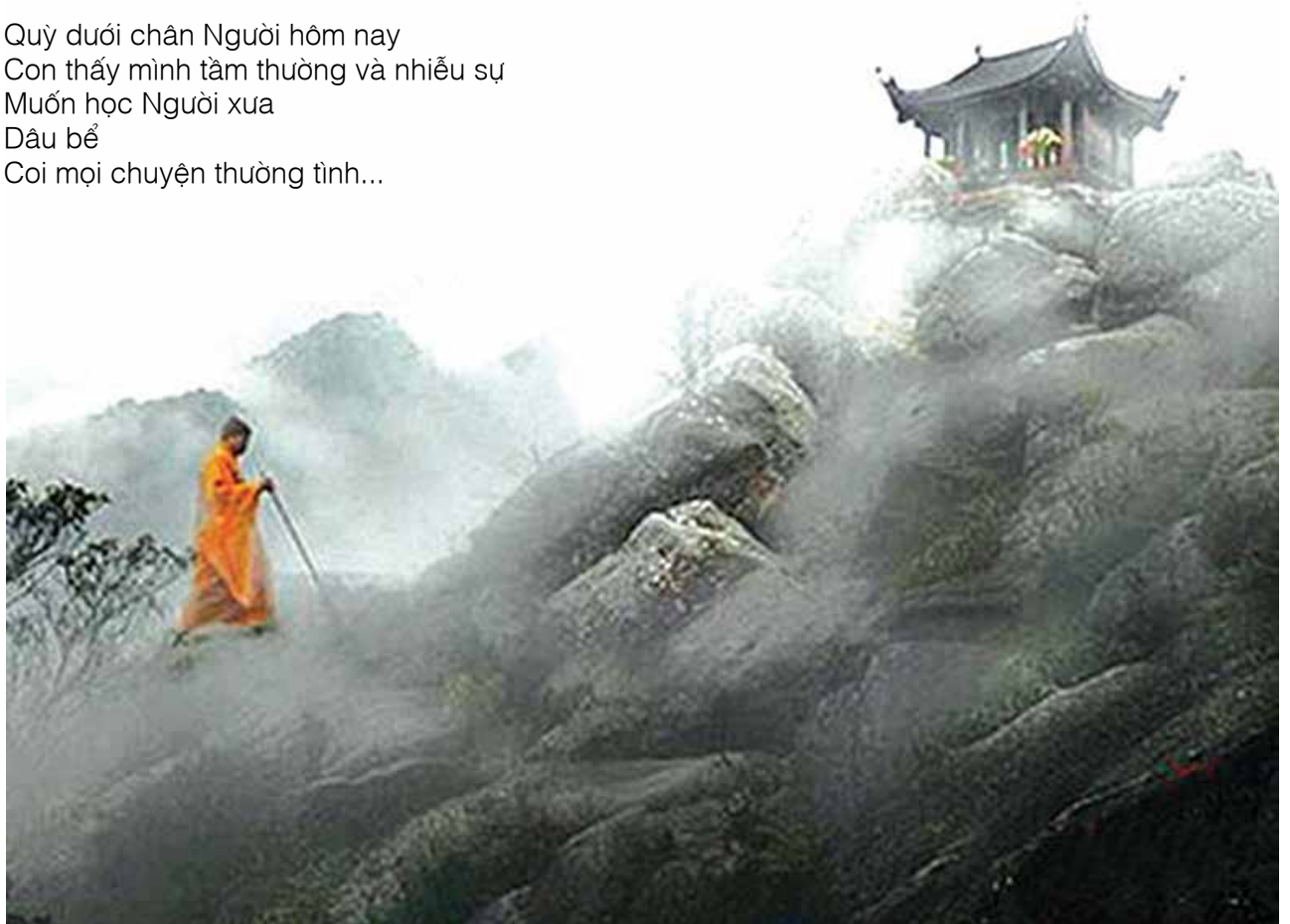
Di chúc của ông viết cách đây hơn 700 năm mà đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Dân tộc ta đời này qua đời khác đã thực hiện di chúc của ông: “Một tấc đất của tiền nhân để lại cũng không được để lọt vào tay kẻ khác”.

VIẾT DƯỚI TƯỢNG PHẬT HOÀNG

Bảy trăm năm đá vẫn uy nghiêm đá
 Người hóa Phật
 Nhưng
 Người vẫn đầu đây
 Câu thơ còn vỗ về nhân thế
 Bảy trăm năm mấy kiếp vui đây...

Hai lần làm vua
 Vua đòi anh minh
 Bốn mươi tuổi xuất gia
 Giấu mình vào Ngọa Vân
 Cùng mây núi
 Thành Vua Phật
 Người vĩ đại luôn nghĩ mình tay trắng
 Trên ngôi cao
 Bạc vàng như đá cuội
 Trút bỏ ngai vàng tựa chiếc giày rách
 Danh tiếng phù vân
 Người trở về tự do
 Với tinh thần “phá chấp”
 “Vô ngã”, “vô ngôn”
 Đường luôn ở dưới cỏ

Quý dưới chân Người hôm nay
 Con thấy mình tầm thường và nhiều sự
 Muốn học Người xưa
 Dâu bể
 Coi mọi chuyện thường tình...

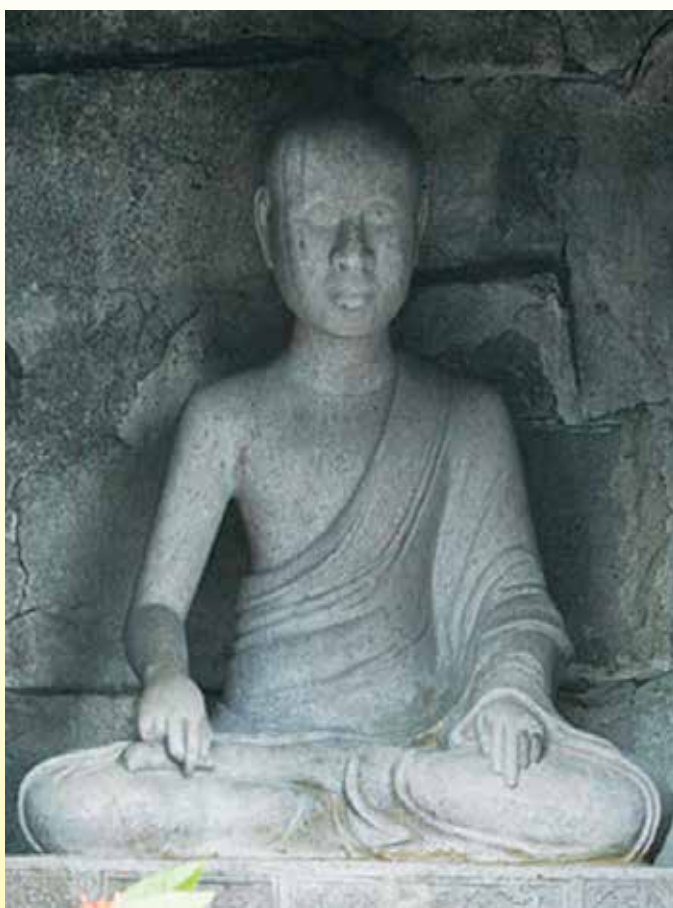




TÌM VỀ NƠI VUA TRẦN NHÂN TÔNG XUẤT GIA TU HÀNH

Vũ Lâm là nơi xuất gia tu Phật đầu tiên của đức Phật hoàng Trần Nhân tông. Các cụ còn kể đã đi Yên Tử, nơi Phật hoàng lập ra Thiền phái Trúc Lâm, một dòng tu do chư tổ Trần Nhân Tông sáng lập...

Nhà văn Hoàng Quốc Hải



Sách Đại Việt sử ký toàn thư từ 538 do Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin in năm 2004 có ghi: “Bấy giờ Thượng hoàng (chỉ Trần Nhân Tông sau khi đã nhường ngôi cho con từ tháng 3 năm 1293) ngự đi Vũ Lâm”. Thời gian này vào khoảng tháng 7 năm Giáp ngọ (1294).

Sang năm Ất mao (1295) Đại Việt sử ký toàn thư từ 540 lại ghi: “Mùa hạ, tháng 6, thượng hoàng về kinh sư. Đã xuất gia ở hành cung Vũ Lâm, lại trở về vậy”.

Như vậy, Trần Nhân Tông sau hai lần lãnh đạo toàn dân kháng chiến chống giặc dữ Mông - Nguyên đại thắng, và sau khi ngài nhường ngôi cho con chưa được hai năm thì ngài xuất gia. Nơi Ngài tu Phật đầu tiên là chùa Hành Cung hay còn gọi là Hành Cung Vũ Lâm...

Ngày nay ở thôn Hành Cung xã Ninh Thắng huyện Hoa Lư có ngôi chùa cổ, dân quen gọi là chùa Hành Cung, nhưng chùa có tên riêng là “Khai phúc tự” tức là chùa Khai Phúc.

Theo ông Nguyễn Đức Long, Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch tỉnh Ninh Bình trích theo nguồn thư tịch cổ như sách “Thái Vi quốc tế ngọc ký” viết trong tập Trần Gia ngọc phá, lập năm Cảnh Thịnh thứ 5 (1667), sao lại năm Bảo Đại thứ 3 (1924) lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình thì: “Sau cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ lần thứ nhất (1258), vua Trần Thái tông 40 tuổi, đã nhường ngôi cho Hoàng thái tử Hoảng (Trần Thánh tông) về vùng núi lập am Thái tử để tu hành, mở đầu cho việc xây dựng hành cung Vũ Lâm”.

Việc các vua Trần xây dựng hành cung Vũ Lâm cũng như các vua đi đến hành cung được sách Đại Việt sử ký toàn thư từ 452 ghi: “Canh Tí (1240), mùa xuân, tháng Giêng, sai Phùng Tá Chu dựng 5 sở hành cung ở phủ Thanh Hóa”.

Và việc thượng hoàng Trần Nhân Tông đi về hành cung Vũ Lâm và xuất gia tại đó như phần đầu bài viết này.

Ta chưa biết chính xác nhà Trần cho dựng hành cung Vũ Lâm vào năm nào; có thể là cùng hoặc muộn hơn thời gian Phùng Tá Chu dựng hành cung ở phủ Thanh Hóa. Nhưng rõ ràng đã có một hành cung và một ngôi chùa mà tại đó vào năm 1294, lần đầu tiên Thượng hoàng Trần Nhân Tông xuất gia tu Phật ở Vũ Lâm.

Chúng tôi đã nhiều lần về hành cung Vũ Lâm và chùa Khai Phúc. Gặp gỡ các vị trong Ban quản lý di tích, vị trưởng thôn hoặc các vị trong Ban Mặt trận Tổ quốc thôn Vũ Lâm. Các vị cũng như các cụ cao tuổi trong làng đều hết lòng gìn giữ và tôn tạo di tích. Tất cả bà con trong làng đều lấy làm vinh dự khi được biết, Vũ Lâm là nơi xuất gia tu Phật đầu tiên của đức Phật hoàng Trần Nhân Tông. Các cụ còn kể đã đi Yên Tử, nơi Phật hoàng lập ra Thiền phái Trúc Lâm, một

dòng Việt Phật đầu tiên của nước ta. Lại cũng được biết dòng thiền Trúc Lâm đang được phục hưng bởi Hòa thượng Thích Thanh Từ và nhiều vị thạc đức khác trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Nhiều thiền viện như Thường Chiếu (Vũng Tàu), Trúc Lâm (Đà Lạt), Long Động (Yên Tử), Tây Thiên (Vĩnh Phúc), Bạch Mã (Thừa Thiên - Huế)... Tất cả các Thiền viện đều có tăng đoàn tu tập và thường xuyên hoằng pháp trong và ngoài tự viện, được dân chúng hoan hỷ hưởng ứng.

Trở lại thực trạng hành cung và ngôi chùa cổ Khai Phúc ở Vũ Lâm.

Hành cung, theo lời kể của bà con, xưa nằm trên một doi đất cao, xung quanh là rừng vầu quanh năm xanh tốt, chợt có làn gió nhẹ đã nghe thấy tiếng lá reo như tiếng nhạc. Hành cung là một ngôi nhà gỗ lợp ngói. Đó là một ngôi nhà vừa phải không có gì gọi là xa hoa cầu kỳ, vẫn tồn tại tới trước 1954. Chỉ có điều trong kháng chiến chống Pháp, giặc đốt cháy mất một góc. Sau đó ta vá sửa bằng chính tre vầu đồn chặt trong khuôn viên hành cung. Và được dùng cho một vài lớp học của trường cấp I trong thôn. Nhưng đến khoảng cuối những năm 70, đầu 80 của thế kỷ trước, khi hợp tác xã nông nghiệp đưa lên cấp cao với qui mô toàn xã. Nền xã quyết định phá ngôi nhà gọi là hành cung và cả rừng vầu, san phẳng đi để làm sân kho Hợp tác xã nông nghiệp, còn cột gỗ thì xẻ ra làm nhà kho. Sân kho này rộng khoảng hai hecta (hai vạn mét vuông), được liệt hạng là sân kho lớn nhất huyện Hoa Lu. Hiện nay Hợp tác xã coi như tan rã, sân kho là một bãi đất hoang, không ai dám lấn chiếm, xã cho đầu thầu nhưng không ai ngó tới.

Chùa Hành Cung hay Khai Phúc tự nằm ở phía trước

hành cung, cách 60 mét. Ngôi chùa cũng bị tàn phá không còn gì. Tượng Phật, đồ thờ, tường mái đều mất hết. Nghe nói khoảng tháng 6 năm 1953, giặc Pháp đã đến làng, đốt chùa, nhà thờ Thiên Chúa và cả hành cung.

Khoảng năm 1990, các Phật tử đứng ra quyên góp cùng dân làng dựng lại ngôi chùa bằng tranh tre để thờ tạm, nhưng trải hơn hai chục năm đã mục và dột nát không thể vá víu được nữa.

Chúng tôi về chỉ nghe tiếng than thở của bà con. Tôi tìm hiểu về các cổ vật vĩnh cửu như bia đá, chuông đồng được bà con cho biết. Mặc dù giặc đốt phá nhưng chùa vẫn còn lưu giữ được 9 tấm bia đá khá to. Tôi lấy làm mừng lắm, nhờ bà con dẫn đi xem. Duy nhất còn một tấm “bia Hậu”. Tức là bia ghi tên tuổi những người mua “Hậu Phật”, không cho ta biết một chút gì về lịch sử ngôi chùa và lịch sử địa phương. Hỏi còn 8 tấm bia nữa ở đâu. Bà con cho biết, lệnh trên sai đập vỡ để lấy đá xây chân móng nhà kho hợp tác xã. Chúng tôi thật sự ghen ngào, và không biết nói như thế nào đối với hành vi ngược đãi văn hóa đến xác xược như vậy.

Hiện chùa còn giữ được chiếc chuông nhỏ khá đẹp, đúc vào thời Lê trung hưng.

Giờ đây, khi trở lại Vũ Lâm. Một sự thay đổi đáng kể. Chùa đã hưng công, dựng được bộ khung, nếu hoàn thiện cũng tạm gọi là rộng rãi và khang trang.

Tôi hỏi bà Minh, một cán bộ hưu trí đã hơn 80 tuổi, trong Ban quản lý di tích, rằng bà con lấy tiền đâu để dựng chùa. Bà Minh trả lời: “Đây là bà Nhân bà ấy vận động chú dân làng làm gì có tiền. Các ông có gặp bà Nhân chúng tôi cho người đi tìm”.





Thực tình tôi nghĩ, bà Nhân là một đại gia, hay một nhà tài trợ độc quyền hay một người đầu thầu nào đó, nên tôi không muốn gặp. Tôi nói với bà Mai: “Chúng tôi chỉ là khách vãng lai, nên không muốn làm phiền bà Nhân”. Trong lòng tôi thầm nghĩ đến nhiều người thực tâm hiếu kính tiền nhân, nên không quản khó nhọc để gìn giữ hoặc tu bổ di tích. Nhưng cũng không thiếu nơi giả danh hiếu Phật để buôn Phật. Như ngôi chùa họ đang trong thời gian xây dựng, đã rao bán một ngàn bức tượng Phật nhỏ, cao cỡ một gang tay, với giá 5 triệu đồng một bức, ai mua sẽ được ghi tên vào đất bụt và đặt trong hốc tường. Một ngàn bức tượng nhỏ kia, cái chùa buôn Phật ấy đã thu về 5 tỉ bạc. Và nếu đã làm hàng loạt như hàng hóa, giá mỗi bức tượng kia chỉ dăm trăm ngàn đồng là cùng.

Thời buổi này, ai buôn bán giỏi, lời 10 phần trăm coi như là thắng rồi, thế mà buôn Phật lại gấp 10 lần, ai chẳng muốn mở cái tâm phàm ra mà đón cửa thiên hạ.

Chúng tôi theo về nhà bà Mai để xem một số tài liệu về ngôi chùa cổ, mà các vị cao niên trong làng đã sưu tầm và ghi chép lại. Bà Mai chưa kịp pha trà thì thấy một Ni sư xuất hiện ở đầu sân.

Tôi vẫn giữ thái độ dè dặt. Nhưng Ni cô chạy ào vào nhà, giọng hồ hởi: “Từ ba ngày nay con đã quán chiếu thấy có khách về thăm chùa. Chiều nay, ruột nóng như sôi, thế là con chạy sang thẳng đây. May quá gặp quý khách”. Trong đoàn chúng tôi có một vài người mới chỉ gặp thoáng Ni cô một lần. Nay họ nhận ra nhau thân mật như những người bạn cũ.

Khi biết Ni cô chính là bà Nhân như bà Mai nói, tôi thật yên tâm. Nhưng trước đó bà lại không nói rõ là Ni cô Thích Diệu Nhân. Được biết Ni cô trụ trì tại chùa Yên Ninh, thôn Đông Trang xã Ninh An cùng huyện Hoa Lu tỉnh Ninh Bình. Yên Ninh ở cách Vũ Lâm chừng 3 ki lô mét. “Thấy chốn tổ xuất gia đầu tiên điều tàn quá, lòng con không yên, thế là cấp bát đi khắp thiên hạ, ai cho đồng nào bỏ vào đấy tích góp lại được hơn 1 tỉ đồng, mới làm xong được bộ khung thôi các cụ ạ. Con thiếu 500 triệu nữa thì hoàn thiện được ngôi Tam bảo”. Ni cô trần tình công việc của mình như vậy.

Tuyệt nhiên Ni cô Diệu Nhân không mở lời yêu cầu bất cứ một cá nhân hay tổ chức nào tài trợ, để bà hoàn thành nốt phần công việc còn lại.

Tôi hỏi:

- Ni cô lấy tiền đâu để làm tiếp?

Nhà sư trẻ cười hồn hậu giải bày rất khiêm tốn:

- Dạ thưa, số tiền dựng lên được bộ khung chùa này là của bá tính thập phương, chứ nhà chùa con lấy đâu ra tiền. Thôi thì cái duyên mới tới đấy hãy dừng lại đấy. Con xin nguyện sẽ cùng bà con thôn Hành Cung dựng lại ngôi chùa Khai Phúc cho thật khang trang để thờ Phật hoàng Trần Nhân Tông, nhưng tới lúc nào hoàn tất cũng còn tùy duyên, chứ con không dám nài nỉ thập phương bá tánh.

Ồi một nhà sư trẻ, một ni cô đi “ăn mày” thiên

hạ lấy tiền xây chùa mà vẫn giữ được tâm hồn cao thượng. Thật đáng trọng thay nhân cách một con người. Thế mà những kẻ đang tay xâm hại các di tích lịch sử, những kẻ buôn thần bán Phật lại không biết hổ thẹn sao.

Địa danh Vũ Lâm đã đi vào lịch sử từ hơn 700 năm nay. Nó được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong bộ sử lớn nhất nước là Đại Việt sử ký toàn thư. Nó cũng được ghi rất trịnh trọng trong sách “Tam tổ thực lục”. Cũng không hiểu ông giám đốc Sở Văn hóa Ninh Bình đã báo cáo tình trạng di tích sắp trở thành phế tích với Cục Di sản chưa? Và Cục di sản Bộ Văn hóa TT-DL đã báo cáo việc này với ông Bộ trưởng Bộ Văn hóa TT-DL chưa.

Kinh nghiệm như năm 2001, khi chúng tôi không tin vào sách hướng dẫn về di tích danh thắng Yên Tử của ông giám đốc sở Văn hóa - Thông tin, Chủ tịch Hội khoa học lịch sử tỉnh Quảng Ninh, viết chung với một vị giáo sư tiến sỹ rất có uy tín trong giới sử học chỉ ra “Am Ngọa Vân nằm phía sau Thác ngụ dội (Thác tử)”. So với những gì ghi lại trong sách “Thánh đăng lục” khiến tôi không tin, đã trở về Đông Triều và tìm thấy “Am Ngọa Vân”, có cả mấy tấm bia trùng tu từ đời Lê, đời Nguyễn, lại có cả “Tháp Phật hoàng”. Chúng tôi viết bài, chụp ảnh và dịch cả văn bia đăng Báo Văn Nghệ của Hội Nhà văn Việt Nam.

Sau đó, Bộ Văn hóa - Thông Tin đã kịp thời nghiên cứu và cấp bằng xếp hạng DI TÍCH QUỐC GIA CHÙA NGỌ VÂN thuộc xã Bình Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo quyết định số 55/2006/QĐ BVHTT ngày 29 tháng 5 năm 2006 do ông Bộ trưởng Phạm Quang Nghị ký.

Mong sao cụm di tích lịch sử Vũ Lâm sớm được đối xử như Am Ngọa Vân! Không lẽ gì Am Ngọa Vân là nơi Phật hoàng Trần Nhân tông nhập niết bàn thì được xếp hạng di tích quốc gia, còn Vũ Lâm là nơi đầu tiên Thượng hoàng Trần Nhân Tông xuất gia tu Phật lại bỏ hoang phế và không được liệt hạng di tích lịch sử quốc gia?



QUAN ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO

về chiến tranh và xung đột

Đức Phật luôn luôn nhấn mạnh vào tầm quan trọng của cuộc sống bình ổn. Ngài luôn luôn hướng dẫn con người ta hướng đến sự hòa bình. Niết Bàn là mục đích tối cao của tất cả người con Phật. Nơi đó được cho là “Con đường thánh thiện và bình yên nhất”.

Thỉnh thoảng người ta nghĩ rằng Phật giáo ra đời cách nay 2600 năm thì làm sao giáo lý của tôn giáo ấy có thể áp dụng và giải quyết những vấn đề hiện tại. Nhưng khi chúng ta thấy rằng những nguyên nhân của tất cả các rắc rối của xã hội ngày nay đều bắt nguồn từ những tư tưởng ô nhiễm của con người thì Phật giáo là tôn giáo duy nhất có thể đưa ra giải pháp hoàn hảo để loại trừ những ô nhiễm ấy và làm cho đầu óc họ trở nên trong sáng và bình yên hơn.

Một hiểu lầm nữa về Phật giáo là một số người nghĩ rằng Phật giáo không liên hệ gì đến đời sống thế tục, mà nó chỉ dành cho những người xuất gia. Nhưng nếu xem xét kỹ lời dạy của đức Phật thì ta thấy rằng chúng liên hệ với nhau rất mật thiết. Cách sống của chu tăng ni có thể cung cấp một mẫu mực lý tưởng mà người tại gia có thể học tập tùy theo khả năng của

họ. Thế nào là đời sống lý tưởng của chu tăng ni? Về điều này không ít người đã hiểu lầm. Vào thời Đức Phật, một Bà la môn đã nói với con gái ông khi cô gái muốn gia nhập tăng đoàn, rằng, chu tăng là những người lười biếng và không làm gì cả. Họ chỉ sống dựa vào sự ủng hộ của người khác nhưng lại sống một cuộc sống hết sức thoải mái về vật chất. Tại sao con thích họ chứ? Cô gái đã trả lời rằng: “Chu tăng là những người thích làm việc và họ không hề lười biếng. Họ làm việc một cách thích đáng. Họ loại trừ sự tham lam và thù hận. Vì thế con thích họ”. Người ta nên hiểu bản chất thực của Phật giáo và những người theo đạo Phật thì họ mới hiểu được khả năng của Phật giáo trong việc ngăn chặn và giải quyết các vấn nạn của thế giới ngày nay.

Đức Phật luôn luôn nhấn mạnh vào tầm quan trọng của cuộc sống bình ổn. Ngài luôn luôn hướng dẫn con



người ta hướng đến sự hòa bình. Niết Bàn là mục đích tối cao của tất cả người con Phật. Nơi đó được cho là “Con đường thánh thiện và bình yên nhất”. Khi Đức Phật còn là một vương tử trẻ, Ngài đã từ bỏ con đường mà có thể dẫn đến chiến tranh và xung đột để đi tìm con đường có thể đem đến hạnh phúc tối cao cho tất cả chúng sanh.

Trong thế giới hiện tại, sở dĩ có chiến tranh và xung đột là do những nguyên nhân sau đây:

1. Tham sân si
2. Thiếu hiểu biết
3. Kinh tế và Chủ nghĩa vật chất
4. Sự nghèo khổ
5. Cuồng tín
6. Quan điểm chính trị

Chiến tranh sinh ra những vấn nạn về kinh tế và xã hội một cách nghiêm trọng cho mỗi quốc gia. Người ta phải chi tiền cho quân đội, quân nhu và đủ loại vũ khí như tên lửa, súng đạn cũng như các loại bom đạn khác nhau... Ngoài sự tổn kém về tiền bạc, chiến tranh còn hủy diệt tất cả các nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như mạng sống con người. Gia đình tan nát, đạo đức ngã nghiêng với các loại trộm cướp, hiếp dâm. Lương thực thì thiếu thốn, bệnh dịch thì tràn lan, cảnh màn trời chiếu đất xảy ra khắp nơi. Những cuộc chiến tranh đã và đang xảy ra ở các nước đều cho ta thấy một bức tranh giống nhau như thế. Tiền bạc thay vì đem đi phục vụ cho chiến tranh, chúng sẽ tốt hơn nếu được dùng vào các công ích xã hội như xây nhà cửa cho người nghèo, đầu tư giáo dục cũng như phát triển các phương tiện y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Nếu quan sát kỹ những nguyên nhân của chiến tranh và xung đột thì chúng ta có thể thấy rằng, chúng đều bắt nguồn từ những hành động như cướp đất, xâm phạm biên giới và chủ quyền lãnh thổ quốc gia, cuồng tín, tham vọng chính trị hoặc là để trả thù...

Ngăn chặn chiến tranh và xung đột là nguyện vọng của tất cả mọi người. Đối với những vấn đề mang tính chất toàn cầu hiện nay, Phật giáo đã đưa ra những lời khuyên thích hợp nhất để ngăn chặn chiến tranh và xung đột. Ví dụ như trong kinh Pháp Cú, Phật dạy rằng: Oán thù không thể dập tắt được oán thù, mà chỉ có tình thương mới dập tắt được oán thù mà thôi. Tất cả chúng ta nên có thái độ như thế mà đừng nghĩ đến việc báo thù. Đức Phật luôn luôn khuyên hàng Phật tử nên có thái độ hài hòa với người khác vì điều đó dẫn đến sự an lạc từ bên trong mỗi người.

Phật giáo chủ trương không bạo lực. Tín đồ của tất cả các tôn giáo đều có thể áp dụng điều này. Lời Phật dạy cho việc ngăn chặn và chấm dứt chiến tranh và xung đột ở cả hai phương diện, bên trong ý thức con người và bên ngoài xã hội. Một vài tác phẩm sau này

đã đưa ra những ý kiến không phù hợp lắm với những gì Đức Phật thật sự dạy. Ví dụ như những câu chuyện về tiền thân Đức Phật được biên soạn vào giai đoạn Kurunagala ở Sri Lanka thế kỷ thứ 13. Theo đó, trong một vài câu chuyện, Bồ tát được diễn tả như những chiến binh. Tùy theo thời gian và hoàn cảnh mà các tác giả đó đã cố tình tạo ra hình ảnh Bồ tát như những vị vua hoặc tướng lĩnh để bảo vệ đất nước trước nạn ngoại xâm. Tuy nhiên Đức Phật dạy rằng người nào tham dự vào chiến tranh và xung đột thì họ sẽ rước lấy sự bất hạnh to lớn. Trong Kinh Phạm Võng thuộc Trường Bộ Kinh, Đức Phật dạy rằng: “Anh ta là người hòa giải, người mà ở trong tình trạng xung đột có thể khuyến khích người khác đoàn kết, hòa hợp, thụ hưởng hòa bình, yêu hòa bình, vui với hòa bình, anh ta là một người, người mà luôn nói lời ca ngợi sự hòa bình. Từ bỏ sát sanh, bậc tu hành Gotama kiềm chế việc sát sanh. Ông ấy sống không có sử dụng gậy và guom, sống với sự quan tâm, từ ái và thông cảm người khác.”

Theo gương Đức Phật, người Phật tử đề cao lối sống đạo đức. Họ không bao giờ làm hại người khác, cướp bóc hay tước đoạt của người khác thứ gì. Trong Trung Bộ Kinh, Đức Phật dạy có hai nguyên nhân chính gây ra chiến tranh và xung đột, đó là tham ái và đam mê khoái lạc giác quan. Xem xét nguyên nhân của những cuộc chiến tranh và xung đột trước đây cũng như hiện tại, ta thấy rằng, tham ái và những nhu cầu vật chất chính là những nguyên nhân chính của những cuộc chiến tranh và xung đột đó. Đức Phật giải thích rằng người nào có khả năng làm chủ các giác quan và loại trừ tham ái thì anh ta sẽ không có khuynh hướng đấu tranh hay hay hãm hại kẻ khác, ức hiếp hay lạm dụng, trộm cắp hay tước đoạt tài sản của kẻ khác.

Trong lời dạy của mình, Đức Phật chú trọng đến nguyên nhân của xung đột. Phật giáo không đánh giá cao những giải pháp tạm thời. Bởi vì nếu như những nguyên nhân của chiến tranh và xung đột không được gỡ bỏ vĩnh viễn thì chiến tranh và xung đột sẽ lại tiếp diễn lần sau và lần sau nữa.

Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Su Tử Hống và Kinh Cú La Đàn Đàn nêu ra một khía cạnh khác của chiến tranh và xung đột. Đó là sự tranh giành tài nguyên thiên nhiên và tài sản vật chất. Khi con người ra sức gom góp của cải thì xảy ra sự tranh giành giữa người này với người kia, nhóm này với nhóm kia và nước này với nước khác. Sự tranh giành dần dần dẫn đến xung đột, chiến tranh. Vì thế mà Phật giáo khuyên con người nên nghĩ đến sự vô thường của vật chất. Khi người ta thấy được tính chất phù du của vật chất thì người ta có thể đi ra ngoài những cuộc tranh giành khốc liệt.

Trong Kinh Đế Thích Sở Vấn, vua trời Đế Thích đến hỏi Phật rằng, các vị trời và loài người luôn luôn muốn sống hài hòa với nhau nhưng tại sao họ cứ phải gây gỗ và đấu tranh với nhau không dứt? Đức Phật giải

thích rằng có hai yếu tố tâm lý làm phát sinh xung đột. Đó là ganh tỵ và bủn xỉn. Tâm lý muốn vô vét nhưng lại không chịu đựng được khi thấy người khác hơn mình chính là nguyên nhân trực tiếp của chiến tranh và xung đột.

Theo Đức Phật thì các nhà lãnh đạo tôn giáo và chính trị có vai trò hàng đầu trong việc ngăn chặn xung đột và chiến tranh. Một nhà lãnh đạo tốt, có trách nhiệm sẽ lãnh đạo đất nước sống trong hòa bình. Nhưng khi đất nước được lãnh đạo bởi một nhà lãnh đạo không chính trực thì đất nước đó thế nào cũng rơi vào tình trạng bi đát. Cho nên trong Tăng chi Bộ Kinh đức Phật dạy rằng: “Cũng như con bò đầu đàn đi bầy thì các con bò khác đi bầy theo, một người lãnh đạo đối xử với người khác không đúng đắn thì những người dưới họ cũng làm như vậy. Một nhà lãnh đạo tồi sẽ chối bỏ trách nhiệm sau khi ông ta đẩy tất cả mọi người vào trong chỗ nguy hiểm. Vì thế, một nhà lãnh đạo tốt nên hướng dẫn mọi người đi theo con đường chân chính”.

Khao khát và kiêu căng cũng là nguyên nhân của chiến tranh và xung đột. Trong lịch sử loài người, con người tạo ra chiến tranh và xung đột để bảo vệ sự kiêu căng và tham vọng của họ. Đức Phật khuyên người Phật tử nên loại trừ sự kiêu căng như thế ra khỏi cuộc sống của họ. Nhiều cuộc xung đột xã hội, nội chiến, đấu tranh vũ trang nổi lên là do sự lãnh đạo yếu kém của các nhà lãnh đạo. Đức Phật khuyên các nhà lãnh đạo nên tránh bốn khuynh hướng. Đó là cảm tình thiên vị, thù hận, sợ hãi và ảo tưởng. Nhà lãnh đạo không nên quan tâm đến vấn đề nhu giới tính, tầng lớp xã hội, tuổi tác, tôn giáo, chủng tộc... của đối tượng khi họ sắp quyết định một vấn đề. Nói cách khác, quyết định của họ không nên bị chi phối bởi những yếu tố trên.

Bởi vì tham ái và ý tưởng trả thù mà chiến tranh và xung đột khởi lên liên miên. Đức Phật đề cập đến một nguyên nhân khác của chiến tranh. Đó là có một số người cho rằng bản thân họ, tôn giáo họ hay quốc gia họ cao nhất, còn những người khác, tôn giáo khác, quốc gia khác thì thấp hơn. Đức Phật dạy trong kinh Pháp Cú rằng: Kẻ thắng thì bị thù ghét, người thua thì sống trong đau buồn. Cả hai phía đều bị ảnh hưởng bởi chiến tranh. Kinh Cullabodhi Jakata nói rằng lòng hận thù và ý muốn trả thù tiêu diệt cuộc sống con người. Cũng như hai cây gậy đập vào nhau, lửa tóe ra tiêu diệt cả hai cây. Theo Phật giáo thì trong chiến tranh, không có ai là kẻ thắng cuộc cả. Thay vào đó, Đức Phật nhấn mạnh đến tầm quan trọng của sự tự thắng mình trước những ô nhiễm của chính bản thân mình.

Trong kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy rằng, chiến thắng được dục vọng của mình thì vĩ đại hơn thắng ngàn kẻ thù bên ngoài. Ngài luôn luôn khuyên chúng ta là hãy nhìn thấy lỗi của mình thay vì đi tìm lỗi của người khác. Bởi vì khi người ta thấy lỗi của người khác thì xung đột

Trong lịch sử loài người, con người tạo ra chiến tranh và xung đột để bảo vệ sự kiêu căng và tham vọng của họ. Đức Phật khuyên người Phật tử nên loại trừ sự kiêu căng như thế ra khỏi cuộc sống của họ.

bắt đầu. Đức Phật luôn luôn khuyên chúng ta nên suy tư về bản thân mình để loại bỏ những khuyết điểm của bản thân. Có một lần nọ, khi đức Phật đang ngồi thiền dưới một gốc cây thì một nhóm thanh niên đến hỏi Ngài rằng, Ngài có thấy một phụ nữ đi ngang qua không, thì đức Phật trả lời rằng: “Đừng có nghĩ đến những gì người khác làm hay không làm, mà hãy nghĩ về những gì mình đã làm hay chưa làm”.

Thông thường, người ta hay đổ lỗi hoặc quy trách nhiệm cho kẻ khác mà không thấy lỗi và trách nhiệm của mình. Và đó cũng chính là nguyên nhân của mọi xung đột. Cho nên Đức Phật khuyên chúng ta nên xác định trách nhiệm của mình và đối xử tốt với người khác. Ngài khuyên chúng ta hãy trải lòng từ, thậm chí đối với kẻ thù. Trong kinh Ví Dụ Cái Cui thuộc Trung Bộ kinh, Đức Phật đã khen ngợi tính kiên nhẫn của một vị tăng khi vị này đã trải lòng từ cho những tên cướp dù chúng đã cắt đi một phần cơ thể của vị tăng và làm cho vị tăng đau đớn đến chết.

Tóm lại, lời Phật dạy có thể dùng để giải quyết những vấn đề hiện tại một cách vĩnh viễn. Bởi vì Phật giáo giải quyết vấn đề từ căn bản gốc rễ của nó. Chiến tranh và xung đột khởi lên là do nhu cầu chính trị, tham vọng của những cá nhân hoặc nhóm người. Đức Phật đã giới thiệu nhiều nguyên tắc để ngăn chặn chiến tranh và xung đột. Chính trực, tôn trọng lẫn nhau, chia sẻ quyền lợi, từ bi, nhẫn nhục, nhu thuận là những nguyên tắc quan trọng rất cần được thực hành vậy.

Tác giả: **Polgolle Kusala Dhamma**
Trung Hữu lược dịch



NGUYÊN NHÂN ĐỨC PHẬT CHẾ GIỚI LUẬT

“Giới là lộ trình sống thực của chân lý, được kết tinh từ nhân cách phẩm chất đạo đức, nhằm nuôi dưỡng lớn công hạnh tự lợi, lợi tha, một yếu tố tác thành Phật quả. Giới cũng chính là cơ năng nòng cốt để xây dựng trật tự kỷ cương, một con người toàn diện trong sáng, nâng cao trí thức, phát triển trí tuệ”.

Thích Nữ Tâm Thư

Đức Thế Tôn đã là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác làm bất cứ việc gì cũng cẩn thận chu đáo, không sơ sót dù là một chuyện nhỏ. Trong 12 năm đầu khi giáo đoàn thành lập chúng tăng hầu hết phần đông là căn cơ trình độ giáo pháp cao siêu là những bậc thánh A-la-hán, thành phần tu tập đoạn dứt lậu hoặc. Những vị căn cơ còn thấp kém chỉ nghe đức Thế Tôn khai thị vài lần liền chứng ngộ. Vì thế nếp sống của chư Tăng thuở ấy hoàn toàn thanh tịnh. Tuy đức Thế Tôn chưa chế Giới luật nhưng Giới vẫn có, chỉ giới hạn được trình bày dưới dạng những hình thức đơn giản tổng quát về mặt hộ trì các căn.

Thế Tôn dạy: “Tỳ kheo khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, lưỡi nếm vị, mũi ngửi hương, thân xúc chạm, ý

duyên pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, cũng không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến cho các căn không được duyên theo, không bị sinh tâm tham ái, ưu bi và các bất thiện pháp khởi lên, nếu có khởi lên Tỳ kheo liền chế ngự nguyên nhân ấy sống thực hành hộ trì các căn”.

Đức Thế Tôn thực hành qua giai đoạn thực hành Trung Đạo Đế, hành Bát chánh đạo dưới hình thức, Tỳ kheo nên giữ Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Qua sự trình bày như trên chúng ta thấy Giới luật tuy có mà chưa rõ ràng.

Trong Ngũ Phần Luật quyển 1, Ngài Xá Lợi Phất trình thưa Phật: “Bạch đức Thế Tôn làm sao để Chính pháp của đức Như Lai, sau khi Như Lai diệt độ rồi

Chính pháp ấy được tồn tại lâu dài”.

Thế Tôn dạy: “Đức Phật nào mà có nói giới nói pháp thì chúng đệ tử nhờ đó để tu hành, làm cho Chính pháp được cửu trụ lâu dài”.

Ngài Xá Lợi Phất thưa: “Bạch Thế Tôn tại sao con không thấy Thế Tôn chế giới mà chỉ nói Pháp?”

Đức Phật nói: “Này Tôn giả, ta biết thời phải làm gì, nay chưa đến thời ta chưa chế giới. Khi nào trong Tăng chúng có việc vì danh lợi, vì hữu lậu xảy ra thì Như Lai mới chế giới”.

Ngài còn dạy rằng: “Nếu Ta chế Giới trước khi vi phạm, thì người đời sẽ phỉ báng ta. Họ sẽ bảo rằng tôi không có gây tội, sao lại cưỡng chế ra Giới luật. Đây không phải là nhất thiết trí. Như thế là Như Lai không có tâm từ bi, không lợi lạc, không bảo bọc chúng sanh. Như người không có con lại nói rằng sẽ sanh con vào giờ ấy. Chuyện ấy không thể tin, vì không chân thật. Nếu là sự thật đưa con người ta mới tin được, cũng thế hữu lậu chưa sanh, tội chưa làm, trời người chưa thấy làm sao chế Giới được. Cho nên cần phải thấy rõ phạm tội, rồi sau đức Thế Tôn mới chế Giới, đây là đúng thời. Này Xá Lợi Phất như y sĩ biết là nguyên nhân tật bệnh và biết thuốc nào ngọt để trị bệnh ấy”.

Từ đó, dần dần về sau trong Giáo đoàn Tăng sinh các hữu lậu với mục đích tâm họ không chân chánh. Do đó tăng đoàn đã xảy ra nhiều trường hợp nhiều Tỳ kheo thiếu kỷ cương nề nếp, đời sống buông lung phóng túng, vi phạm tịnh hạnh... khiến cho Giáo đoàn của Phật bị mang tiếng xấu lây, lại có nhiều ý kiến mâu thuẫn. Để giải quyết những vấn đề đó, Thế Tôn bắt đầu chế Giới để đối trị những lỗi lầm đã xảy ra, ngăn ngừa hành vi bất thiện pháp sắp vi phạm hay đã phạm thì phải sám hối, đồng thời duy trì uy tín của Tăng đoàn.

Giới luật được đức Thế Tôn chế vào khoảng năm thứ 13 sau khi đức Phật thành đạo, nhưng tùy phạm tùy kiết, những Giới không nhất định phải chế Giới từ 3 - 4 lần mới thành một Giới. Đây là một trường hợp điển hình nói lên tính linh động và tâm mở rộng của Giới Luật. Trường hợp khác điển hình giới dâm, phải trải qua ba giai đoạn mới thành:

- Giai đoạn thứ nhất: Tôn Giả Tu Đề Na con trai của thôn trưởng Ca Lan Đà, do sự yêu cầu của người mẹ phải để lại đứa con trai để nối dõi tông đường, nên Tôn giả đã hành dâm với người vợ cũ. Sau sự việc xảy ra Tôn Giả bị lương tâm cắn rứt, cảm thấy hổ thẹn với những Tỳ kheo thanh tịnh nên thú nhận tội với chư Tăng, chư Tăng bạch Phật, Phật quả trách rồi chế giới: “Tỳ kheo ấy là kẻ Ba La Di không được ở chung”.

- Giai đoạn thứ hai: Một Tỳ kheo chán nản đời sống phạm hạnh, về nhà hành dâm với vợ cũ. Vì trong Giới Phật chế không cho trường hợp chán nản đời sống phạm hạnh. Do đó, Thế Tôn chế thêm: “Tỳ kheo nào đã trì học xứ và chấp nhận đời sống của Tỳ kheo, chưa hoàn giới sút kém nhưng không phát lồ, hành dâm dục Tỳ kheo ấy là kẻ Ba La Di không được sống chung”.

- Giai đoạn thứ ba: Một Tỳ kheo sống trong rừng, bị thiên ma nhiễu loạn, nên đã hành dâm với con vườn cái. Nghĩ rằng Giới luật đức Thế Tôn dạy không có trường hợp cùng với loài súc sanh, thêm lần nữa Đức Thế Tôn bổ túc thêm Giới trên cho đầy đủ: “Tỳ kheo nào đã thọ trì học xứ và chấp nhận đời sống của Tỳ kheo chưa hoàn giới, giới sút kém nhưng không phát lồ mà hành pháp dâm dục, cho đến cùng với loài súc sanh, Tỳ kheo ấy là kẻ Ba La Di không được sống chung”.

Đức Thế Tôn thị hiện trên cõi đời vị mục đích giải thoát chúng sanh ra khỏi dòng sanh tử, nên Giới luật của Ngài không có tính cách cưỡng chế, bó buộc mà hoàn toàn vì an lạc của chúng đệ tử. Chính nhờ những Giới pháp đó mà Đức Thế Tôn đã tu hành đạt thành Chánh giác và đem sự sáng suốt truyền lại cho chúng sanh coi như Giới thân Huệ mạng của chính mình. Bởi thế trước khi nhập Niết Bàn, đức Thế Tôn đã ân cần Di giáo: “Sau khi ta diệt độ, các người phải tôn trọng giữ gìn Ba-la-đề-mộc-xoa, như người nghèo gặp được của báu, như qua sông đặng ghe, như người bệnh gặp thầy thuốc... phải biết pháp này là Thầy của các người, dù ta có trụ thế cũng không ngoài pháp ấy”. Tinh thần của đức Phật chế giới nhìn trên bề mặt là ý của đại chúng trong Tăng đoàn, Đức Phật chỉ là người chủ trì hoặc là người chứng minh trong quá trình chế Giới. Giới là phương thuốc phòng ngừa sự hu đốn của đại chúng. Đức Phật là vị thầy thuốc chữa bệnh cho chúng sanh, nếu người không bệnh mà ra toa bốc thuốc thì người ấy sẽ phản kháng, họ sẽ nhất định không chịu, còn người mắc bệnh nếu được trị liệu họ sẽ cảm kích vô cùng, đây là tâm lý thông thường của mọi chúng sanh.

Như chúng ta nhận xét qua lời giải trong các kinh đức Thế Tôn giảng dạy xong lại nói rằng: “Tất cả pháp ta nói ra chỉ là phương tiện khi tu hành xong hãy buông bỏ”. Còn đang thời tu hành dù hành giả tu pháp nào đi nữa phải lấy Giới luật làm đầu để giữ gìn phạm hạnh. Nếu hành giả đang thời hành đạo Giới thể đã mất, thời Giới thân Huệ mạng cũng không còn.

“**Đức Phật là vị thầy thuốc chữa bệnh cho chúng sanh, nếu người không bệnh mà ra toa bốc thuốc thì người ấy sẽ phản kháng, họ sẽ nhất định không chịu, còn người mắc bệnh nếu được trị liệu họ sẽ cảm kích vô cùng.**”



Luật Nhân Quả

TRONG CUỘC SỐNG XÃ HỘI VÀ KHOA HỌC

Khi không hiểu luật nhân quả, con người sống trong sự sợ hãi mê tín mù mờ. Họ giải thích những hiện tượng thiên nhiên qua sự mê tín dị đoan. Thí dụ khi hạn hán mất mùa, họ nghĩ là vì ông thần đất đai giận nên phải hối lộ ông ta bằng cách cúng kiến mới có được trời mưa.

Bác sĩ Thái Minh Trung

LUẬT NHÂN QUẢ LÀ MỘT CUỘC CÁCH MẠNG TÂM LINH

Khi không hiểu luật nhân quả, con người sống trong sự sợ hãi mê tín mù mờ. Họ giải thích những hiện tượng thiên nhiên qua sự mê tín dị đoan. Thí dụ khi hạn hán mất mùa, họ nghĩ là vì ông thần đất đai giận nên phải hối lộ ông ta bằng cách cúng kiến mới có được trời mưa. Mới đầu thì tế lễ bằng con gà không có hiệu quả, rồi đến con bò, đến khi sự cuồng tín lên cao có thể dẫn đến giết một em bé hay một trinh nữ để tế thần như dân tộc Incas đã từng làm. Ngoài ra trong cuộc sống hàng ngày, đi đứng làm cái gì quan trọng thì phải coi ngày giờ tốt như vậy để tránh cái sợ hãi của những điều xấu xảy ra bất thần chớ không hẳn là tránh được những điều xấu.

Nếu quả thật có như vậy thì thế giới này không có sự đau khổ vì mọi sự đều như ý con người muốn. Ông vua dù có muốn thầy địa lý giỏi nhất nước để xây cung điện nhưng nếu không thương dân, lấy thuế cắt cổ, lúc hết thời thì ngai vàng vẫn bị mất như thường. Nói về hành động cá nhân, nếu không nhận thức có luật nhân quả thì không có gì ngăn cản con người làm việc ác miễn sao trốn tránh được cặp mắt của luật pháp là được, cho nên xã hội rất bấp bênh. Nếu vua và dân hiểu được luật nhân quả thì đất nước dễ thanh bình và dân sẽ được hạnh phúc.

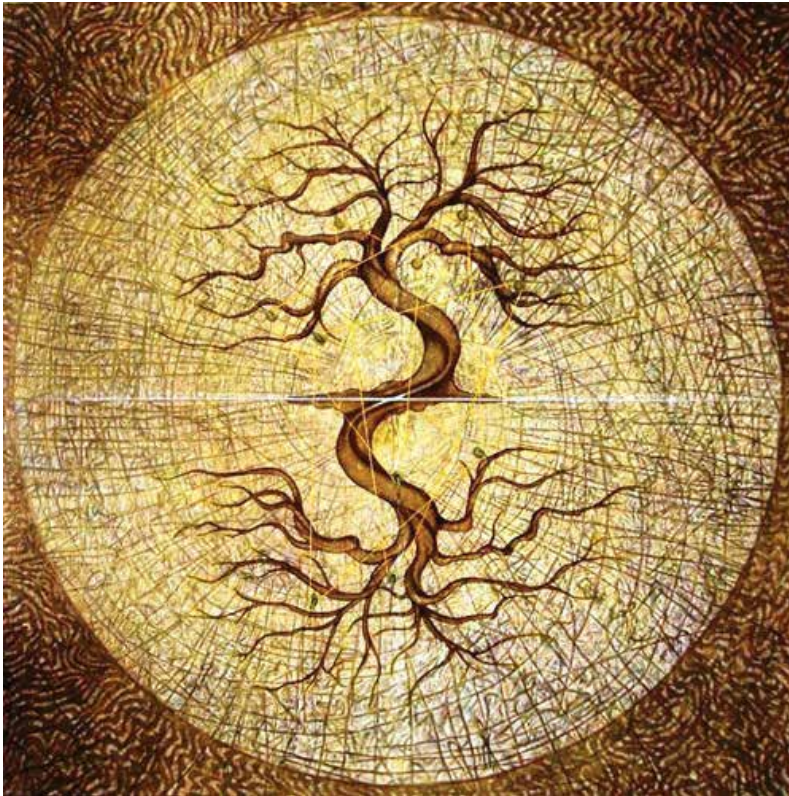
Khi Đức Phật giác ngộ thì Ngài nhận ra luật nhân quả là nền tảng của thế giới tâm linh và vật chất. Mọi hiện tượng từ tâm lý đến vật chất đều có những sự liên quan vô hình rất chặt chẽ, đó là luật nhân quả. Luật nhân quả là sợi dây vô hình nối liền hai biến cố xuyên qua thời gian và không gian. Cho nên khi hiểu luật nhân quả, ta có thể thay đổi biến cố đó theo chiều thuận cho ta, thay vì phải lo sợ hối lộ hoặc cầu khẩn

một vị thần linh tượng tượng nào đó phù hộ cho ta hoặc thỏa mãn điều ta mong ước. Sự mê tín cuối cùng sẽ đưa đến sự thất vọng và mặc cảm tội lỗi (ta có tội nặng quá vị thần không giúp được).

Luật nhân quả rất đơn giản, nếu muốn có một kết quả tốt thì ta phải tạo nhân lành. Thí dụ như khi ta nuôi dưỡng một ý nghĩ hận thù thì ta không thể vui cười hồn nhiên được. Khi ta gạt gẫm người khác thì tối về ngủ không yên giấc vì sợ bị phát hiện. Khi ta gieo hạt lúa thì không bao giờ được cây cổ thụ. Khi con người bắt đầu hiểu được như vậy thì họ lấy về được một phần sức mạnh của những vị thần linh. Họ bắt đầu làm chủ được tương lai của họ và lấy lại định mệnh của họ từ tay các vị thần. Hiểu và tin được luật nhân quả là một cuộc cách mạng tâm linh (spiritual revolution) vì sự nhận thức đó sẽ phá tan gông cùm của sự mê tín và giúp con người làm chủ được cuộc sống của họ.

LUẬT NHÂN QUẢ VÀ KHÁI NIỆM KHÔNG GIAN THỜI GIAN

Khi đi từ thế giới tâm linh qua thế giới vật chất thì sự thể hiện của luật nhân quả thay đổi từ rõ đến mờ. Sự thể nghiệm ở thế giới tâm linh rất nhanh và rõ nhưng khi qua cái màn nặng nề của thế giới vật chất thì luật nhân quả bị loãng ra vì phải trải qua nhiều thời gian mới hiện ra rõ được. Cũng vì thế mà khi con mắt bị vật chất làm mờ rồi rất khó mà nhận thức luật nhân quả. Thí dụ như kẻ trộm thành công một vài lần rất khó nhận thức rằng mình sớm muộn gì sẽ vào tù. Nếu kẻ trộm đó nhận thức rằng mình cần phải thay đổi lòng tham của mình (thế giới tâm lý) thì trong tức khắc có khả năng thay đổi được chiều hướng cuộc sống mình bằng cách học nghề và làm ăn lương thiện. Ngược lại, nếu anh ta cứ tiếp tục hành nghề bất lương, lòng



“

Định mệnh không có khi ta chủ động biến chuyển những tư tưởng (nhân) xấu thành tốt và theo đó diễn biến (quả) tốt lành sẽ đến với ta.

”

tham càng lớn và ăn trộm càng táo bạo hơn, thì một thời gian sau đó anh bị bắt vào tù và sẽ hối hận (thế giới vật chất).

Như vậy, khi nhận thức ở tâm linh thì chuyển nghiệp (karma) rất nhanh, đôi khi nó thể hiện ở cõi vật chất rồi thì cái thời gian thay đổi rất chậm chạp, khó khăn, phức tạp và khổ sở. Với đời sống con người có giới hạn thời gian, sự nhận thức có được khi hoàn cảnh xấu xảy ra đôi lúc quá trễ. Con người có thể không còn đủ thời giờ để cải thiện. Ngoài ra khi họ tiến quá sâu trong hoàn cảnh xấu, trở lại điểm ban đầu rất là gian nan. Thí dụ như anh trộm khi ra tù muốn học lại thì tuổi cao, kiến thức đổi khác nhiều, bạn bè cùng lứa đã có sự nghiệp thành công hết. Anh ta phải khuất phục sự chậm chạp của tuổi cao và lòng mặc cảm để đi học lại. Mặc dù như thế, anh ta sẽ khó mà ngang hàng với các bạn được vì mất khoảng thời gian quá lâu trong tù.

Khi hiểu được luật nhân quả thì câu hỏi có định mệnh (destiny) hay không là tùy nơi con người. Định mệnh có thật khi ta để lực (force) nhân quả lôi cuốn và thụ động để cái nhân ở tâm lý biến thành cái quả ở thế giới vật chất. Định mệnh không có khi ta chủ động biến chuyển những tư tưởng (nhân) xấu thành tốt và theo đó diễn biến (quả) tốt lành sẽ đến với ta. Đôi lúc cái nhận thức nhân quả ở thế giới vật chất rất khó khăn vì có người làm lành mà sao lại gặp ác, rồi họ đâm ra chán nản và cho rằng không có luật nhân quả. Sở dĩ như vậy vì con mắt phàm không thể nhìn thấu được quá khứ và không hiểu được những khúc mắc của nghiệp. Nhưng nếu có người nào đó giữ được tâm hồn tha thứ buông xả thì mặc dù biến

cố xấu đến với họ đó, nhưng cái tác động trên tâm lý tạo sự đau khổ giảm đi rất nhiều. Thì đó chẳng qua là một điều lành trong một biến cố dữ. Hiểu được luật nhân quả ở tâm thì ta nhận thức rõ hơn và ta sẽ thấy sự thay đổi nhanh hơn.

NHÂN - DUYÊN - QUẢ

Nghiệp (karma) là những biến cố vui buồn xảy ra trong đời người. Nghiệp, dòng sông nhân quả trong cuộc đời con người, rất là phức tạp. Nghiệp không phải đơn giản như một cái máy, ta bấm nút (nhân) thì máy hoạt động (quả). Nghiệp có thể ví như một dòng sông và nhân quả là những phân tử (molecule) nước lưu chuyển, tác động lẫn nhau trong dòng sông đó. Ngoài nhân - quả ra còn yếu tố duyên nữa. Duyên là những yếu tố ở không gian và thời gian giúp nhân trở thành quả hoặc ngược lại ngăn cản hoặc đình trệ sự nối liền của nhân quả, làm giảm sức mạnh của quả. Sự sống đa dạng và sáng tạo là nhờ duyên. Như vậy duyên đóng vai trò điều chỉnh (modulation) nhân - quả. Thí dụ dễ hiểu là khi ta gieo hạt lúa (nhân) trong đồng ruộng ẩm ướt phì nhiêu (duyên), vài tháng ta sẽ có những cọng lúa xanh mượt (quả). Nếu có người lữ hành băng qua sa mạc và làm rơi một hạt lúa thì ngàn năm sau hạt lúa đó vẫn là hạt lúa (nghịch duyên). Nếu hạt lúa đó được gió thổi rơi vào một nơi ẩm ướt trên sa mạc thì hạt lúa sẽ mọc thành cọng lúa nhưng rất yếu ớt vì thiếu phân bón. Như thế ta thấy rằng cùng một nhân, qua nhiều duyên khác nhau sẽ cho ta kết quả khác nhau. Thực tế nhân quả không đơn giản như trên mà hoạt động như một mạng lưới nhện (web).



Một nhân có thể là khởi đầu của một chuỗi phản ứng (chain of events). Những yếu tố duyên tác động lên chuỗi phản ứng đó để cho ra nhiều kết quả ở nhiều từng lớp khác nhau. Thí dụ: Có một người vì lòng tham (nhân) phá rừng bán gỗ làm lợi nhuận cho riêng mình. Trời mưa, không có rễ cây hút nước (duyên) nên tạo thành lụt (quả), loài chim mất môi sinh (duyên) dời đi nơi khác (quả). Không có chim ăn (duyên) nên sâu bọ lan tràn đồng ruộng (quả). Không có cây hút thán khí (CO²) nên từ đó khí hậu bị ô nhiễm. Một nhân thiếu sáng suốt sẽ gây ra rất nhiều hậu quả tai hại về sau mà ta khó có thể lường trước được.

Giới luật là nhằm biến đổi cái duyên để cho cái nhân tham, sân và si không có cơ hội để biến thành quả dữ (tham - ăn trộm, sân - giết chóc, si - đau khổ). Xuất gia là tránh xa những duyên có thể dẫn đến quả dữ và gần gũi với những duyên khuyến khích quả lành được biểu hiện. Tuy nhiên thay đổi duyên ở thế giới vật chất không bền vững lắm. Thí dụ lòng tham tiền có thể biến thành tham chùa mình được đẹp nhứt, sân (giận) có thể biến thành bực bội khi đệ tử quên chấp tay xá mình, và si là chấp vào thời gian tụng kinh mà không hiểu ý kinh tạo ra sự tranh chấp hơn thua. Cho nên vào cảnh tịnh mà còn giữ mầm mống tham, sân, si thì cảnh tịnh đó sẽ trở nên cảnh ưu phiền.

Thiền tông chú trọng đến cái duyên ở tâm là tư tưởng. Tham, sân, si mà không có tư tưởng để nuôi dưỡng chúng thì dần dần sẽ tự tiêu mòn. Cho nên giữ giới nơi tâm thì hiệu nghiệm hơn là giữ ở thân hay cảnh. Nếu tâm ta nuôi dưỡng sự bực dọc mà miệng thì tụng kinh thì khó có thể mà ta có được hạnh phúc vì càng tụng kinh, càng mệt mỏi thì sự bực dọc càng nhiều hơn nữa. Một trong những phương pháp thiền là ta nhận thức sự bực bội và từ bi hỷ xả phóng sanh nó ra theo từng hơi thở nhẹ nhàng rồi dần dần sự bực bội đó sẽ tan biến. Đó là một cách “tụng kinh sống” hữu hiệu nhứt. Tụng kinh sống là tụng ý (thay vì chữ) kinh trong từng hơi thở, trong lúc đi, đứng, nằm và ngồi. Nói một cách khác, thiền hay tụng kinh sống là khi ta ý thức không tạo cái duyên nuôi dưỡng tham, sân, si trong tâm ta. Nếu ta không nuôi chúng thì tự động chúng sẽ rời bỏ ta. Rồi ta sẽ trở về sống với con người hạnh phúc của ta.

NHÂN QUẢ VÀ THIÊN CHÚA GIÁO

Mặc dù Thiên Chúa giáo không đề cập nhân quả một cách trực tiếp nhưng tất cả những câu chuyện trong Thánh kinh đều khuyến răn con chiên hãy củng cố lòng tin Chúa, thương người, giúp đỡ xã hội thì sẽ được cuộc sống hạnh phúc trong vĩnh cửu. Nói một cách khác, Chúa khuyến con chiên tạo nhân lành (lòng tin, thương người, tha thứ), tạo duyên lành (xây dựng một xã hội lấy nền tảng là sự yêu thương đùm bọc lẫn nhau, truyền đạo cho nhiều người được nhận thức) thì kết quả cuộc sống hạnh phúc sẽ dễ được thực hiện trên thế gian này và nếu tất cả mọi người làm

được thì sẽ được hạnh phúc trong vĩnh cửu.

Tuy nhiên có nhiều con chiên quá cuồng tín dùng sức mạnh áp đặt niềm tin lên kẻ khác và kết quả là hận thù và chiến tranh. Điều dễ hiểu là vì cái nhân là tham (muốn cá nhân mình được nhiều phước khi dẫn người khác vào đạo), sân (bực tức khi người ta không theo đạo mình) và si mê (ngạo mạn coi đạo mình trên tất cả các đạo khác) thì kết quả sẽ là chiến tranh và đau khổ. Vấn đề này không hẳn xảy ra ở đạo Chúa mà còn gặp ở nhiều tôn giáo khác hoặc ngay cả ở đạo Phật (phái này chê bai phái khác). Đó là vì con người mê lầm không chữa trị cái tham, sân si nơi chính mình mà muốn thay đổi thế gian. Muốn cái quả khác cái nhân thì không bao giờ có được. Nếu có kẻ nào nói làm được hẳn là họ tự gạt chính họ, sống trong ảo tưởng u mê. Tôn giáo cũng như thuốc, trị đúng bệnh thì thuốc hay, dù có thuốc quý mà dùng sai bệnh thì thuốc quý có thể thành độc dược. Vì thế không thể nói thuốc này hay hơn thuốc kia được. Đạo Phật có thí dụ ngón tay (phương tiện) chỉ mặt trăng, nếu ta ở nhiều nơi khác nhau thì ngón tay sẽ chỉ nhiều hướng khác nhau, nhưng khi nhìn thấy mặt trăng (cứu cánh) thì chỉ có một.

Tác động trên tâm lý của Thiên Chúa giáo là dùng tình thương người và sự tha thứ tạo cái duyên lành làm giảm bớt ảnh hưởng của hoàn cảnh xấu (quả). Nếu ta tin vào một Thượng Đế công bằng bác ái ở bất cứ mọi nơi và mọi lúc, thì ta giao phó cho Ngài xử phạt những bất công trong cuộc đời ta. Như thế ta không mất ngủ bực tức tìm cách trả thù hay tìm những lời nói đâm thọc xỏ xiên. Với lòng tin đó ta sẵn sàng tha thứ kẻ muốn ám hại ta, tâm ta được an ổn và ta gieo rắc sự an ổn đó cho những người chung quanh ta. Làm được như vậy, mặc dù ta không mở miệng truyền giáo nhưng sẽ có rất nhiều người theo vì họ mến ta. Như thế lời cầu nguyện hữu hiệu nhứt phát xuất từ tư tưởng tha thứ thương yêu chớ không phải từ miệng nói tiếng thương yêu trống rỗng. Giáo đường chân thật của một linh mục hay mục sư là sự an ổn của con chiên khi họ cảm nhận được tình thương và sự tha thứ chân tình qua hành động của vị mục sư đó, chớ không phải cái giáo đường bằng ngói, bằng gạch. Cái giáo đường vật chất không bao giờ làm ấm được lòng người. Ta không thể nào gieo rắc sự an lành chung quanh ta nếu ta không có cái nhân của sự an lành đó trong tâm ta. Ta có thể đối chính ta chớ không thể đối với Thượng Đế và luật nhân quả được.

NHÂN QUẢ VÀ Y KHOA

Tuy nhân quả xuất xứ từ Phật giáo nhưng không hạn chế ở phạm vi tôn giáo. Hiểu được nhân quả giúp ta rất nhiều trong việc phòng ngừa bệnh tật. Trong Đông Y có câu người y sĩ giỏi trị bệnh lúc mà bệnh chưa phát triển. Y khoa hiện đại cũng đồng ý với vấn đề ngừa bệnh hơn là chữa bệnh. Cách tốt nhứt cho con người về vấn đề sức khỏe và xã hội về vấn đề tài chánh là

thay đổi cuộc sống để ngừa bệnh. Muốn ngừa bệnh (quả) ta phải hiểu cho ra lẽ những yếu tố gây ra bệnh (nhân), tìm cách làm suy giảm những nguyên nhân gây ra bệnh, tìm cách không tạo duyên xấu để cho hậu quả bệnh dễ xảy ra và củng cố những duyên lành để ngăn ngừa bệnh.

Bây giờ ta hiểu nguyên nhân của nhiều chứng bệnh là do vi trùng (bacteria) và vi khuẩn (virus) có kích thước nhỏ hơn vi trùng gây ra. Để làm suy giảm những nguyên nhân tạo ra bệnh, những nhà thuốc sáng chế ra các loại thuốc trụ sinh. Sự ỷ y có thuốc trụ sinh để trị bệnh mà không cần phòng ngừa hoặc dùng thuốc trụ sinh một cách không phân biệt đưa đến sự ra đời của những siêu vi trùng ("super bugs") có sức kháng trụ sinh. Về phần bệnh nhân phải ráng ăn ở vệ sinh để không tạo cái duyên cho những loại vi trùng xâm chiếm cơ thể họ. Vaccine (chích ngừa) là cách phòng ngừa bệnh bằng cách dùng bộ kháng nhiễm (immune system) để chống lại bệnh. Vaccine là một cách thay đổi duyên làm cơ thể không thuận cho sự phát triển của bệnh. Một cách ngừa bệnh khác nữa là ta ăn ở vệ sinh, tìm cách tránh những nơi dễ gây ra bệnh tật là góp phần vào sự củng cố những duyên không thích hợp cho bệnh phát triển. Thực tế, ta không thể nào diệt trừ được tất cả những nhân tạo bệnh mà cách dễ dàng nhất là biến đổi cái duyên không thuận cho bệnh-quả phát triển. Con đường trị bệnh bằng cách diệt trừ nhân một cách hoàn toàn rất nguy hiểm vì có thể đưa đến sự mất cân bằng môi sinh và có thể tạo nhiều mối hiểm nguy khác. Thí dụ như khi ta đi du lịch ở những nước khác để bệnh tiêu chảy vì ở điều kiện ta sống không có loại vi trùng đó (nhân bị diệt) nên cơ thể ta không có chất miễn nhiễm, dễ sanh ra bệnh. Đứng trên phương diện năng lượng (sức lực, thời gian, tài chánh), dùng duyên để phòng ngừa quả là áp dụng năng lượng một cách hữu hiệu nhất.

NHÂN QUẢ VÀ TÂM LÝ HỌC

Stress, sự căng thẳng tinh thần, là vấn đề lớn của thời đại. Stress có thể coi như cái cửa mở cho nhiều bệnh tật vào thân thể ta. Những triệu chứng khởi đầu của stress là lo âu, bực bội và mất ngủ. Ngoài ra nhức đầu, buồn nôn, mất ăn, cao máu với nhịp tim đập nhanh cũng có thể là một triệu chứng của stress nữa. Thuở xưa, Đức Phật có cho một thí dụ rất thích hợp với stress ngày nay. Thí dụ rằng có một người bị mũi tên bắn bị thương. Người đó lo âu muốn biết mũi tên này từ đâu tới, ai bắn, lý do nào bắn, rồi lo sợ cho tính mạng, không biết vết thương như thế nào... người đó cứ mãi lo mà quên tìm cách tháo gỡ mũi tên ra. Tính chất của lo âu là nó không bao giờ chịu dừng ở hiện tại mà lại có chiều hướng lẫn lẩn ở quá khứ hoặc tương lai. Chính vì vậy mà sự lo âu ngày càng tăng vì khi tu tưởng lẫn lẩn ở quá khứ và tương lai thì ta sẽ không giải quyết được vấn đề và tình trạng vô định đó tạo nên cái duyên làm cho lo âu càng lớn dần.

Một khoa tâm lý trị liệu (psychotherapy) trị stress là Cognitive behavioral psychotherapy, tạm dịch là tâm lý trị liệu qua nhận thức. Ta nhận thức ta có những tu tưởng sai lầm dẫn đến sự lo âu đau khổ (1), quán xét kỹ càng rằng những tu tưởng đó không có liên hệ ở thực tế (2), sau cùng thay thế vào đó những tu tưởng thích hợp với thực tại hơn (3). Khi nhận thức thích hợp với thực tại thì ta sẽ tìm được biện pháp giải quyết vấn đề một cách hữu hiệu và từ đó nhẹ gánh lo âu. Thí dụ anh A có triệu chứng hay lo (general anxiety disorder). Khi bị chủ sở phê bình, anh về ngủ không được, liên tưởng đến ngày mai mình sẽ mất việc, không có tiền trả tiền nhà, vợ anh sẽ bực bội bỏ anh (1)... Qua khâu tâm lý trị liệu, anh kiểm duyệt lại thực tế thì không thấy có dấu hiệu nào chủ sở sẽ đuổi anh, chủ anh chỉ muốn anh sửa khuyết điểm nhỏ mà thôi, vợ chồng lúc nào cũng hòa thuận (2)... Khi nhận thức như vậy, anh cảm thấy yên tâm và hiểu rằng mình có phản ứng quá đáng (3). Khi nhìn ở khía cạnh nhân duyên quả, thì khi anh nhận thức rằng cái nhân sai lầm không quan trọng lắm, không để những tu tưởng lo âu thổi phồng sự thật (ngịch duyên), và anh tìm cách học hỏi trau dồi nghề nghiệp thì kết quả sẽ tốt đẹp. Như thế hiểu được nhân quả thì cuộc sống ta sẽ nhẹ gánh lo âu.

TÓM LẠI

Nhân quả không phải là một khái niệm tôn giáo (dogma) mà là một quy luật thiên nhiên (natural law) ảnh hưởng thế giới nội tâm và thế giới vật chất. Nhân quả còn là một lực (force) gắn liền hai biến cố với nhau qua không gian và thời gian.

Ta khó có thể thay đổi nhân ở quá khứ, nhưng điều dễ làm là thay đổi duyên ở hiện tại để quả xấu khó có thể biểu hiện được. Ở thế giới vật chất, duyên lành là bạn tốt, nơi chốn yên tĩnh (chùa, nhà thờ, học đường...). Ở thế giới tâm lý, duyên lành là ý muốn học hỏi, trau dồi trí tuệ, cố giữ lòng nhân từ, bác ái và tha thứ. Gắn duyên lành thì quả xấu khó thể hiện hoặc thể hiện một cách yếu ớt hơn.

Nếu ta còn giữ tâm tham, sân, si (làm nhân) và nuôi dưỡng những tu tưởng tham, sân, si (ác duyên) thì không bao giờ biến đổi được cuộc sống hay xã hội một cách tốt lành được (quả). Cảnh lúc nào cũng hiện theo tâm. Người mang tâm xấu lên thiên đàng sớm muộn gì cũng biến cảnh thiên đàng thành địa ngục.

Hiểu được nhân quả thì ta nắm giữ được chìa khóa mở cửa tự do trong đời ta và giúp ta làm chủ lấy cuộc đời. Không hiểu nhân quả thì ta sẽ sống trong mê tín dị đoan hay trong sự lo âu của cuộc sống vô định, bấp bênh.

Hiểu được nhân quả giúp ta định hướng dễ dàng và có một hướng đi và một quan niệm sống vững chắc trước mọi hoàn cảnh khó khăn.



Tìm hiểu Trung Quán Luận

VỚI SỰ PHÁT TRIỂN PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA

Trung Quán Luận còn gọi tắt là Trung Luận (中論) là bộ luận xuất sắc của Bồ Tát Long Thọ người phía Nam nước Ấn Độ (khoảng thế kỷ II- III). Trung Quán Luận là sự kế thừa phát triển tư tưởng Tính Không trong kinh Bát Nhã, khẳng định mọi vật, hiện tượng có được đều do duyên sinh vô tính; một khi không cố chấp sẽ không sai lầm, đó cũng là hướng khắc phục mọi khó khăn trên con đường giải thoát. Trung Quán Luận với tư tưởng Tính Không đã ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển Phật giáo Đại thừa Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam.

Tỷ Khiêu Thích Quảng Hợp

Từ khóa: Trung Quán Luận, Tính Không, Trung Đạo, Bát Nhã, sự phát triển Phật giáo Đại thừa, Thiền tông.

Luận về Trung Quán Luận (中觀論) là không thể không luận tới Tính Không trong ấy và tác giả của nó là Long Thọ. Long Thọ (Nagarjuna) sinh ra vào khoảng thế kỷ II - III tại Ấn Độ, khi xã hội có nhiều biến động về kinh tế, chính trị, tu tưởng. Ngài đã sáng tác Trung quán Luận với biện chứng pháp phủ định bát Bát, với triết lý Tính Không mang ý nghĩa bản thể luận và nhận thức luận căn bản của Đại thừa. Nguồn gốc tư tưởng này vốn đã có từ thời Đức Phật còn tại thế, song nó được phát triển thành xu hướng Đại Thừa bắt đầu từ phía Nam Ấn Độ, căn cứ của Đại Chúng Bộ. Cũng từ đây tư tưởng “Bát Nhã”, tư tưởng “Tính Không” làm nền tảng cho tư tưởng phá chấp giúp người tu tập được tuệ giác, giải thoát.

Mã Minh Bồ Tát là người khởi sướng ra thuật ngữ “Đại thừa”, Long Thọ đã có công hệ thống, chú thích, luận giải và hệ thống những kinh điển đã có sẵn trên tinh thần Đại thừa, tư tưởng Tính Không, và với trí tuệ xuất sắc “biện tài nghị biện vô ngại”, ông được coi là một trong những triết gia đầu tiên trong cuộc cách tân lịch sử tư tưởng Phật giáo Đại thừa.

Trung quán Luận là một bộ luận đặc sắc nhất của Long Thọ. Lý luận về Tính Không luôn vắng lặng, siêu việt “các tướng” ra đời giúp cho tu tướng Đại thừa Phật giáo phát triển về nội dung và hoàn thiện về hình thức và làm cho các ngoại đạo ở Ấn Độ kinh sợ. Tính Không của Long Thọ không chỉ phủ nhận các pháp giả hữu của tu tướng Tiểu Thừa, mà tiến tới quan niệm biện chứng về Không bằng phân tích mọi pháp đều vô thường, vô ngã tức đều giả hữu (không có thật) và “Có - Không” cũng chỉ là phương tiện, là tương đối không phải tuyệt đối rốt ráo.

Trung Quán Luận cũng như Thiền tông đều cùng mục đích giúp người giác ngộ, phá chấp tà kiến. Song Thiền Tông nhấn mạnh hơn công hiệu của Trung quán là: “hạ thủ công phu, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật, giáo ngoại biệt truyền”.

1. Trung Quán Luận với Thiền tông đại thừa Phật giáo Trung Quốc

Tu tướng triết học Tính Không của Trung Quán Luận lan toả theo Phật giáo Đại Thừa ra bốn phương ngoài Ấn Độ, điển hình là ảnh hưởng tới Thiền Tông đại thừa Trung Quốc cho tới ngày nay.

Thiền Phật giáo được chính truyền vào Trung Quốc với công của ngài Bồ Đề Đạt Ma từ đời vua Lương Võ Đế (502- 550), nhưng sau này, khi ngài truyền tâm ấn cho Huệ Khả - tổ thứ nhất người Trung Quốc - là bộ Lăng Già Kinh (Lankavatara Sutra) có nội dung tu tướng Đại thừa về “Nhu lai tạng” và “A Lại Da thức”. Nhu lai tạng cũng là tên gọi khác của “Chân như”, “Không”.

Khi Cưu Ma La Thập (344- 413, Kumarajiva) dịch Trung Luận (4 quyển) quyển sang tiếng Hán khoảng đầu bán thế kỷ thứ V, tiếp đó có các Ngài Đạo Sinh, Đàm Tế, Tăng Lãng, Tăng Triệu phổ biến và thành lập Tam Luận tông tại Trung Hoa đã làm cho quá trình nghiên cứu tu tướng Trung Luận lan rộng trong giới Phật học và học giả Trung Quốc. Đây là tiền đề lý luận cần thiết cho Thiền Tông Trung Quốc khai hoa kết trái. Tuy Thiền là một tông phái đặc thù của Đại thừa, song nó không phủ định Thiền Tiểu thừa (Theravada) mà cùng bảo tồn và phát triển tinh thần tu tập giải thoát của đức Phật đã được ghi nhận trong kinh điển Nguyên thủy.

Có thể nói, Thiền Đại thừa là một khuynh hướng hiện đại hoá ngay trong nội bộ giáo lý Phật giáo và thể hiện khá tập trung ở các vấn đề của Thiền học, gắn liền với sự triển khai các tu tướng bản thể luận và nhận thức luận của triết học Phật giáo trong hai bộ luận : Trung Quán Luận (Madhyamika - Satra) của Long Thọ và Du Già Sư Địa Luận (Yogacary - Abhimi - Sastra) của Vô Trước và Thế Thân. Thiền Đại thừa nói chung nhất quán tinh thần Tính không của Trung Quán Luận và Vô thức của Du Già Luận.

Với Tính không và Hai chân lý trong Bát Nhã được Long Thọ triển khai trong Trung Quán Luận đã trở thành cơ sở lý luận để Thiền học gọi mở một phong

cách “phá chấp”, không câu nệ vào kinh điển, vào hình thức tu, vào phương pháp tu, mà chú trọng hơn về giá trị giải thoát nội tâm. Do vậy, ông được tôn làm tổ thứ 14 của Thiền Phật giáo .

Thiền Đại thừa Trung Quốc trước Thiền tông cũng có nhiều lối tu, chẳng hạn Thiền Thái tông của ngài Trí Khải đại sư đã ứng dụng pháp Tam quán: quán Không, quán Giả, quán Trung trên cơ sở tiếp thu tinh thần Trung quán trong Trung Quán Luận:

“Pháp do nhân duyên sinh

Tôi nói tức là không

Cũng chính là giả danh

Cũng là nghĩa Trung đạo”.

(Chúng nhân duyên sinh pháp

Ngã thuyết tức thị không

Diệc vi thị giả danh

Diệc thị trung đạo nghĩa).

Thiền Đại thừa Trung Quốc đã gần với Thiền tông, song Thiền Đại thừa còn thấy có pháp để tu, thấy có quả để chứng, nên còn khác biệt. Bởi, Thiền tông không thấy có một pháp dạy người, không thấy có một quả để chứng. Thiền tông đã ghi nhận ý nghĩa truyền thừa ý chỉ của Thiền từ khi Phật phó chúc cho Ma Ha Ca Diếp trong sự kiện “niêm hoa vi tiếu”: “Ngô hữu chính pháp nhân tạng. Niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng. Vi diệu pháp môn, kim phó Ma Ha Ca Diếp” Bài kệ này cho chúng ta hiểu rằng “vô tướng tức không” là chính pháp của Thiền tông. Cái Không đó là cái không diệu hữu, nó ra ngoài cái nhị biên của có - không nên “thật tướng vô tướng”. Qua những bài kệ này ta thấy sự tiếp thu tu tướng này ở Long Thọ trong Trung Quán Luận.

Thiền tông Trung Quốc do Tổ Đạt Ma truyền tâm cho Huệ Khả cũng bằng Không tâm, tức giác ngộ Tính Không. Giai thoại Thiền về Huệ Khả tìm không thấy tâm, vì tâm là vô tướng, vô tính, là Tính Không. Đạt Ma đã giúp Huệ Khả ngộ ra được pháp là vô tướng, là như huyễn.

Trong truyền thống tu Thiền của Phật giáo, khi hiểu pháp không, cũng có nghĩa là người đó giác ngộ được rằng bản tâm ta là thanh tịnh, được coi là chứng ngộ, an lạc giải thoát. Thiền Tông Trung Quốc có truyền thống “ý chỉ” Thiền của Phật (tức tâm ấn) cho đệ tử khi cần thiết hoặc trước khi viên tịch. Sau Bồ Đề Đạt Ma, từ Huệ Khả, tới tổ Hoàng Nhãn và các thế hệ tổ về sau đều tìm người chứng được pháp Không để truyền tâm ấn. Giai thoại Thiền về chọn đệ tử để truyền tâm ấn của tổ Hoàng Nhãn cũng nhấn mạnh ý nghĩa của giác ngộ Tính Không. Để chứng tỏ trình độ giác ngộ, đệ tử Thần Tú có bài kệ:

“Thân là cây Bồ đề

Tâm như đài gương sáng

Thường ngày hằng lau quét

Chớ cho dính bụi trần”.

(Thân thị Bồ đề thọ

Tâm như minh cảnh đài



Thời thời thường phát thức

Dặt sử nhá trần ai.)

Ở đây Thần Tú vẫn còn bị kẹt chấp vào Có - Không, có nghĩa là chưa thấy được lẽ Không của pháp. Trong khi đó bài kệ của Huệ Năng chứng tỏ đã đắc thiên cơ của Lục tổ, thể hiện rõ sự vô chấp, vô trụ của Bát Nhã: "... Bần lai vô nhất vật. Hà xứ nhá trần ai?). Qua đó ta thấy diệu lý Tính Không trong Trung Quán Luận đã có sự ảnh hưởng lớn tới tu tưởng Huệ Năng nói riêng, với tu tưởng thiền Trung Quốc nói chung.

2. Trung Quán Luận đối với Thiền Phật giáo Nhật Bản

Theo "Nhật Bản Thư Kỉ" ghi lại thì Phật giáo truyền vào Nhật Bản năm 552, thời Asuka (Khâm Minh), nhưng theo ghi chép Triều đại Thiên hoàng Kimmei ngày 12 tháng 10 năm Mậu Ngọ, trong tập kí về Thái tử Shōtoku (Thánh Đức) lại cho rằng Phật giáo đã vào Nhật Bản năm Mậu Ngọ 538 (năm Senka (Tuyên Hóa) thứ 3).

Cưu Ma La Thập dịch Trung luận (khoảng thế kỷ V) và truyền cho Đạo Sanh... Tăng Triệu phổ biến thành lập Tam Luận tông tại Trung Hoa. Đến thế kỷ thứ VI, Pháp Lăng, một đạo sư trú danh đương thời, truyền cho Cát Tạng, Cát Tạng truyền cho Huệ Quán, Huệ Quán sang Nhật năm 625 và truyền bá ảnh hưởng Trung Luận tại chùa Nguyên Hưng (Gwangoji) ở Nại Lương (Nara)... Tại thời điểm Nại Lương (Nara) có sáu phái Phật giáo từ Trung Quốc truyền sang là: "Luật tông, A Tỳ Đạt Ma Câu Xá, Thành Thật Luận, Tam Luận, pháp tướng, Hoa Nghiêm". Tất cả đều là sản phẩm của bác học, nền triết học mới, có ý nghĩa thiết thực với cuộc sống.

Tuy nhiên, Phật giáo chỉ thực sự cắm rễ và hưng thịnh tại Nhật Bản khi Thánh Đức Thái Tử (Shotoku, 574 - 622) lên ngôi vua và ban hành chiếu chỉ: "Toàn dân Nhật Bản phải kính ngưỡng và thọ trì Phật Pháp". Ông đã cho xây chùa chiền trên khắp đất nước, cho rằng ba ngôi báu: Phật, pháp, Tăng đều dung thông, không hề biệt lập, ngôi báu này hàm tàng hai ngôi báu kia. Chính điểm này đã giúp ta nhận diện được Thánh Đức Thái Tử đã kế thừa tu tưởng "... giảng lý Trung Đạo đệ nhất nghĩa" của Phật giáo Đại thừa mà Long Thọ ngày nào đã nói. Đây, chính là mấu chốt sự kính ngưỡng và thọ trì Phật pháp không hề kẹt chấp, nhân duyên sinh lúc này đã được "khéo léo thoát ly" Phật pháp không lìa thế gian.

Tới năm (1200 - 1253), tại Nhật Bản xuất hiện Đạo Nguyên Hi Huyền (道元希玄), còn gọi là Vĩnh Bình Đạo Nguyên (永平道元). Ban đầu, sư học giáo pháp Không, giả danh, Trung Đạo của Thiền Thái tông, nhưng vì không trả lời được câu hỏi: "Nếu quả thật, như kinh dạy, thể tính của ta đã là Bồ-đề, thì sao Chu Phật còn phải tu học để giác ngộ?", nên tìm đến học với Thiền sư Minh Am Vinh Tây. Vinh Tây đưa ra trả lời: "Chu Phật không ai biết mình có Phật tính, chỉ có súc sinh mới biết mình có Phật tính." Với câu trả

lời này, Vinh Tây đã nói rõ các pháp thực tướng của Phật tính tức là Không. Nhưng sư Hi Huyền vẫn chưa chứng được Tính Không nên năm 1223 đành cất công sang Trung Quốc tìm học, dưới sự hướng dẫn của Minh Châu (明州) ở chùa Thiên Đồng. Ông đạt được tông chỉ của dòng Tào Động, đại ngộ qua câu nói của Thiên Đồng Như Tịnh: "Người hãy xả bỏ thân tâm".

Đạo Nguyên Hi Huyền là Thiền sư quan trọng nhất của Phật giáo Nhật Bản. Với tác phẩm nổi tiếng - Chính pháp nhãn tạng (正法眼藏) - được xem là một kiệt tác của Thiền tông Nhật Bản. Tới đây ta chợt liên hệ khi Đức Thế Tôn truyền pháp cho Ma Ha Ca Diếp cũng nói: "Ta có chính pháp nhãn tạng, có niết bàn diệu tâm, thực tướng vô tướng, nay phó chúc cho Ma Ha Ca Diếp", cũng như trong Trung Quán Luận, Long Thọ đã giải trình rõ Không là tu tưởng Đại thừa về vô ngã, Niết Bàn diệu tâm như Phật thuyết.

Tính Không của Long Thọ còn được thể hiện trong nghệ thuật ẩm thực thiền trà của Nhật Bản. Nan-In là thiền sư Nhật Bản vào thời Minh Trị (1868 - 1912), một lần tiếp một vị giáo sư đến tìm hiểu về Thiền. Nan-In mời ông dùng trà, đã rót đầy vào tách của khách và vẫn tiếp tục rót thêm... Ông giáo sư nhìn nước tràn cho đến khi tự mình không nhận được thêm nữa, kêu lên: "Tách đã đầy tràn rồi. Không thêm vào được nữa đâu!". Nan-In giải thích cần phải hiểu được thực tướng của tách trà là Không, sự suy đoán cũng là vô tướng. Vì thiền là tĩnh lự, là nhân duyên khởi, là nhận thức biết rõ thư thái. Nan-In đáp lại ông giáo sư: "Ông mang đầy ý kiến và suy đoán riêng của ông. Làm sao tôi có thể chỉ cho ông về Thiền trừ phi ông cạn cái tách của ông trước đã?".

Có thể nói Phật giáo Nhật Bản từ khi du nhập, Phật giáo Nại Lương, Phật giáo quý tộc, Phật giáo sáng tạo, Phật giáo ngày nay, song cái then chốt của Phật giáo Nhật Bản vẫn là quan niệm cố hữu về Phật Tính, siêu việt tính của Tuệ giác Bát Nhã, là Không của Trung Quán Luận. Đó cũng chính là tinh thần vô chấp trong cuộc sống mà Phật tử người Nhật đến nay vẫn đang hằng hái tu tập, trải nghiệm, đào xới sâu vào cội nguồn của Tính Không.

3. Trung Quán Luận với thiền Phật giáo Việt Nam

Trung Quán Luận truyền vào Việt Nam năm nào, do ai đem vào đầu tiên vẫn còn tranh luận, song sự ảnh hưởng của nó đối với Thiền Phật giáo Việt Nam là không thể phủ định.

Thứ nhất, có ý kiến cho rằng Thiền học Việt Nam khởi đầu bằng Khuông Tăng Hội (?-280) vào đầu thế kỷ thứ III: "... Theo Khai Nguyên Thịch Giáo Lục, Khuông Tăng Hội cũng đã dịch Ngộ Phẩm (tức Bát Thiên Tụng Bát Nhã hay Đạo Hành Bát Nhã) là một trong những kinh bản sớm nhất thuộc hệ kinh Bát Nhã". Do vậy, có thể nói Phật giáo Việt Nam vào kỷ thứ III đã là Phật giáo đại thừa có khuynh hướng thần bí và Thiền học với tu tưởng Tính Không. Thứ hai, ý kiến khác lại cho rằng Thiền tông truyền vào Việt Nam khi Tỳ Ni Đa Lưu

Chi từ Trung Quốc sang Việt Nam năm Canh Tý (580), tại chùa Pháp Vân. Có lẽ ý kiến của Thích Nhất Hạnh thuyết phục hơn. Bởi vì khoảng thế kỷ thứ VI, Phật giáo Việt Nam đã khá phát triển và Trung Quán Luận cũng như Bát Nhã Kinh đã được truyền bá trong giới tăng sĩ khá rộng rãi.

Nói chung, các tông phái Thiền Phật giáo từ Trung Quốc du nhập vào Việt Nam (Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường) đều ít nhiều phát huy tinh thần Không của Trung Quán Luận. Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - Tông phái Thiền Phật giáo gọi là của riêng Việt Nam - do Phật Hoàng Trần Nhân Tông sáng lập cũng là sự tiếp thu, kế thừa và tổng hợp từ các tông phái Thiền du nhập trước đó ở Việt Nam, cho nên vẫn không ngoài đường hướng của Triết học Tính Không của Trung Quán Luận được người Việt Nam tiếp thu theo tinh thần đặc trưng của Thiền tông.

Phật giáo Việt Nam phát triển thịnh vượng nhất thời Lý-Trần và còn để lại cho đến ngày nay một số tác phẩm thể hiện rất rõ triết học Tính không của Trung Quán Luận. Chẳng hạn vua Lý Thái Tông hội kiến với chư tôn, thiền đức để đàm đạo, nhân dịp này vua và các thiền sư trao đổi ý đạo qua những bài thi kệ ngắn rất sâu sắc về thiền lý, về Tính Không của Long Thọ trong Trung Quán Luận:

“Bát Nhã vốn không tông
Nhân không ngã cũng không
Ba đời các Đức Phật
Pháp tính xưa nay đồng”
(般若真無宗, 人空我亦空
過現未來佛, 法性本來同)
(Bát Nhã chân vô tông
Nhân không ngã diệt không
Quá hiện vị lai Phật
Pháp tính bản lai đồng)

Có thể nói rằng, Lý Thái Tông đã thấu đạt được Thiền lý của Tính Không trong Trung Quán Luận.

Hay bài ở kệ “Mê ngộ không khác nhau”, Tuệ Trung Thượng Sĩ đã khéo léo chuyển tải lý Duyên khởi về Tính Không trong Thiền học, đó cũng là Tính Không trong Trung Quán Luận. Cái khôn khéo ở đây là Tuệ Trung đã lồng ý về “không bắt đuổi một đối tượng ngoài tự thân” và cũng là phá tan tu tưởng nhị phân. Tiếp thu tinh thần Trung Quán từ Long Thọ, Tuệ Trung tiếp tục phá tan vọng chấp về Mê và Ngộ. Ông làm rõ được rằng nhất quán Tính Không thì mê và ngộ xưa nay vốn vẫn thanh tịnh, không sinh cũng không diệt, không thủy cũng không chung. Người tu thiền hiểu rõ như thế, ắt có sự giải thoát và tự tại: “Chỉ cần bỏ nhị kiến. Thực tại lộ hình dung”.

Tu tưởng “Tính không” của Long Thọ còn được Vua Phật Hoàng Trần Nhân Tông thể hiện thành triết lý ung dung tự tại qua bài phú “Cu trần lạc đạo phú”. Đây là một bài phú đã thể hiện được tinh thần thoát ly luôn cả có và không; vượt qua cả cố chấp nhị phân về có thiền hay không thiền: “Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền”. Đây

“

Nhận thức luận của Trung Quán chính là lý luận về trực giác trí tuệ (Bát Nhã siêu việt), nó giúp con người có hướng rèn luyện, thực hành để có thể khai tỏ tư duy giác tính, nhìn nhận vạn hữu thấy cảnh như thực.

”

là một câu kết bất tư nghì tuyệt đối của phép Trung đạo, đúng tinh thần của Trung Quán Luận. Nguyên văn kệ tiếng Nôm và Việt dịch như sau:

“Cu trần lạc đạo hãy tùy duyên
Hễ đời thì ăn, mệt ngủ liền
Châu báu đầy nhà đừng chạy kiếm
Vô tâm đối cảnh hỏi chi thiền”.
(Cu trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề, khổn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mặc vấn thiền).

Thiền Phật giáo của Việt Nam luôn chứa đựng tu tưởng “Tính Không” và đôi khi còn thể hiện sự vận dụng rất sáng tạo, thoát ra khỏi ngôn ngữ vay mượn của Trung Hoa, mà được Việt hóa một cách linh động, gần gũi. Chẳng hạn, khi nói: “Đối diện vô tâm chớ hỏi thiền” là đã vận dụng thuyết Tính Không trong Trung Quán Luận. Tính Không trong Trung Quán Luận còn có nghĩa không cần phải dùng ngôn ngữ mà vẫn có thể hiểu Tính Không trong đó.

Ngày nay Phật giáo trong nước đang ở đỉnh cao phát triển nên tu tưởng Tính Không trong Trung Quán Luận cũng đang được nghiên cứu và từng bước ứng dụng tác dụng vào lý luận và cuộc sống đời thường. Từ khía cạnh tu tưởng lịch sử, Tính Không và Trung Quán Luận vẫn có ý nghĩa khẳng định giá trị độc đáo của tư duy Phật giáo. Nhận thức luận của Trung Quán chính là lý luận về trực giác trí tuệ (Bát Nhã siêu việt), nó giúp con người có hướng rèn luyện, thực hành để có thể khai tỏ tư duy giác tính, nhìn nhận vạn hữu thấy cảnh như thực.

Nhìn chung, tu tưởng triết học của Trung Quán Luận của Long Thọ vẫn còn ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển Thiền học, Phật học - một bộ phận của triết học Phật giáo - cũng như thực hành thiền - định ở Phật giáo Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản... Ngày nay tu tưởng triết học của Trung Quán Luận đang được giới thiệu bằng nhiều tuyến (tôn giáo phương Đông, văn



Phật giáo Đại thừa truyền vào Trung Quốc mang theo tư tưởng Tính Không, và Thiền Tông, coi Như Lai Tạng, A Lại Da thức, Chân như là Không, khi vận dụng thành tư tưởng thiền về “Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật”.

hóa truyền thống, dưỡng sinh phương Đông...) sang Tây Âu và được đón nhận rất nhiệt tình.

Trong cuộc sống thường nhật, triết học Tính không của Trung Quán Luận cũng là Duyên sinh vô tính, ảnh hưởng tới quá trình tu tập hằng ngày của người xuất gia cũng như cư sĩ tại gia Việt Nam như việc tụng kinh, tu trì, tọa thiền qua triết lý “sắc - không” (色 - 空) của kinh Bát Nhã. Chẳng hạn, nhờ hiểu tư tưởng Tính Không, tín đồ Phật giáo đã làm bố thí Ba la mật Không để góp phần bảo vệ gia đình, bảo vệ xã hội, đất nước tốt hơn mà không hề đòi hỏi, tính toán thiệt hơn, từ yêu thương giúp đỡ đồng bằng từ bi, tinh thần khoan dung, bố thí người nghèo không hề vụ lợi, không hòng báo ơn...

Ngoài ra, triết lý Tính không đã ảnh hưởng tới nhiều phương diện khác như nghệ thuật Phật giáo như thư pháp, tranh thiền, trà thiền, võ đạo thiền, dưỡng sinh thiền, hành thiền, ngoại giao thiền, tình thương thiền, yoga Thiền... Tính không làm cho nghệ thuật Phật giáo có đặc sắc riêng không nhàm chán, không theo khuôn mẫu. Nên các loại hình nghệ thuật của Đại thừa Phật giáo đã biểu hiện ra một phương pháp mang sắc thái riêng chỉ thiền tông mới có.

Trong quá trình xã hội toàn cầu hóa, sự giao thoa các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng, cũng như sự giao lưu triết học phương Đông - Tây ngày càng có cơ hội so sánh, đối chiếu qua nhau: “Tư tưởng Tính không của Phật giáo Đại thừa có những điểm rất gần với triết học hậu - hiện đại của phương Tây ở cách thức phản phủ định, triết học kinh điển để tìm tòi cái mới, cái sống động, cái ngẫu nhiên, cái ngoài lý thuyết... Sự gặp gỡ Ấn - Trung đã tạo nên Thiền tông Trung Quốc kỳ lạ và đầy hấp dẫn, vậy sự gặp gỡ Phật giáo phương Đông với trí tuệ và khoa học công nghệ phương Tây hiện đại, hẳn sẽ còn nhiều thú vị bất ngờ hơn”.

Trung Quán Luận có nghĩa đặc biệt trong lịch sử phát triển tư tưởng Phật giáo. Nó đã kết nối được tư tưởng giữa Phật giáo Nguyên Thủy với Phật giáo Đại thừa thông qua Tính Không của Long Thọ và đóng vai trò rất quan trọng trong lịch sử phát triển Phật giáo Đại

Thừa cho tới Thiền tông. Phật giáo Đại thừa truyền vào Trung Quốc mang theo tư tưởng Tính Không, và Thiền Tông, coi Như Lai Tạng, A Lại Da thức, Chân như là Không, khi vận dụng thành tư tưởng thiền về “Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật”... Tông Thiền Thai cũng kế thừa tư tưởng Trung Quán Luận lập ra ba quán: quán không, giả danh, trung đạo.

Tóm lại, Trung Quán Luận truyền vào Việt Nam khá sớm, Thiền Tông Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều từ Trung Quán Luận. Tư tưởng Trung Quán Luận với Tính Không đã tăng thêm tính nhập thế của Thiền Tông Việt Nam, Nhật Bản, Trung Quốc. Sự hưng thịnh của Phật giáo Thiền đã góp phần không nhỏ trên mọi lĩnh vực, kinh tế, xung đột chính trị - xã hội, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật, kiến trúc, sinh hoạt đời sống, góp phần soi tỏ bản thể vũ trụ, nhân sinh trên tinh thần diệu hữu Tính Không vô cùng vô tận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Thiện Hoa (2008), Phật Học Phổ Thông, Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành.
2. Nguyên Huệ dịch (2011) Phật Tổ lịch sử truyền thừa đạo ảnh, Nxb. Phương Đông.
3. Thích Thanh Kiểm (1971), Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ, Quê Hương Tái Bản Lần Thứ Nhất.
4. Thích Thanh Kiểm (1992), Lịch sử Phật giáo Trung Quốc, Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành.
5. Thích Quảng Liên dịch và giải (2007), Trung Quán Luận, Nxb Tôn Giáo.
6. Nguyễn Lang (1992), Việt Nam Phật Giáo Sử Lược, Nxb Văn Học Hà Nội.
7. Lê Thị Ý Lan - Sắc Không (1996), Văn Học Lý Trần Nhìn Từ Thể Loại, Nxb Giáo Dục
8. Nguyễn Đăng Thục (2001), Triết học Phương Đông (Tập III), Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
9. Hoàng Thị Tho (2009-2010) “Thuyết Tính Không của Long Thọ với sự phát triển của Phật giáo”, Tạp chí Phật học, số 6/2009; và số 1/2010.
10. Chánh Tấn Tuệ dịch và giải (2001), Trung Quán Luận, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội.
11. Trần Thái Tông (1997), Khoá Hu Lục, Thích Thanh Kiểm dịch, Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành.
12. Thích Thiện Siêu dịch và tóm tắt (2001), Trung Luận, Nxb TP Hồ Chí Minh, tr. 5
13. Thích Nhật Từ, Thích Đức Thiện chủ biên (2014), Phật giáo xây dựng hòa bình thế giới, Nxb Tôn Giáo.
14. Daisetz Teitaro SuZuKi (2011) Thiền Luận, quyển hạ, Nxb Tổng hợp TP HCM.

Chính - Tà

*Học đạo hiểu chính phá tà
Hết tà buông chính mới là tịnh thanh
Quán soi sự lý dữ lành
Lỗi mình gắng sửa, chẳng chê trách người.*

*Tùy duyên
Vạn pháp thế gian thấy tùy duyên
Tử sinh thành bại lẽ tự nhiên
U mê chấp trước gây phiền não
Buông chấp bỏ mê đặt thành tiên.*

*Tứ thần túc
Nguyện cầu tha thiết đáy lòng ta
Tinh tấn công phu nương Phật đà
Nhất tâm như núi không lay chuyển
Quán phá u minh, ngựa phi xa.*

*Bát nhã
Được làm việc muốn làm
Thích việc mình đang làm
Hạnh phúc là như vậy
Còn điều chi ham muốn?
Ý niệm cùng tu tâm
Ngôn hạnh hòa nhất như
Bát nhã là tri tuệ
Sáng tâm đầy trượng phu*

Phật tử Bảo Hồng Liên



HIỂU “PHÚC” QUA CÂU

“Đầu năm đi chùa cầu phúc”...



Đầu xuân năm mới đi chùa cầu phúc là một truyền thống văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc, nhưng có nơi, có lúc các giá trị truyền thống đang dần mất đi giá trị tư tưởng triết lý và giá trị nhân văn sâu sắc, chỉ còn mang nặng hình thức tín ngưỡng tâm linh thuần túy.

Thích Minh Tuấn

“**P**húc” theo cách hiểu thông thường là những điều lành được biểu hiện: mua thuận gió hòa, muôn vật sinh sôi, cuộc sống ấm no, đất nước hòa bình, gia tộc bền vững, gia đình sung túc, con cháu thảo hiền, người người được bình an... Với ý nghĩa đó “phúc” không phải là sản phẩm tín ngưỡng tâm linh thuần túy.

Ngay từ khi chưa có văn tự, cộng đồng người Việt so khai với trình độ tư duy thô phác, tư tưởng về “phúc” với ý nghĩa như trên đã được thể hiện qua các hình khắc họa trên di sản văn hóa Đông Sơn hay qua các truyền thuyết Lạc Long Quân - Âu Cơ, bánh chưng bánh dày, Sơn Tinh Thủy Tinh...

Như vậy, tư tưởng về “phúc” so khai không phải là tín điều tôn giáo hay tín ngưỡng tâm linh, mà nó hàm chứa tính bản thể luận chất phác của con người thượng cổ, có khuynh hướng chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Tư tưởng về “phúc” cũng hình thành trong văn hóa Trung Hoa thượng cổ, trước khi các tư tưởng tôn giáo ra đời (Nho giáo, Lão giáo...). Theo truyền thuyết của người Trung Hoa, tư tưởng về “phúc” đã có từ thời vua Nghiêu,

vua Thuấn. Tương truyền nhân dân đã lần lượt chúc vua Nghiêu nhiều điều tốt đẹp thể hiện Phúc Lộc Thọ nhưng vua Nghiêu đều từ chối và ban cho bách dân trăm họ lời chúc đa phúc đa lộc đa thọ (tam đa). Thời Nghiêu - Thuấn là thời thượng nhân - thánh đức, con người giữ tính nết hiền hòa thuần hậu, không tham vọng, không đam mê vật chất phù hoa, dân sống an nhàn hạnh phúc, không thù nghịch giết hại lẫn nhau, đầy đủ cơm ăn áo mặc ở nhà, không lo trộm cướp. Đây quả là tư tưởng ứng với chữ phúc của muôn dân mà các nhà hiền triết thời sau vẫn thường mơ ước xây dựng một xã hội thịnh trị như vậy.

Triết lý Phật giáo khẳng định “phúc” nằm trong quy luật nhân quả, làm phúc thì được phúc, phúc phải do gieo trồng mà có, không phải tự nhiên sinh ra hay do thần linh ban tặng. Tư tưởng này thể hiện tính bản thể luận, “phúc báo” là một phạm trù của triết lý duy vật biện chứng; trong giới hạn của triết lý duy vật biện chứng thì “phúc” là hữu hạn. Chỉ có “đức” thuộc triết lý duy tâm mới sản sinh được “phúc vô lượng”; nếu mọi sự đều viên mãn thì danh tự “phúc” hay “đức” cũng không còn, lúc này là triết lý tối hậu của nhà Phật! (Phật giáo nói “Phúc

báo hữu lậu” là thuận theo quan điểm duy vật, nói “công đức vô lậu” là thuận theo quan điểm duy tâm, nói “giả có danh tự phúc - đức” là thuận theo bản thể trung đạo).

Đi lễ chùa đầu năm, nếu là cầu “phúc hữu hạn” thì nằm trong ý nghĩa của việc “cúng dường làm phúc và bố thí làm phúc”. Tức là cúng dường Phật Pháp Tăng vì đây là ba ngôi mẫu mực đạo đức ở đời; nếu là cầu phúc bền vững (phúc vô lượng) tức là học hỏi cái “đức” của nhà Phật, nhờ gần gũi chu tòng chỉ bảo cho. Cái phúc ấy vừa có ý nghĩa triết lý vừa có giá trị nhân văn sâu sắc.

Trong quá trình phát triển lịch sử tư tưởng và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, tư tưởng về “phúc” luôn được gắn liền với tư tưởng về “đức”. “Đức” trong tư tưởng người Việt được kết hợp từ các ý nghĩa: “Đức nhân quân tử” của nhà Nho, “đức vô vi” của đạo Lão, “đức hiếu sinh” của nhà Phật và sau này là “đạo đức Hồ Chí Minh” thời hiện đại.

Đại diện tiêu biểu cho lịch sử tư tưởng Việt Nam là hai nhà tư tưởng lỗi lạc của dân tộc: Lại bộ Thượng thư Nguyễn Trãi và Chủ tịch Hồ Chí Minh, hai Danh nhân Văn hóa thế giới.

Nguyễn Trãi là một nhà tư tưởng lớn của dân tộc trong thời kỳ nhà

nước xã hội phong kiến. Tư tưởng của ông được biểu hiện trên nhiều phương diện nhưng nổi bật hơn cả là tư tưởng về “nhân nghĩa”. “Nhân nghĩa” được xem là tư tưởng xuyên suốt và mang giá trị thời đại của ông. “Nhân nghĩa” vốn là hai đức đầu tiên của bậc quân tử (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) theo quan điểm Nho giáo, nhưng lại được biểu hiện bằng cái phúc của muôn dân.

Mở đầu Bình Ngô Đại Cáo, Nguyễn Trãi viết:

“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điều phạt trước lo trừ bạo”

Đây là tư tưởng nhân nghĩa cốt yếu là vì dân, thương dân, an dân.

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi cũng thể hiện sự khoan dung, độ lượng

“Đem đại nghĩa để thắng hung tàn
Lấy chí nhân để thay cường bạo”

Họ đã tham sống sợ chết mà hòa hiếu thực lòng. Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức...?

Đây cũng là cái “đức hiếu sinh” của nhà Phật vậy.

Tư tưởng về nhân nghĩa của ông cũng được thể hiện ở ước muốn xây dựng một đất nước thái bình:

“Xã tắc từ đây vững bền

Giang sơn từ đây đổi mới

Càn khôn bĩ rồi lại thái

Nhật nguyệt hối rồi lại minh

Ngàn năm vết nhọc nhẽ sạch lâu

Muôn thuở nền thái bình vững chắc”

Cũng có lúc Nguyễn Trãi vận dụng cái “đức vô vi” của Lão tử để an nhân khi lui về ở Côn Sơn:

“Côn Sơn suối chảy rì rầm,

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.

Côn Sơn có đá rêu phơi,

Ta ngồi trên đá như ngồi đệm êm”.

Kết tinh của truyền thống yêu nước, truyền thống văn hóa nhân ái Việt Nam, kết tinh tinh hoa văn hóa phương Đông, phương Tây và Chủ nghĩa duy vật đã hình thành lên tư tưởng vị lãnh tụ kiệt xuất của dân tộc thời hiện đại - Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống những quan điểm, quan niệm, luận điểm về giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, về xây dựng xã hội mang

bản chất nhân đạo cao cả, dựa trên nền tảng chủ nghĩa yêu nước, kết hợp tinh hoa văn hóa dân tộc với tinh hoa văn hóa thế giới. “Phúc - đức” tuy không được trực tiếp đề cập tới nhưng vẫn luôn hiện diện trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng con người của Hồ Chí Minh là sự kế thừa tinh hoa văn hóa nhân loại: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Lời suy luận của Hồ Chí Minh trong bản Tuyên ngôn độc lập cũng thể hiện tư tưởng về cái “phúc” của muôn dân, mở rộng ra là tất cả dân tộc trên thế giới.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh cũng thể hiện tinh thần khoan dung độ lượng của dân tộc ta: “Với thực dân Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thủy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng, tài sản của họ.

Mặc dù trong những hoàn cảnh kháng chiến gian khổ như Hồ Chí Minh vẫn thể hiện cái “đức vô vi” tự tại của bậc thánh hiền:

“Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng

Cuộc đời cách mạng thật là sang”

Tư tưởng về “đức” của Hồ Chí Minh thể hiện rất rõ trong quan điểm *“Tu cách một người cách mệnh”*:

“Tự mình phải:

Cần kiệm.

Hoà mà không tu.

Cả quyết sửa lỗi mình.

Cẩn thận mà không nhút nhát.

Hay hỏi.

Nhẫn nại (chịu khó).

Hay nghiên cứu, xem xét.

Vị công vong tư.

Không hiếu danh, không kiêu ngạo.

Nói thì phải làm.

Giữ chủ nghĩa cho vững.

Hy sinh.

Ít lòng tham muốn về vật chất.

Bí mật.

**“
Như vậy, có thể
khẳng định tư tưởng
“phúc - đức” là một
trong những dòng
tư tưởng truyền
thống của dân tộc
ta, mang ý nghĩa
triết lý và giá trị
nhân văn sâu sắc.
”**

Đối với người phải:

Với từng người thì khoan thứ.

Với đoàn thể thì nghiêm.

Có lòng bày vẽ cho người.

Trực mà không táo bạo.

Hay xem xét người.

Làm việc phải:

Xem xét hoàn cảnh kỹ càng.

Quyết đoán.

Dũng cảm.

Phục tùng đoàn thể”.

Rõ ràng trong đây có đủ đức “nhân nghĩa” của nhà Nho, “đức thiếu dục, tri túc” của đạo Lão, “đức hổ thẹn, tinh tiến, nhẫn nhục, tự lợi, lợi tha...” của nhà Phật. Như vậy tư tưởng về “đức” của Hồ Chí Minh là sự kế thừa và phát triển cái “đức” của nhân loại.

Như vậy, có thể khẳng định tư tưởng “phúc - đức” là một trong những dòng tư tưởng truyền thống của dân tộc ta, mang ý nghĩa triết lý và giá trị nhân văn sâu sắc. “Phúc - đức” không phải là tín ngưỡng tư tưởng tâm linh thuần túy, cũng không phải là tín điều riêng của một tôn giáo nào. Bởi Phật là bậc đầy đủ phúc - đức nhất ở đời nên chúng ta tôn kính và tưởng nhớ tới Ngài, điều đó vượt ra khỏi phạm vi tôn giáo.

Thiết nghĩ trong thời đại ngày nay, đất nước hòa bình, xã hội phát triển, nhân dân cả nước cùng nhau xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc, những tư tưởng đúng đắn về “phúc - đức” cần được khơi dậy trong tinh thần dân tộc ta.



SỰ DUNG HỢP ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO VỚI PHONG TỤC TẬP QUÁN NGƯỜI NAM BỘ Ở VIỆT NAM

Phật giáo du nhập vào Nam Bộ đã được đón nhận một cách nồng nhiệt bởi sự tương đồng giữa giáo lý đạo đức của mình với lối sống, phong tục của người dân nơi đây. Sự tương đồng đó đã tạo nên sự dung hợp giữa giá trị đạo đức Phật giáo với phong tục tập quán Nam Bộ. Phật giáo đã được người dân nơi đây lựa chọn, tiếp nhận và bổ sung thêm những nội dung mới. Sự dung hợp giữa giá trị đạo đức Phật giáo và hệ thống tín ngưỡng bản địa đã làm cho Phật giáo có một sức sống vững bền trong cộng đồng dân cư Nam Bộ. Phật giáo cũng đã góp phần không nhỏ vào việc củng cố, duy trì phong tục tập quán của người Nam Bộ.

VÕ VĂN DŨNG



1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phật giáo truyền vào Việt Nam từ những thế kỷ đầu Công nguyên. Quá trình đó Phật giáo đã hòa quyện vào phong tục tập quán, tín ngưỡng, văn hóa, thế giới quan và nhân sinh quan của dân tộc Việt Nam nói chung và các vùng miền nói riêng. Nội dung đạo đức Phật giáo chứa đựng sự từ bi, hỷ xả và nhấn mạnh đến yếu tố hoàn thiện đạo đức của con người. Quan điểm này của Phật giáo phù hợp với phong tục tập quán của người Nam Bộ nên nó đã nhanh chóng tìm được chỗ đứng và có điều kiện bám rễ chắc chắn trên mảnh đất này. Việc nghiên cứu sự dung hợp của đạo đức Phật giáo với phong tục tập quán người Nam Bộ ở Việt Nam sẽ góp phần vào việc tìm hiểu quá trình phát triển của Phật giáo và văn hóa của người dân Nam Bộ.

2. KHÁI QUÁT ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO

Phật giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ, người sáng lập tên là Tất Đạt Đa (Siddhartha) là thái tử của vua Tịnh Phạm, sinh ở kinh thành Kapilavastu khoảng 563 trước Công Nguyên. Thích Ca Mâu Ni (Sàkyamuni) là tên do học trò tôn xưng sau khi Người thành Phật. Trải qua nhiều lần tu tập, đến năm 35 tuổi ngài giác ngộ được con đường giải thoát. Từ đó ngài đi các nơi truyền bá đạo của mình. Sau khi Phật Thích Ca nhập diệt, Phật giáo dần dần chi thành nhiều tông phái. Trong đó nổi lên hai tông phái lớn đó là tiểu thừa (Hina-yana) và đại thừa (Mahà-yana). Phật giáo truyền vào Việt Nam khoảng đầu năm công nguyên và nó không mâu thuẫn với tín ngưỡng sẵn có của dân tộc. Bên cạnh đó Phật giáo còn mang tới cách giải thích hết sức mới mẻ về nỗi khổ đau của con người, về nguyên nhân khổ đau, về con đường giải thoát nỗi khổ đồng thời nó kêu gọi lòng từ bi hỷ xả. Vào thế kỷ XVI ở Việt Nam gắn liền với giai đoạn lịch sử Trịnh, Nguyễn phân tranh, sự biến đổi của chính trị đã tác động không nhỏ đến văn hóa - xã hội, tư duy, tôn giáo. Quá trình phân chia đất nước thành đàng trong và đàng ngoài đã tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển. Phật giáo du nhập vào Nam Bộ theo nhiều hướng khác nhau nhưng theo chúng tôi có thể khái quát thành 3 hướng tiêu biểu như; hướng thứ nhất là gắn liền với sự di dân và mở rộng lãnh thổ của miền Thuận Quảng; hướng thứ hai xuất phát từ các nhà sư người Trung Quốc đưa tới; hướng thứ ba là do truyền bá từ Campuchia. Nhưng dù hướng nào đi chăng nữa thì sự phù hợp giữa đạo đức Phật giáo và phong tục tập quán nơi đây đã tạo nên yếu tố quyết định cho Phật giáo tồn tại và phát triển mạnh mẽ.

Nguyên tắc căn bản của đạo đức Phật giáo là lòng từ bi, bình đẳng cho tất cả chúng sinh, tránh làm điều ác,

tích cực hành thiện. Phật giáo đề cao “giới”, xem “giới” là những điều không được vi phạm, cần phải tránh để bảo vệ đạo đức và nhân phẩm của một con người. Xem “giới” là con đường đạo đức dành cho tất cả mọi căn cơ và trình độ. Giới có nhiều loại, tùy theo cấp độ tu hành khác nhau giữa đại thừa và tiểu thừa mà giới được phân thành nhiều loại, tuy vậy chúng ta có thể thấy có năm giới cơ bản sau: (1) không sát sanh; (2) không trộm cướp; (3) không tà dâm; (4) không nói lời không chân thật (giới về miệng); (5) không uống rượu. Năm giới căn bản là điều kiện đạo đức tối thiểu của một người Phật tử, cũng là những chuẩn mực đạo đức. Giới của Phật giáo khi hòa mình vào những phong tục tập quán đã góp phần làm sâu sắc thêm tinh thần yêu nước, ý chí tự cường của dân tộc Việt Nam.

Việc thực hành năm giới này, không chỉ hoàn thiện tư cách đạo đức cá nhân mà còn làm cho xã hội được yên bình, hạnh phúc. Vì vậy, năm giới là năm điều kiện sống không thể thiếu của một con người, là điều kiện cần và đủ để trở thành người có đạo đức. Để hướng đến hoàn thiện, con người cần phải có môi trường và xã hội tốt đẹp. Những chuẩn mực đạo đức của Phật giáo đòi hỏi cá nhân mỗi người phải tu luyện đạo đức. Khi tất cả những cá nhân trong xã hội rèn luyện và thực hành điều thiện tránh làm điều ác thì xã hội sẽ tốt đẹp hơn.

Ngoài việc xây dựng đạo đức cá nhân, Phật giáo còn cho rằng, phải xây dựng một chuẩn mực đạo đức xã hội. Mục đích của Phật giáo không chỉ dừng lại ở việc dạy đạo đức cho số ít người mà Phật giáo còn muốn trang bị đạo đức cho toàn xã hội. Để thực hiện điều đó Phật giáo chủ trương phải thực hành theo sáu pháp Hoà kính, gồm: (1) “Thân hòa cùng ở”. Là cùng nhau ở dưới một mái nhà, trong một phạm vi, một tổ chức, giúp đỡ nhau, cùng ăn, cùng ngủ, cùng học, cùng hành. (2) “Khẩu hòa vô tranh”. Phật giáo chủ trương, mọi người không đánh đập nhau, không đối chọi nhau, khi ở bên cạnh nhau. Muốn làm được điều đó, thì lời nói phải giữ được ôn hòa nhã nhặn. Có người thân hòa mà khẩu không hòa, ăn thua nhau từng câu nói, tìm cách mỉa mai, châm chọc, hặc hởi nhau từng tiếng một, dễ sinh ra mâu thuẫn. (3) “Ý hòa đồng duyệt”. Ý là quan trọng nhất, vì đây sẽ dẫn đến khẩu và thân. Cho nên, trong một gia đình, một đoàn thể, mỗi người cần giữ gìn ý cho trong sạch. Nếu ý tưởng hiền hòa, vui vẻ thì thân và lời nói sẽ giữ được hòa khí. Nếu không thì ngược lại. (4) “Giới hòa đồng tu”. Trong một tổ chức, đoàn thể cần có trật tự, kỉ luật qui định rõ ràng. Trong đạo Phật, mỗi Phật tử, tùy theo địa vị cấp bậc tu hành của mình, mà thọ lãnh ít hay nhiều giới luật. Như vậy, trong một đoàn thể, dù đạo hay đời, nếu không cùng nhau gìn giữ giới điều, kỉ luật, quy tắc, thì chúng ta không sống chung với nhau được. Phật tử, muốn hòa hợp cùng nhau để tu tập, thì mỗi người cần phải gìn giữ giới luật như nhau. (5) “Kiến hòa đồng giải”. Sống chung, mỗi người hiểu biết, khám phá được điều gì thì phải giải bày, chỉ bảo cho người khác hiểu. Như thế trình độ hiểu biết mới không chênh

lệch, sự tu học mới tiến đều về tinh thần bình đẳng, mới dễ giữ vững giữa những người cùng ở một đoàn thể. (6) “Lợi hòa đồng quân”. Về tài lợi, vật thực, đồ dùng phải phân chia cho cân nhau hay cùng nhau thọ dụng, không được chiếm làm của riêng, hay giành phần nhiều về mình. Với quan điểm này của Phật giáo đã góp phần làm phong phú cho đạo đức cách mạng. Hồ Chí Minh cũng đã khẳng định rằng chỉ có đoàn kết mới làm cho cách mạng thành công, do vậy đạo đức của người cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Như vậy, chúng ta thấy rằng tinh thần từ bi, vô ngã, hòa hợp, đoàn kết vẫn có giá trị đối với cách mạng Việt Nam hiện nay.

Phật giáo cho rằng, trong xã hội sở dĩ có sự xung đột, phân chia giai cấp, cũng do vì thiếu sự “Lợi hòa đồng quân” dẫn đến phân biệt giàu nghèo. Do đó, không thể có hòa bình được vì con người luôn tìm cách tranh dành lẫn nhau. Muốn cho xã hội trở nên công bằng thì con người phải cư xử với nhau có đạo đức.

Phật giáo cho rằng, cần phải thiết lập trật tự xã hội bằng sự công bằng. Chính vì thế, trong kinh Phật còn dạy cách xử sự với nhau trong cuộc sống thường nhật như đạo làm cha mẹ, làm con, làm vợ, làm chồng, làm trò, làm thầy, làm bạn, bốn phận với kẻ ăn, người ở. Những lời dạy trong kinh Phật về cách cư xử trong gia đình là khởi đầu cho quan hệ đạo đức trong xã hội. Điều này được thể hiện trong kinh Trường A hàm thông qua lời giảng của Phật với Thiện Sinh, gồm những nội dung sau:

(1) Con đối với cha mẹ, có bốn phận phụng dưỡng và cung cấp đầy đủ vật dụng cho cha mẹ. Muốn làm gì thưa cha mẹ biết. Không trái việc cha mẹ làm. Không trái điều cha mẹ dạy. Không ngăn đón việc làm lành của cha mẹ: “Ở đời được kính dưỡng mẹ hiền là vui, kính dưỡng thân phụ là vui, kính dưỡng Sa-môn là vui, kính dưỡng Thánh nhân là vui” [3, tr. 69].

(2) Cha mẹ phải biết thương con; bậc làm cha mẹ, phải biết khuyên và ngăn cản, không để cho con làm điều ác. Nhắc nhở và dẫn dắt con đi trên đường thiện. Tạo cho con nghề sống chính đáng. Khi con khôn lớn, dựng vợ, gả chồng một cách xứng đáng. Kịp thời chia lại cho con phần tài sản của mình.

(3) Học trò đối với thầy có bốn phận; luôn luôn tỏ ra cung kính, trông nom săn sóc thầy. Chăm chỉ nghe lời thầy dạy. Khi thầy cần đến, hết lòng giúp đỡ. Kính cẩn nhận lời thầy dạy bảo.

(4) Thầy phải biết thương trò và có bốn phận; người thầy phải dạy dỗ trò biết tôn trọng kỷ luật, làm cho trò lĩnh hội được lời dạy. Dạy những môn kỹ thuật và khoa học thích hợp. Tiến dần trò vào giới thân cận của mình để trò giao thiệp với bạn bè thân thuộc mình. Đào tạo trò cho ra người hoàn hảo trên mọi phương diện.

(5) Chồng đối với vợ, có bốn phận; luôn luôn hòa nhã, ân cần. Không khi nào tỏ ý khinh rẻ. Luôn luôn chung thủy với vợ. Giao quyền hành cho vợ. Mua sắm cho vợ các đồ trang sức.



(6) Vợ phải biết thương chồng và có bốn phận; làm tròn phận sự trong nhà. Vui vẻ tử tế với quyến thuộc của chồng. Luôn luôn trung thành với chồng. Giữ gìn cẩn thận những đồ trang sức, thân trọng coi sóc của cải trong nhà. Luôn luôn siêng năng không khi nào thoái thác công việc.

(7) Đối với bạn bè thân thuộc có bốn phận; Quảng đại, khoan hồng. Ăn nói nhã nhặn, thanh tao. Sẵn sàng làm việc phải cho bạn bè thân thuộc. Thấy ai hữu sự liền ra tay giúp đỡ, không đợi cầu khẩn. Có tinh thần bình đẳng. Luôn luôn thành thật.

(8) Người bạn được đối xử như vậy, có bốn phận; bảo vệ bạn trong lúc cô đơn, cứu vớt bạn trong cơn sa ngã. Khi tài sản bạn không ai trông nom, hết lòng bảo vệ, không để cho bạn bị tổn hao. Nếu bạn lâm vào tình trạng khủng hoảng thì hết lòng đùm bọc và làm cho mình trở nên nơi nương tựa của bạn. Không nên bỏ bạn trong lúc nguy biến. Đối với gia đình bạn luôn luôn nhã nhặn, khiêm tốn.

(9) Đối với kẻ ăn người ở trong nhà, có bốn phận; không nên giao phó công việc làm quá sức, thù lao và cơm nuôi đầy đủ, không bắt làm quá giờ.

(10) Người làm công phải thương chủ và có bốn phận; thức dậy trước chủ. Ngủ sau chủ. Chỉ lấy hoặc dùng những vật chi của chủ cho. Tận tình làm công việc trong nhà được vẹn toàn. Giữ gìn danh giá cho gia chủ, làm cho danh thơm của gia chủ được truyền ra xa rộng.

Những quan niệm trên đã khái quát những mối quan hệ cơ bản nhất từ trong gia đình đến ngoài xã hội, Phật giáo chủ trương xây dựng nên mối quan hệ tốt đẹp nên có giữa cha mẹ và con cái, giữa thầy và trò, giữa chồng và vợ, giữa bạn bè với nhau, giữa gia chủ và người làm, giữa tu sĩ và dân chúng. Chuẩn mực lý tưởng trong quan hệ xã hội được Đức Phật khái quát có giá trị vượt thời gian, dù hoàn cảnh của mỗi quốc gia có khác nhau nhưng được sống bình đẳng, nhân ái giữa người với người vẫn là khát vọng, dù hoàn cảnh xã hội có thay đổi, các mối quan hệ xã hội có thêm bớt cho phù hợp với hoàn cảnh mới nhưng tinh thần bình đẳng, nhân ái và giá trị đạo đức vẫn còn tồn tại. Trong cuộc sống hàng ngày nếu chúng ta biết khoan dung, có lòng vị tha thì xã hội sẽ trở nên tốt đẹp.

3. KHÁI QUÁT PHONG TỤC TẬP QUÁN NGƯỜI NAM BỘ Ở VIỆT NAM

Nam Bộ là vùng đất gò mả; Đông Nam Bộ, thành phố Hồ Chí Minh và đồng bằng Sông Cửu Long. Nam Bộ từ lâu đời đã là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc như người Việt, người Hoa, người Chăm, người Kh'mer, người Mạ, người Stiêng, v.v. Nơi đây cũng là nơi diễn ra sự giao thoa, tiếp biến văn hóa giữa các cộng đồng tộc hết sức đậm nét tạo nên nét đặc trưng của người dân nơi đây như sự táo bạo, năng động, sáng tạo, thực tế, trọng nghĩa, phóng khoáng, bao dung.

Để hiểu rõ phong tục tập quán của người dân Nam

Bộ có lẽ chúng ta nên bắt đầu từ việc nghiên cứu quá trình chinh phục mảnh đất phía Nam của người Việt. Năm 1698 chúa Nguyễn cử Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh đi khám lược phía Nam "lấy đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định, đặt xứ Đồng Nai làm huyện Phúc Long, dựng dinh Trấn Biên, v.v, xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn" [6, tr.77]. Với khí hậu ôn hòa, đất đai trù phú đã làm thay đổi ít nhiều thói quen, phong tục tập quán, lối sống của những người di dân. Quá trình đó đã hình thành phong tục tập quán mới vừa mang sáo thức chung của dân tộc Việt Nam vừa mang tính vùng miền riêng biệt. Quá trình định cư xen kẽ của các dân tộc tạo nên sự giao lưu văn hóa và tiếp biến văn hóa bên cạnh đó Nam Bộ còn là nơi giao lưu văn hóa với nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới. Sự tiếp biến nhiều luồng văn hóa làm cho người Nam Bộ có lối sống năng động, sáng tạo. Bên cạnh đó sự giao lưu văn hóa cũng làm cho phong tục tập quán Nam Bộ tồn tại nhiều tín ngưỡng, tôn giáo. Tuy nhiên, các tín ngưỡng và tôn giáo ở đây không mang tính đối đầu như một số nước trên thế giới mà nó hòa trộn vào nhau bởi sự cởi mở, phóng khoáng sẵn sàng mở cửa tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa và tư tưởng tiến bộ trên thế giới nhằm tạo nên nét độc đáo riêng, phù hợp với điều kiện lịch sử Nam Bộ nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung.

Với tư duy và tính cách phóng khoáng, dễ hòa đồng của người dân Nam Bộ nên họ dễ dàng chấp nhận sự đa dạng, phong phú của các nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Phật giáo là một trong những tôn giáo du nhập vào Nam Bộ theo bước chân của những người di cư. Tuy nhiên, Phật giáo sẽ không thể bám rễ và trưởng thành ở đây nếu không có sự chuyển mình. Trong suốt chiều dài lịch sử vùng đất Nam Bộ, Phật giáo đã cùng phong tục tập quán nơi đây song hành cùng nhau, liên kết với nhau và hòa hợp với nhau tạo thành Phật giáo mang đậm tính dân gian. Sở dĩ phong tục tập quán Nam Bộ và giá trị đạo đức Phật giáo có thể dung hợp được với nhau là vì giá trị đạo đức Phật giáo có những nét tương đồng với phong tục tập quán Nam Bộ, và bên cạnh đó là sự hiếu khách và sự cởi mở của người dân Nam Bộ. Đó chính là môi trường thuận lợi cho quá trình dung hợp. Nếu sự dung hợp chỉ có môi trường thôi thì chưa đủ mà còn phải đáp ứng nhu cầu thực tại của xã hội, đồng thời nó cũng đáp ứng được nhu cầu truyền bá của Phật giáo.

4. SỰ DUNG HỢP CỦA GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO VỚI PHONG TỤC TẬP QUÁN NAM BỘ Ở VIỆT NAM

Cũng giống như bất kỳ nơi nào trên thế giới khi chưa giải thích được các hiện tượng tự nhiên và bất lực trước thực tại, con người đều tìm đến sự giải thoát ở mặt tinh thần. Vùng đất Nam Bộ ở Việt nam cũng không nằm ngoài quy luật trên đúng như C.Mác - Ph. Ăngghen đã nhận xét "bên cạnh những lực lượng thiên nhiên còn có



cả những lực lượng xã hội tác động - những lực lượng này đối lập với con người, một cách cũng xa lạ lúc đầu cũng không thể hiểu được đối với họ và cũng không thể thống trị họ với các vẻ tất yếu bề ngoài giống như bản thân những lực lượng tự nhiên vậy. Những nhân vật ảo tưởng, lúc đầu chỉ phản ánh những sức mạnh huyền bí của các lực lượng tự nhiên, thì nay lại vì thế có cả những thuộc tính xã hội và trở thành những đại biểu cho các lực lượng lịch sử” [2, tr. 437]. Như vậy sự dung hợp giữa phong tục tập quán người dân nam Bộ và giá trị đạo đức Phật giáo đầu tiên là để đáp ứng nhu cầu niềm tin của người dân nơi đây. Người dân Nam Bộ cũng giống như bao nhiêu cộng đồng dân cư khác trong cuộc sống ngoài việc thỏa mãn giá trị vật chất thì còn phải thỏa mãn những giá trị tinh thần và tâm linh, “tâm linh là cái thiêng liêng cao cả trong cuộc sống đời thường, là niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng tôn giáo. Cái thiêng liêng cao cả, niềm tin thiêng liêng ấy được đọng lại ở những biểu tượng, hình ảnh, ý niệm” [5, tr. 14]. Việc thể hiện ở mặt tâm linh được người dân Nam Bộ thể hiện thông qua cách thờ cúng tổ tiên, thờ những người khai hoang lập ấp, những người anh hùng dân tộc, những vị thần hộ mệnh, v.v, đã góp phần hình thành nên phong tục tập quán của người dân Nam Bộ. Phật giáo du nhập vào Nam Bộ ở Việt nam đã sớm đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân nơi đây bởi triết thuyết đạo đức nhân sinh của mình, đặc biệt là thuyết luân hồi, nghiệp báo và quan niệm về giải thoát. Người dân Nam Bộ đã nhìn thấy được những giá trị đạo đức Phật giáo có thể giúp họ bảo lưu, duy trì và chuyển tải những giá trị tốt đẹp của vốn có của họ. Tuy nhiên, Phật giáo chỉ có thể truyền bá rộng rãi ở Nam Bộ khi nó biết chuyển mình theo hình thức thay đổi để phù hợp với phong tục tập quán nơi đây. Phong tục tập quán

của người Nam Bộ được thể hiện qua đạo lý uống nước nhớ nguồn, truyền thống bao dung, nhân nghĩa, truyền thống yêu nước, phóng khoáng, đoàn kết, v.v, tất cả được dung nạp vào Phật giáo. Phật giáo hết sức gần gũi với người dân nơi đây, họ thờ phật trong nhà và chung với bàn thờ tổ tiên. Nếu như đức Phật ở các nơi được người dân tôn thờ với giá trị về uy nghi ngời trên tòa sen thì ở Nam Bộ nói riêng và Việt Nam nói chung thì hình ảnh đức Phật là rất gần gũi với người dân. Bụt là Phật hóa thành lấy sự giác ngộ để giải thoát “Phật - tiếng Phạn là Buddha (âm Hán Việt là Phật Đà, gọi tắt là Phật) nghĩa là bậc giác ngộ viên mãn. Từ tiếng Phạn Buddha, người Việt Nam ngày xưa đọc là Bụt” [10, tr. 36]. “Trái lại cái tên Bụt, Tiên cũng là mượn của những thứ tôn giáo ngoại lai nhưng đã trở thành truyền thống, vì từ rất xưa, những tôn giáo này đã từng hoá thân vào đời sống dân tộc, chấp nhận những thứ thanh lọc gay gắt, trở thành tôn giáo chung chi phối tâm linh của cộng đồng” [1, tr. 50]. “Các nhân vật vốn là biểu tượng của tôn giáo như Bụt, Tiên, Ngọc Hoàng , v.v đều đã được cái nhìn thực tiễn của dân gian – dân tộc nhân cách hoá để trở thành lực lượng cứu tinh đối với mọi người dân cùng khổ” [1, tr. 1635].

Phật giáo ban đầu truyền bá vào Nam Bộ là đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân, tuy nhiên quan điểm giải thoát của Phật giáo lại hòa quyện với chủ nghĩa yêu nước tạo nên một sắc thái mới cho phong tục tập quán nơi đây. Người dân Nam Bộ đã biến Phật giáo từ xuất thế trở thành nhập thế tích cực, mang dáng vẻ và tâm hồn của người Nam Bộ. Đến lượt mình Phật giáo cũng mang trong mình dáng vẻ, tinh thần và phong tục tập quán của người Nam Bộ. Quan điểm tứ ân của Phật giáo có nhiều thuyết .

I. Theo kinh tâm địa quán, bốn ơn gồm: 1. Ôn cha mẹ;



2. Ôn chúng sinh; 3. Ôn quốc vương; 4. Ôn tam bảo.

II. Theo Thích thị yếu lâm thì bốn ôn gồm: 1. Ôn cha mẹ; 2. Ôn su trưởng; 3. Ôn quốc vương; 4. Ôn thí chủ”[8, tr. 1425].

Quan điểm này vừa có tính tương đồng với quan điểm của người Việt Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng. Ôn cha mẹ, tổ tiên cha mẹ, ôn đất nước trong Phật giáo cũng chính là đạo lý hướng về cội nguồn chung của người dân Nam Bộ, về những vị anh hùng đã xả thân vì quê hương, đất nước. Để tri ân những người có công với đất nước, tưởng nhớ tổ tiên, hàng năm, người dân Nam Bộ đều tổ chức những ngày lễ, giỗ. Phong tục tập quán này của người Nam Bộ đã được Phật giáo duy trì, nuôi dưỡng và nâng lên thành một đạo lý bền vững trong dân gian. Quan điểm “từ bi”, “thương yêu chúng sinh, mang lại cho họ niềm an lạc vui sướng gọi là Từ (maitrya, maitri). Đồng cảm nỗi khổ và thương xót chúng sinh, trừ bỏ nỗi khổ cho họ gọi là Bi” [8, tr. 1421]. Quan điểm đó của Phật giáo đã gặp gỡ với tính trọng nghĩa, bao dung của người dân Nam Bộ, nên ngay từ buổi đầu mới du nhập, Phật giáo đã được người dân Nam Bộ đón nhận và phát huy. Như vậy, sự dung hợp của phong tục tập quán Nam Bộ và giá trị đạo đức Phật giáo còn góp phần vào việc giữ gìn và phát huy giá trị tốt đẹp của phong tục tập quán nơi đây.

Sự dung hợp của tính táo bạo của phong tục tập quán của Nam Bộ và giá trị đạo đức Phật giáo thể hiện trong việc giải phóng. Trong quan điểm của Phật giáo “giải thoát, có nghĩa là lìa bỏ mọi trói buộc mà được tự tại. Cởi bỏ sự trói buộc của hoặc nghiệp, thoát ra khỏi khổ quả của tam giới” [8, tr. 447]. Muốn giải thoát thì Phật giáo phải hướng con người giải thoát bắt đầu từ những điều nhỏ nhất trong cuộc sống hàng ngày. Sự giải thoát này trùng hợp với phong tục tập quán của người dân Nam Bộ. Quan điểm giải thoát vốn đã hằn sâu trong ý thức của người Nam Bộ, nó thể hiện ngay từ thời kỳ khai hoang mở cõi. Những người đến đây lập nghiệp thường là những người bị dồn nén đến bước đường cùng, họ từ bỏ quê hương ra đi để tìm kiếm miền đất mới nhưng thực ra đó chính là sự giải phóng. Quan điểm giải phóng của người Nam Bộ được thể hiện trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm như sự kiên cường, gan dạ, dám xả thân vì tổ quốc. Sự dung hợp giữa tư tưởng giải thoát của Phật giáo và tính táo bạo luôn mong muốn được giải phóng của người dân Nam Bộ đã góp một phần hun đúc thành những giá trị mang tính truyền thống trong suốt chiều dài lịch sử hình thành vùng đất Nam Bộ là: “Yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, thương người, vì nghĩa” [9, tr. 50].

Dung hợp giữa tính trọng nghĩa trong phong tục tập quán Nam bộ và sự hòa hợp trong giá trị đạo đức Phật giáo. Trong phong tục tập quán của người Nam Bộ tính trọng nghĩa được thể hiện trong các quan điểm như “tương thân tương ái”, “lá lành đùm lá rách”, “hàng xóm tắt lửa tối đèn có nhau”.... Xét ở một góc độ nhất định thì người Nam Bộ mang tính trọng nghĩa, tính trọng nghĩa

“

Phong tục tập quán này của người Nam Bộ đã được Phật giáo duy trì, nuôi dưỡng và nâng lên thành một đạo lý bền vững trong dân gian.

”

xuất phát từ nguyên nhân; nguyên nhân thứ nhất bắt nguồn từ tình cảm, việc di cư đã làm cho con người đến miền đất mới để sinh sống với nhiều người lạ. Như một lẽ tất yếu tình cảm con người cần phải có thời gian nhưng ở giai đoạn ngắn thì chưa có sự thích nghi. Trong lúc đó cuộc sống hàng ngày họ phải đối mặt với những khó khăn nhất định buộc họ phải nương tựa vào nhau; thứ hai bắt nguồn từ sự đoàn kết để chống thú dữ và sự xâm lược của kẻ thù. Tuy đây là vùng đất mới nhưng lại tụ hợp rất nhiều dân tộc khác nhau, ban đầu số lượng không đông nhưng mỗi dân tộc lại có một nét văn hóa riêng biệt, nếu không thể bỏ bớt cái tôi thì không thể đến với cái ta. Việc tách biệt với cộng đồng sẽ làm cơ hội cho thú dữ ăn thịt và kẻ địch đến tấn công cướp, phá do vậy họ phải nâng cao tính trọng nghĩa để cuu mang, đùm bọc nhau, kết thân với nhau bằng hình thức trao đổi nôi giống. Tính trọng nghĩa, tình, trọng sự hòa hợp là một đức tính quý báu của người Nam Bộ được kết tinh từ những bài học về lẽ sống, được thể hiện qua những phong tục tập quán của người dân. Ở phương diện này thì phong tục tập quán lại rất gần gũi với tư tưởng bình đẳng của Phật giáo. “Tạo hóa không sinh ra ai sang, ai hèn, ai thầy, ai tớ, ai vua, ai tôi cả. Tạo hóa sinh ra toàn những con người bình đẳng thôi” [11, tr. 106]. Chính tư tưởng bình đẳng này đã tạo ra sự hòa hợp rộng rãi ở mỗi nơi có dấu chân của Phật giáo, nó đã dễ dàng thấm vào tư tưởng và tinh thần vốn dễ dàng chấp nhận, dễ dàng hòa nhập của người dân Nam Bộ như nước thấm vào đất. Sự bình đẳng của Phật giáo được ví như: “Này, Pàhàràda, phàm các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamurà, sông Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy chảy đến biển, liền bỏ tên họ trước, trở thành biển lớn. Cũng vậy, này Pàhàràda, có bốn giai cấp: Sát đế ly, Bà la môn, Phệ xá, Thủ đà, sau khi từ bỏ gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố này, họ từ bỏ tên và họ của họ trước, họ trở thành những Sa môn Thích tử”[7, tr. 562]. Nếu như Phật giáo ở Ấn Độ thì sự hòa hợp mang tính

ngoại giao, chung sống hòa bình, bình đẳng thì Phật giáo sau khi du nhập vào Nam Bộ có sự hòa hợp rộng lớn mang trong mình nó tính trọng nghĩa, tình và hòa hợp góp phần tạo nên phong tục tập quán tốt đẹp của con người Nam Bộ. Bên cạnh đó Phật giáo ở đây vừa chú trọng trong mình nó sự hài hòa giữa Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo và có sự hòa trộn cả phương Đông lẫn phương Tây.

Sự dung hợp còn thể hiện giữa tinh thần nhân ái trong phong tục tập quán của người dân Nam Bộ và tư tưởng từ bi của Phật giáo. Tinh thần nhân ái xuất hiện từ khá sớm trong lịch sử nhân loại, tuy nhiên ở mỗi quốc gia, mỗi vùng miền lại mang những đặc trưng khác nhau. Lòng nhân ái của người dân Nam Bộ được thể hiện trong lối sống giản dị, trong các mối quan hệ từ gia đình đến ngoài xã hội. Có một số nghiên cứu cho rằng người dân Nam Bộ đề cao tình hơn lý trong cuộc sống. Tuy nhiên không phải họ sống theo cảm tính mà là trong mọi sự việc họ phải xét cái tình trước. Tinh thần nhân ái của người dân Nam Bộ rất gần gũi với tư tưởng từ bi của Phật giáo “thương yêu chúng sinh, mang lại cho họ niềm an lạc vui sướng gọi là Từ (maitrya, maitri). Đồng cảm với nỗi khổ và thương xót chúng sinh, trừ bỏ nỗi khổ cho họ gọi là Bi”[8, tr 1421]. Quan điểm từ bi của Phật giáo đã cùng với tinh thần nhân ái của người dân Nam Bộ tạo nên một giá trị mới đó là tính trọng nghĩa. Lòng nhân ái là sự thể hiện yêu thương giữa người và người, đó là sợi dây ràng buộc con người với nhau. Lòng nhân ái sẽ giúp con người loại bỏ dần tính ích kỷ, từ bỏ lòng tham lam, sự mâu thuẫn, xung đột trong xã hội. Tinh thần nhân ái trong triết lý Phật giáo thể hiện ở tư đại trọng ân phù hợp với thuần phong mỹ tục của con người Việt Nam nói chung và Nam bộ nói riêng, đó là truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, truyền thống tôn sư trọng đạo, hiếu đễ với ông bà cha mẹ... Như vậy, Phật giáo du nhập vào Nam Bộ đã tìm được sự dung hợp với phong tục tập quán của người dân nơi đây. Bởi vì giá trị đạo đức Phật giáo có nhiều điểm tương đồng với phong tục tập quán của người Việt ở Nam Bộ, nên đã được người dân đón nhận và dung hợp với phong tục tập quán của mình, trở thành Phật giáo mang đậm màu sắc bản địa. Giữa tư tưởng từ bi của Phật giáo và tinh thần nhân ái trong phong tục tập quán Nam Bộ có sự kết hợp, dung hợp nhau để tạo thành một Phật giáo mang bản sắc Nam Bộ, góp phần làm phong phú phong tục tập quán và phát triển bản sắc văn hóa của người dân Nam Bộ.

5. KẾT LUẬN

Phật giáo du nhập Việt Nam vào đầu Công nguyên, trải qua bao thăng trầm trong lịch sử nhưng Phật giáo vẫn tồn tại và phát triển. Khoảng thế kỷ XVII, Phật giáo đã du nhập vào Nam Bộ bằng nhiều con đường khác nhau và ăn sâu, bén rễ tại mảnh đất này. Quá trình du nhập của Phật giáo ở Nam Bộ đã có sự dung hợp giữa phong tục tập quán của người Nam Bộ bởi sự tương

đồng giữa giá trị đạo đức Phật giáo và phong tục tập quán người Nam Bộ. Những nét tương đồng đó tạo nên sự tương tác giữa phong tục tập quán Nam Bộ và giá trị đạo đức Phật giáo đã làm cho Phật giáo ở Nam Bộ trở thành Phật giáo bản địa. Khi Phật giáo du nhập vào Nam Bộ, bản thân nó ít nhiều đã bị ảnh hưởng bởi lối sống, văn hóa, phong tục tập quán của người dân nơi đây. Phật giáo đã in dấu ấn của mình vào phong tục tập quán Nam Bộ, nhưng bản thân nó cũng bị tác động bởi phong tục tập quán của bản địa. Văn hóa bản địa đã chế định các giá trị văn hóa đạo đức Phật giáo, tạo nên những đặc thù riêng của đạo đức Phật giáo Nam Bộ. Cùng với thời gian lịch sử, nhiều giá trị phong tục tập quán của cư dân người Việt ở Nam Bộ đã được chuyển tải vào trong Phật giáo. Giá trị đạo đức của Phật giáo cũng có vai trò góp phần vào việc làm phong phú thêm phong tục tập quán và đạo đức của người dân Nam Bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Đồng Chi (2000), Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, tập I, Nxb. Giáo dục.

C.Mác - Ph. Ăngghen (1993), Toàn tập, t.8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Kinh pháp cú (1993), (Thích Thiện Siêu dịch), Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam.

Võ Văn Dũng (2012), Một số giá trị đạo đức Phật giáo và ý nghĩa của nó hiện nay, Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Số 1.

Nguyễn Đăng Duy (1996), Văn hóa tâm linh, Nxb. Hà Nội.

Trịnh Hoài Đức, gia định thành thông chí, Nxb. Giáo dục.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1996), Kinh Tăng Chi Bộ, tập III, bản dịch của Thích Minh Châu, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam, phân viện nghiên cứu Phật học (2012), Tư điển Phật học Hán- Việt, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Trần Văn Giàu (1993), Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.

Huệ Thiện (2003), Đức Phật qua thành ngữ và tục ngữ Việt Nam - Nguyệt san Giác ngộ (Phụ trương nguyên cứu của báo Giác Ngộ), Số 84.

Thanh Vân - Nguyễn Duy Nhường (1993), Từ điển danh ngôn Đông Tây, Nxb. Văn Hóa, Hà Nội.



Một tinh hoa

PHẬT GIÁO TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh - Lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam, vị anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã để lại một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về cách mạng Việt Nam, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, trong đó có những hạt nhân tư tưởng của Phật giáo vào hoàn cảnh Việt Nam.

Nguyễn Đức Quỳnh

Nghiên cứu tư tưởng, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta thấy Người: “Đã gạn lọc, kế thừa, cách mạng hóa những hạt nhân hợp lý trong triết lý đạo Phật, nhất là triết lý đề cao nếp sống đạo đức trong sáng, chủ trương bình đẳng, yêu thương đồng loại, chống điều ác. Người đã nâng nó lên thành ngọn lửa hun đúc cho truyền thống yêu nước, nhân ái của dân tộc, động viên khích lệ đồng bào theo đạo Phật đồng lòng xây dựng đất nước” (1). Đó là:

LÒNG YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI, QUÊN MÌNH VÌ MỌI NGƯỜI

Trong giáo lý đạo Phật, “từ bi” là ước vọng mãnh liệt nhổ tận gốc rễ tất cả khổ đau và giải thoát cho con người thoát khỏi đau khổ mà họ phải gánh chịu trong cuộc sống, để con người và cả thế giới được an vui. “Bác ái” là lòng thương yêu hết thảy mọi người, mọi loài. “Vị tha” hiểu theo nghĩa rộng là không chỉ “vì người khác”, mà còn phụng sự nhân sinh vì tình yêu lớn với nhân loại. Mục đích của tu hành là “kết tinh bằng từ bi, trí tuệ, dũng mãnh, hướng dẫn chúng sinh đạt tới mục đích giác ngộ và giải thoát, chuyển cõi sa bà này thành cõi Tịnh độ và cuộc đời cơ cực này thành nếp sống cực lạc” (2); từ triết lý đó, từ lời giáo huấn của gia đình, trước nỗi đau của dân tộc dưới ách đô hộ của chế độ thực dân phong kiến, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước. Trải qua nhiều năm bôn ba thế giới, Người đã tìm ra con đường đúng đắn lãnh đạo nhân dân đấu tranh, giải phóng dân tộc, bước lên đài vinh quang, là con đường cách mạng vô sản. Người khẳng định: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là

làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành” (3). Ngày 5/1/1946, tại chùa Bà Đá, Người đã nói: “Trước Phật đài tôn nghiêm, trước quốc dân đồng bào có mặt tại đây, tôi xin thề hy sinh đem thân phần đầu để giữ vững nền độc lập cho Tổ quốc. Hy sinh, nếu cần đến hy sinh cả tính mạng, tôi cũng không từ”. Giáo lý đạo Phật khẳng định: “Nhân thị tối thắng” - con người cao hơn tất cả; với Hồ Chí Minh: “Trong bầu trời không có gì tốt đẹp về vang bằng phục vụ lợi ích cho nhân dân”, “việc gì có lợi cho nhân dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh” (4). Triết lý đó đã giúp Người vượt qua “tự ngã”, không chỉ là tình thương cho dân tộc mà trải rộng tình thương cho toàn nhân loại. Khi trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Người luôn nghĩ cách sao để ít đổ máu hy sinh nhất, kể cả ta và địch. Người đã vận động mọi thế lực chính trị, quân sự trên thế giới hãy vì hòa bình, hợp tác đẩy lùi chiến tranh; không muốn những người lính, người dân vô tội phải chết vì mục đích ích kỷ, phi nghĩa. Người khẳng định: “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên” (5); điều này giống với “Hạnh vô ngã” của đạo Phật, không nghĩ đến bản thân mình, luôn quên mình vì mọi người. Cả cuộc đời mình, Hồ Chí Minh đã hy sinh vì độc lập của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

LUÔN TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN PHẨM CHẤT, ĐẠO ĐỨC CỦA CON NGƯỜI

Theo giáo lý Phật, “Tham lam, giận dữ, si mê” (Tam độc) vốn là nguyên nhân chính gây ra đau khổ cho

loài người. Để giải thoát con người khỏi đau khổ, đem lại an vui cho mọi người, Đức Phật dạy người tu hành phải chống “tam độc” mà gốc của nó chính là do “si mê”. Để chống “tam độc”, người tu hành phải giác ngộ, dùng ý thức, trí tuệ của mình để diệt trừ “si mê”. Hồ Chí Minh khẳng định, đạo đức là gốc của người cách mạng; để làm cách mạng, mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn nêu gương trong rèn luyện, tu dưỡng đạo đức theo các tiêu chí: Cần (là cần cù, chăm chỉ, siêng năng), kiệm (là tiết kiệm tiền của, thời gian, công sức), liêm (là liêm khiết, thanh liêm, không tham địa vị, tiền tài), chính (là ngay thẳng, công minh, chính trực), chí công vô tư. Theo Người, “chí công vô tư” nghĩa là người cán bộ, đảng viên phải hoàn toàn vì nhân dân, vì đất nước, không vì cá nhân mình; phải trung với nước, hiếu với dân, điều này tương đồng với “hạnh vô ngã vị tha” của đạo Phật. Trong giáo lý Phật, chữ “chính” luôn được nhấn mạnh trong suốt quá trình tu hành của con người, đức “chính” hết sức toàn diện từ tư duy đến hành động, từ lời nói đến việc làm. Đích của “chính” là nhằm hướng thiện, loại bỏ cái tà, cái ác... Hồ Chí Minh nói: “Đức Phật dạy tín đồ, con người thông hiểu, tu hành từ muôn vàn giáo lý, đặng kết đọng hướng tới sống theo đức hạnh cao nhất: “Hãy gấp làm điều thiện, ngăn tâm làm điều ác” (6) và khẳng định: “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” là chuẩn mực đạo đức cao quý của con người; tứ đức ấy, đức nào cũng quý, cũng cần, như bốn mùa của trời, bốn phương của đất, thiếu một đức, thì không thành người. Với chữ “chính”, Người viết: “Chính nghĩa là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đứng đắn. Điều gì không thẳng thắn, đứng đắn, tức là tà”; cần, kiệm, liêm là gốc rễ của chính. Thực hiện tốt đức “chính” là cơ sở để xây dựng xã hội dân chủ, văn minh, phát triển. Các đức tính đó là đạo đức cách mạng, đối lập với đạo đức cách mạng là chủ nghĩa cá nhân; do đó, nâng cao đạo đức cách mạng không thể tách rời chống chủ nghĩa cá nhân. Người dạy: “Cán bộ Đảng, chính quyền ngay cả Bác là cán bộ cao nhất đều là đầy tớ của nhân dân, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phải cần, kiệm, liêm, chính”. Để thực hiện chữ “chính”, mỗi người phải bắt đầu từ tâm và phải tu dưỡng bền bỉ suốt đời. Người nói: “Muốn cải tạo thế giới và cải tạo xã hội thì trước hết con người phải cải tạo bản thân”, và khẳng định: “Chúng ta phải nhớ câu: “Chính tâm tu thân” để “trị quốc, bình thiên hạ” (7). Suốt cuộc đời mình, ngay cả khi đã trở thành Chủ tịch nước; Hồ Chí Minh luôn là tấm gương mẫu mực trong rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, nhân cách để hoàn thiện bản thân; chính điều đó đã có sức lan tỏa, lôi kéo mãnh liệt nhân dân học tập, thực hành theo lời dạy của Người.

LUÔN GẮN BÓ MẬT THIẾT VỚI QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN

Với mục đích: Hành giả trực nhận được bản thể sự vật đạt giác ngộ; Phật giáo Thiền tông đã đề ra luật



“chấp tác”: “Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực”, khẳng định người tu hành phải đề cao lao động, chống luôi biếng. Sau khi du nhập vào Việt Nam, Thiền tông được Vua Trần Nhân Tông kế thừa, hình thành nên Thiền phái Trúc Lâm, đã khẳng định: Người tu hành muốn giác ngộ không thể từ bỏ thế gian này mới giác ngộ được, mà phải sống gắn bó với nhân dân, với đất nước; phải tham gia vào cộng đồng, vào cuộc đấu tranh chống kẻ thù của dân tộc; khi thanh bình thì vẫn trở về với cuộc sống tu hành thoát tục. Kế thừa tư tưởng này, Hồ Chí Minh khẳng định, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng để giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh. Để cách mạng Việt Nam thắng lợi thì phải biết phát huy sức mạnh của quần chúng, của mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân. Dù trong thời chiến hay thời bình, mối quan hệ đó chính là nhân tố tạo nên mọi thắng lợi, là nguồn gốc sức mạnh của Đảng, của cách mạng Việt Nam. Người khẳng định: “xa rời thực tế, xa rời quần chúng nhân dân, xa rời mục tiêu lý tưởng của Đảng” là bệnh quan liêu, nguyên nhân của nhiều căn bệnh khác nhau, nó làm cho Đảng, Nhà nước không nắm chắc được tình hình thực tế, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; dẫn đến những quyết định, chủ trương không sát, thậm chí sai lầm, làm tổn thương mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước và quần chúng. Để phát huy sức mạnh của Đảng, cần phải diệt “quan liêu”, phải đặt lợi ích nhân dân lên trên hết, luôn gần gũi và chịu học hỏi dân... Người khẳng định: “Để mười lần không dân cũng chịu; khó trăm lần dân liệu cũng xong” (8); “Dân chúng công nông là gốc cách mệnh”. Trong kháng chiến, nhân dân là lực lượng che chở cho Đảng; Đảng muốn tồn tại thì phải ở trong lòng dân, dựa vào dân để đánh giặc. Trong thời kỳ cầm quyền, quan hệ giữa Đảng với nhân dân càng phải được chú trọng; bởi vì nhân dân chính là chủ thể tiến hành sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



Người nhắc nhở: “Nói cái gì phải cho tin, nói và làm cho nhất trí, làm thế nào cho dân tin”; muốn thực hiện được điều đó thì mỗi cán bộ phải tự giác tiên phong đi trước, làm trước.

Trong giáo lý Phật, tự giác là đức hạnh nền tảng của người tu hành; phải tự giác nghiên cứu kinh pháp để áp dụng vào đời sống, thực hành “từ bi, hỷ xả” nhằm mang lại hạnh phúc cho con người. “Nói đi đôi với làm” là một nguyên tắc cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh, và thực tế Người cũng luôn là tấm gương sống gần gũi, gần gũi mật thiết với nhân dân. Người nhắc nhở: “Nói cái gì phải cho tin, nói và làm cho nhất trí, làm thế nào cho dân tin”; muốn thực hiện được điều đó thì mỗi cán bộ phải tự giác tiên phong đi trước, làm trước.

TU TƯỞNG VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN

Nhằm giúp người tu hành chung sống hòa hợp trong chính pháp cao thượng, Đức Phật đã xây dựng phép “lục hòa” (sáu pháp hòa hợp): Thân hòa đồng trụ (Cùng hòa đồng khi ở chung), Khẩu hòa vô tránh (Miệng nói cùng hòa hợp nhau, không gây gổ, không nói lời dữ, lời nặng nề, không tranh hơn thua với nhau), Ý hòa đồng duyệt (Ý của những thành viên trong cộng đồng hòa hợp, vui vẻ với nhau), Kiến hòa đồng giải (Những thấy biết của mình đem giải thích huynh đệ cùng hiểu, thông cảm với nhau), Giới hòa đồng tu (Cùng giữ giới hạnh với nhau để cùng an vui tu tập); Lợi hòa đồng quân (Có được lợi thì cùng chia đồng đều nhau). Đây là cơ sở để xây dựng một tập thể gần bó, đoàn kết nhau, nhỏ thì từng gia đình, lớn thì từng cộng đồng, quốc gia... nhằm kiến tạo một môi trường chung, giúp nhau phát triển và giải quyết vướng mắc trên tinh thần hòa hợp, chia sẻ. Thực hiện triệt để “lục hòa” thì trong gia đình được yên vui, thịnh đạt; quốc gia được hùng cường, thịnh trị; thế giới được hòa bình, an lạc. Kế thừa phép “lục hòa”, Hồ Chí Minh khẳng định, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, là điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của cách mạng. “Dân” là chỉ mọi người con đất Việt, đều là con Rồng cháu Tiên, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, già hay trẻ: “Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự tổ quốc và phụng sự nhân dân thì ta đoàn kết với họ”. Người khuyên: “Dân ta xin nhớ chữ đồng: Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh” và khẳng định: “Đại đoàn kết dân tộc không chỉ là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng mà còn là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc”. Theo Người, muốn đoàn kết thì phải biết “Cầu đồng tồn dị”: Lấy cái chung để hạn chế cái

riêng, cái khác biệt; kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc; phải khoan dung, độ lượng với con người; phải chống khuynh hướng: “Cô độc, hẹp hòi; đoàn kết vô nguyên tắc”. Người nhấn mạnh, lợi ích tối cao của dân tộc là độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; là tự do, dân chủ, bình đẳng; đó chính là ngọn cờ đoàn kết, là nguyên tắc bất di bất dịch của cách mạng Việt Nam. Chính nguyên tắc đó đã thu hút, tập hợp các tầng lớp nhân dân thành một khối dưới sự lãnh đạo của Đảng, tạo nên sức mạnh vĩ đại chiến thắng 2 đế quốc Pháp, Mỹ. Theo Hồ Chí Minh, đồng bào lương hay giáo đều là người Việt Nam, cách mạng là sự nghiệp chung không phải chỉ của một, hai người. Người kêu gọi: “Lương giáo đoàn kết, toàn dân đoàn kết, cả nước một lòng, nhân dân ta nhất định sẽ thắng lợi trong công cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình, thống nhất Tổ quốc và xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh”.

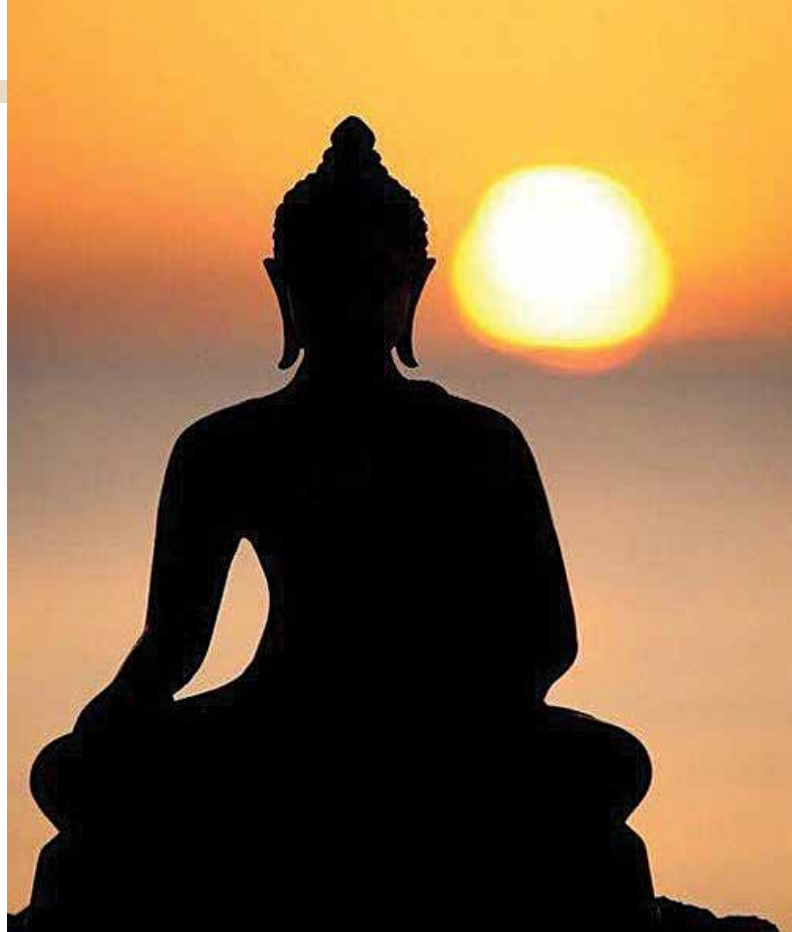
Hồ Chí Minh là hiện thân sinh động của lòng yêu nước, yêu nhân loại, là một chiến sỹ suốt đời đấu tranh cho tự do, bình đẳng, bác ái. Ở Người, luôn tỏa sáng những tư tưởng cao đẹp, kết tinh những giá trị tinh túy nhất của văn hóa truyền thống dân tộc và của nhân loại, trong đó có các giá trị tư tưởng của Phật giáo. Hoà thượng Kim Cương Tử đã khẳng định: “Hồ Chí Minh, tinh hoa dân tộc, Người là kết tinh mọi truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam, trong đó có truyền thống Phật giáo” (9).

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ths.Hoàng Ngọc Vĩnh, Hồ Chí Minh với Đạo Phật, (http://www.husc.edu.vn/khoallct/articles.php?article_id=807)
2. Thích Đức Nghiệp. Hồ Chủ tịch, một biểu trưng nhân bản Việt Nam, trong Đạo Phật Việt Nam. NXB TP.HCM, 1995, tr.318
3. Chủ tịch Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t4, tr161-162
4. Tiếng Dân, Bài học lòng dân, CaMau Online ngày 06/8/2013
5. Báo Cứu quốc số ra ngày 23/10/1946
6. Lê Cường, Minh triết Hồ Chí Minh với Phật giáo, Tạp chí quê hương Online ngày 13/02/2010
7. Hồ Chí Minh - Ngày này năm ấy, SaiGon Online ngày 26/9/2009
8. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 12, NXBCTQG, H.2002, tr.212
9. Hoà thượng Kim Cương Tử, Diễn văn khai mạc Hội thảo: “Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo”, năm 1990

Đối với người đời, không có phước đức nào lớn cho bằng vợ đẹp, con khôn, của cải đầy kho, quyền thế, danh vọng, ăn ngon mặc đẹp...

Đào Văn Bình



KHÔNG CÓ PHƯỚC ĐỨC NÀO LỚN BẰNG SỰ THÔNG THÁI CỦA TRÍ TUỆ

Thế nhưng bạn ơi,

- Biết bao nhiêu ông thủ tướng, tổng bộ trưởng bị tù đầy vì tham nhũng, gian trá, lạm quyền...thậm chí buồn lậu, dâm ô. Biết bao nhiêu ông tổng thống bị ám sát, lật đổ cũng chỉ vì tranh giành quyền lực.

- Ông bố đốt tờ giấy bạc mà người nghèo có thể mua bao gạo để tìm một món đồ cho cô đào cải lương đánh rơi trong phòng trà... vài chục năm sau ông con lại sống như kẻ ăn mày.

- Ông bố cấm cũi làm việc suốt đời tạo dựng gia tài khổng lồ. Ông con trở thành “công tử” ăn chơi phung phí, bao gái, đua đòi, ném tiền qua cửa sổ...chẳng mấy chốc phá nát sự nghiệp của cha ông.

- Bố mẹ quyền cao chức trọng, ông con không chịu học hành mở mang kiến thức, vòi tiền bao gái, tụ họp băng đảng, lái xe đua lượn trên đường phố, nghiện ngập xì ke ma túy cuối cùng “con đại cái mang” bố mẹ mất chức, tiếng xấu để đời.

- Ông chồng quyền cao chức trọng, bà vợ tưởng mình là “vua” lợi dụng quyền thế, đồ đầu sòng bài, buồn lậu, mua quan bán chức...dân chúng oán than, báo chí phanh phui, cuối cùng thì ông chết, dân chết

chứ bà không chết... Tên tuổi những “ác phụ” này còn lưu truyền cho tới bây giờ.

- Bà làm thủ tướng đóng vai thanh sạch, ông ở nhà tuồng không làm gì cả nhưng thực sự lại là “thủ tướng trong bóng tối” sắp xếp mọi chuyện... cuối cùng bà bị dân chúng tố cáo phải lưu vong. Hãy cứ qua xứ Pakistan hỏi xem bà là ai?

- Bố mẹ làm ăn chất chiu cả đời để lại gia tài cho con nhưng di chúc không rõ ràng hoặc không di chúc, anh chị em không nhường nhịn nhau, đua nhau ra tòa, có khi giết nhau... máu mủ chia lìa. Anh em giết nhau để tranh đoạt ngôi vua, tranh đoạt gia tài là chuyện thường tình của thế gian.

- Ông nghèo thì gia đình êm ấm. Khi ông giàu có lên thì gái đẹp, ca sĩ, đào cải lương, người mẫu nó bu vào cuối cùng ông “đá văng” người vợ già thời “tắm mần” ra ngoài đường... gia đình tan nát.

- Bà nghèo thời còn chân lấm tay bùn thì khép nép bên chồng. Khi bà giàu lên theo thói “trưởng giả học làm sang” sửa sang sắc đẹp, trưng diện, hát Karaoke... nhìn lại ông chồng cũ thấy sao quê mùa quá. Thế là bà rước trai to về nhà, có khi âm mưu giết chồng để chiếm đoạt tài sản và vui vầy duyên mới. Phải



chẳng có khi nghèo mà hạnh phúc, giàu là thảm họa?

- Bà hết lòng lo cho ông ra tranh cử tổng thống để hy vọng làm đệ nhất phu nhân. Có ngờ đâu tiền vận động tranh cử ông chuyển cho “cô bồ” chuyên chụp ảnh cho ông rồi có con với bà này. Ông dấu diếm mãi cuối cùng báo chí phanh phui, bà vợ hận quá nạp đơn ly dị, cuối cùng chết vì ung thư vú. Ông bị dân chúng nguyên rủa. Hãy cứ qua Mỹ hỏi xem ông ứng cử viên tổng thống đẹp trai này là ai. Câu hỏi đặt ra là... nếu ông không ra ứng cử tổng thống và chấp nhận vị thế thượng nghị sĩ thì có lẽ ông bà sẽ sống với nhau rất đẹp cho đến ngày bà qua đời. Ôi cái “mịch phong hầu” tìm công danh sự nghiệp nó tàn hại người ta!

- Ông dùng tiền mua rồi chất chiu, nâng niu từng món đồ cổ rồi hãnh diện trưng bày cho mọi người xem. Có ngờ đâu khi ông chết đi, ông con không chuộng đồ cổ, bán hết để mua đấu giá quần áo, đồ lót, các món lặt vặt của các nữ tài tử Hollywood nổi tiếng đã chết hay các bức thư tình của các bà hoàng, vợ tổng thống năm xưa... giá cả trăm ngàn có khi cả triệu đô-la. Nếu ông sống lại chắc ông sẽ “buồn năm phút” và chửi rủa ông con bất hiếu!

Bạn ơi, trí tuệ là của cải khổng lồ vô tận, còn của cải vật chất như gió thoảng mây bay:

- Bằng trí tuệ con người có thể “đăng vân” bằng máy bay, lặn dưới nước như cá bằng tàu ngầm, đi trong lòng đất bằng đường hầm, chạy phoong phoong trên mặt đất còn hơn cả ngựa bằng xe hơi, xe hỏa và khám phá vũ trụ bằng phi thuyền, hỏa tiễn.

- Bằng trí tuệ con người có thể tìm kiếm thêm những tài nguyên trong lòng đất, dưới lòng biển như dầu hỏa, khí đốt, than đá, quặng mỏ, đất hiếm... Và trong tương lai có thể tìm kiếm thêm nguyên liệu trên hỏa tinh, mặt trăng để bù đắp cho khối lượng tài nguyên trên mặt đất ngày ngày càng khô cạn.

- Bằng trí tuệ con người đã khám phá ra biết bao “thần dược” để cứu nhân độ thế, chữa bệnh nan y, lấp ghép cơ thể, chữa bệnh hiếm muộn, kéo dài tuổi thọ v.v...

- Bằng trí tuệ con người có thể khám phá sự hình thành vũ trụ qua học thuyết “Big Bang” chứ không phải do một ông thần nào hóa phép.

- Bằng trí tuệ con người sẽ thoát khỏi ám ảnh của “thần quyền” đã thống ngự con người mấy ngàn năm nay. Giáo chủ của một tôn giáo có thể đem lại niềm tin nhưng không thể cứu lành bệnh tật. Nếu có thể cứu lành bệnh tật thì có lẽ chúng ta chẳng cần đến đại học y khoa, bác sĩ, thuốc men, bệnh viện mà chỉ cần dựng tượng vừa rẻ tiền, vừa đỡ tốn ngân sách quốc gia vừa đỡ tranh cãi um sùm trong quốc hội.

- Bằng trí tuệ con người sẽ thấy chỉ có sự hòa hợp, cảm thông và tình thương mới giải quyết được những vấn đề của nhân loại chứ không phải bạo lực, o ép, khống chế, cấm vận, đe dọa.

- Một đất nước mà có nhiều trí thức, khoa học gia sẽ khỏi là tài sản vô giá và từ từ sẽ thống trị thế giới.

- Trí tuệ là biển cả mênh mông ai cũng có thể vào. Không ai có quyền ngăn cấm ai, hoàn toàn miễn phí (free).

- Biển trí tuệ là Biển Tự Do và cao cả nhất và giải thoát nhất. Sự cùm kẹp hay u tối của trí tuệ là nỗi bất hạnh nhất của con người.

- Không có gì tốt lành cho bằng các thiện trí thức ngồi chung với nhau.

- Do đó không có gì nguy khốn cho bằng sự tập hợp của ngu dốt và hung ác. Khi đó đất nước sẽ tan nát, hận thù chia rẽ, chiến tranh, tài nguyên thiên nhiên bị phá hủy, bán rẻ bởi các lãnh chúa “war lord”. Sinh mạng người dân sẽ như con giun, cái kiến. Và đất nước sẽ biến thành địa ngục.

Bạn ơi,

Theo đạo Phật, của cải vật chất là “hữu lậu” tức sinh phiền não. Còn trí tuệ là của cải “vô lậu” không phát sinh phiền não.

Các thiện trí thức, khoa học gia của thế giới đang cống hiến trí tuệ cả đời mình cho nhân loại đều có cuộc sống khiêm tốn. Trong khi các đào hát, điện ảnh, ca sĩ, người mẫu trong kỹ nghệ giải trí (entertainment) mua vui “khóc cười” trong giây lát cho nhân thế hầu hết đều sống ồn ào, dâm ô, trụy lạc.

Chu Phật chư vị Bồ Tát sống trong biển trí tuệ còn chúng sinh ngập lặn trong biển ái dục.

Chu Phật chư vị Bồ Tát tạo dựng sự nghiệp bằng Trí Tuệ. Chúng sinh tạo dựng sự nghiệp bằng của cải vật chất hiện giờ đang được đo bằng đô-la, xe cộ, iPhone, iPad...

Thế nhưng cũng xin bạn nhớ cho, Trí Tuệ phải đi đôi với Từ Bi. Trí tuệ mà không được đạo đức soi đường cũng là thảm họa, trước hết cho chính tâm hồn mình, sau đó là cho nhân loại.

Bạn ơi xin bạn nhớ cho:

Không có thứ phúc đức nào lớn cho bằng sự thông thái của trí tuệ. Có trí tuệ là có tất cả.

“

Và trong tương lai có thể tìm kiếm thêm nguyên liệu trên hỏa tinh, mặt trăng để bù đắp cho khối lượng tài nguyên trên mặt đất ngày ngày càng khô cạn.

”

Trong diễn đàn này nhiều quý bạn hữu đã nói về niệm Phật A-Di-Đà bốn chữ hay sáu chữ. Theo tôi thì chúng ta đã học Mười hạnh Phổ-Hiền thì bình đẳng kính chung không từ một ai, nhưng tin vào lời người ta nói thì phải có sự quán xét đúng hay sai.

Cư sĩ Quảng Tịnh



NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Niệm Phật bốn chữ hay sáu chữ?

Đặc biệt với Phật pháp và giáo lý nhà Phật thì đòi hỏi phải thật nghiêm túc nếu không sai một ly đi vạn dặm, có khi mất hết cả công sức bao nhiêu năm tu hành bỏ ra mà không thành tựu, thậm chí còn sa hố là phỉ báng chính pháp, phát đi những điều không đúng về giáo lý của Phật.

Phật dạy chúng ta không tranh cãi với hàng Thanh - Văn, và với lòng kính chung tôi không có một vấn đề ý ganh đua tranh cãi mà chỉ muốn đem đến giá trị đích thực những lời chỉ dạy của Phật và các chư đại Bồ-Tát về pháp môn tu hành niệm Phật mà thôi.

Theo tôi, khi chúng ta nghiên cứu kỹ lưỡng Kinh Niệm Phật Ba-La-Mật và Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ hay các Kinh điển xưa nay về pháp môn Tịnh Độ Phật và chư Đại Bồ Tát đều khuyên chúng ta niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà là sáu chữ hồng danh Nam mô A-Di-Đà Phật, không hề thấy có một lời nào, câu nào

nói là niệm bốn chữ như có vài người đã nói ra và bào chữa về việc này.

Hơn nữa, đứng về lý thì tôi thấy như sau:

A-Di-Đà Phật, bốn chữ này chỉ là nói về tên của Phật mà thôi.

Còn danh hiệu Ngài bao giờ cũng gắn với bản nguyện của Ngài là mong muốn tiếp dẫn chúng sinh về Tây phương Cực Lạc. Nếu như họ một lòng trì nguyện danh hiệu của Ngài, một lòng tha thiết nguyện được vãng sinh về đó, sám hối, làm các công đức lành như lời nguyện thứ 18, 19, 20 trong bốn mươi tám lời nguyện của Phật A-Di-Đà. Chúng ta hãy đi nghiên cứu lại thật kỹ mấy lời nguyện quan trọng này của Ngài:

Điều nguyện thứ mười tám: Nếu con được thành Phật mà chúng sinh trong mười phương dốc lòng tin tưởng, muốn sinh về cõi nước con chỉ trong mười



niệm, nếu không được toại nguyện thì con chẳng trụ ở ngôi Chính giác, trừ kẻ phạm năm tội nghịch và gièm chê chính pháp.

Điều nguyện thứ mười chín: Nếu con được thành Phật mà chúng sinh mười phương phát tâm Bồ đề, tu các công đức, dốc lòng phát nguyện, muốn sinh về cõi nước con, tới khi thọ chung mà con chẳng cùng đại chúng hiện ra chung quanh trước mặt người ấy thì con chẳng trụ ở ngôi Chính giác.

Điều nguyện thứ hai mươi: Nếu con được thành Phật mà chúng sinh trong mười phương nghe danh hiệu của con, để lòng nhớ nghĩ đến nước con, tu trồng các công đức, dốc lòng hồi hướng, cầu sinh về cõi nước con mà không được vừa lòng thì con chẳng trụ ở ngôi Chính Giác.

Vì thế, danh hiệu của Ngài gắn với hai chữ Nam mô tức là Quy-mạng, là trao thân mạng hay ngắn gọn là hai chữ Nam mô gắn với tên Ngài.

Đừng vội tin lời tôi hay bất kỳ ai nói mà tôi mong rằng bạn hãy nghiên cứu sâu Kinh Niệm Phật Ba-La-Mật và các Kinh điển khác của Phật để mà đối chiếu quán xét thực hư, chân, ngụy.

Nếu bạn nghiên cứu thật kỹ thì bạn sẽ thấy rõ Phật Thích-Ca Mâu-Ni và Đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, Đại-Hạnh Phổ-Hiền Bồ-Tát đều không tách rời hai chữ Nam mô với bốn chữ A-Di-Đà Phật mà luôn nói trọn vẹn là Trì danh niệm Nam mô A-Di-Đà Phật và Danh hiệu của Phật A-Di-Đà liên tục được nói đi nói lại đều là Nam mô A-Di-Đà Phật, còn A-Di-Đà Phật chỉ là tên Ngài mà thôi.

Ở Phẩm thứ ba, Niệm Phật Công Đức trong Kinh này ngài Đại-Hạnh-Phổ-Hiền Bồ-Tát đã giải thích rất rõ về giá trị không thể thiếu của người niệm Phật về hai chữ Nam mô gắn chặt với tên của Ngài là: A-Di-Đà Phật và khuyên chúng ta phải niệm danh hiệu Ngài là sáu chữ Hồng danh Nam mô A-Di-Đà Phật trong khi thực hành pháp môn niệm Phật.

Trong các phần Nghi thức tụng niệm xưa nay của các vị Bồ-Tát, các vị Sư tổ đều có câu:

*Phật A-Di-Đà Thân sắc vàng
Tướng tốt chói sáng không gì bằng
Lông mày trắng như năm Tu-Di
Mắt xanh trong giống bốn biển lớn
Quy mạng lễ A-Di-Đà Phật
Ở phương Tây thế-giới an lành.
Con nay xin phát nguyện vãng sinh
Cúi xin đức từ-bi cứu độ.*

Tôi đã phải in đậm câu Quy mạng lễ A-Di-Đà Phật là vì có người khi thực hành bốn chữ niệm tên Ngài lại biện hộ cho rằng thêm hai chữ Nam mô là khách sáo và khó niệm, khó nhớ. Trên cơ sở của câu niệm này thì ta thấy các vị Bồ-Tát, các vị Sư tổ đã nói rõ hơn hai chữ Nam mô tức là Quy-mạng. Vậy sao có thể bỏ đi hai chữ Nam mô vô cùng quan trọng này để chỉ niệm bốn chữ tên của Ngài?

Chẳng nhẽ người ta trí tuệ hạn đặng đến mức không nhớ nổi hai chữ Nam mô? Và hai chữ này có

giá trị vô cùng quan trọng đến mức đem thân mạng, tinh thần, ý chí của người niệm Phật về với cha lành A-Di-Đà Phật lại là khách sáo sao?

Niệm bốn chữ là tùy nơi bạn nhưng giải thích như vậy là không đúng với danh hiệu của Phật A-Di-Đà nên tôi thấy cần thiết để nói ra. Tu hành mà lại sợ vất vả, lại hạ tiện đến nỗi không giám quy mạng Phật thì khác nào như người nông dân muốn trồng lúa có thu hoạch lại vãi thóc giống vào không trung hay trên cát mà đòi có thóc vàng sau này thu hoạch?

Thiết tưởng đến đây không phải tranh luận làm gì thêm nhiều nữa vì trong suốt Kinh này cả đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni và đức Quán-Thế-Âm, Đại-Thế-Chí, Đại-Hạnh Phổ-Hiền Bồ-Tát đều nhắc đi nhắc lại sáu chữ Hồng Danh: Nam mô A-Di-Đà Phật.

Niệm bốn chữ A-Di-Đà Phật là chỉ gọi tên Ngài mà thôi, Vậy gọi nhiều chỉ làm cho Ngài sốt ruột mà thôi.

Phật hỏi gọi tên Ta hoài để làm gì vậy? Sốt ruột quá! Hãy quy mạng với Ta đi nếu muốn Ta tiếp-dẫn về Cực-Lạc!

Qua đây chúng ta thấy, nếu chỉ niệm bốn chữ thì không thể thành tựu, chẳng thể thâm nhập vào y-báo và chánh-báo của Phật A-Di-Đà, không thể giúp hành giả có trí-tuệ, không thể giúp họ vào định, thực hành giới luật, xả bỏ những dục vọng thế-gian và có trí nơi gương Phật v.v... Vì thế, không thể có cảm ứng đạo giao để Phật A-Di-Đà tiếp-dẫn về thế giới của Ngài.

Theo tôi, ai nói ta cũng kính, nhưng Ta “y-Kinh, không y - nhân” và khẳng định không ai bằng Phật vì Ngài ba nghiệp tuyệt đối Thanh tịnh. Vì thế tốt hơn hết hãy lấy Kinh điển để đối chứng. Xin bạn hãy lấy Kinh Niệm Phật Ba-La-Mật để nghiên cứu và đối chiếu quán xét để nhận ra chân.

Nếu trong những lời tâm sự hàn huyên về Phật pháp của tôi trên đây có gì không phải thì tôi xin thành tâm sám hối với tất cả tấm lòng cầu thị không mệt mỏi.

Chúc các bạn niệm Phật thành tựu Tam muội và cầu chúc mọi người chúng ta kẻ trước người sau khi lâm chung đều được vãng sinh Tây phương Cực-Lạc, sinh trên sen báu trong sự thương yêu chăm sóc của Phật A-Di-Đà và các bậc Đại-Sỹ.

Nam mô A-Di-Đà Phật.

Hà Lan, ngày 9 tháng 3 năm 2015.

**Nếu trong những lời tâm sự
hàn huyên về Phật pháp của
tôi trên đây có gì không phải
thì tôi xin thành tâm sám hối
với tất cả tấm lòng cầu thị
không mệt mỏi.**

CHÙM THƠ THIỀN

Điều Tâm

CỎ XE NHÀ PHẬT (Phật Thừa)

Trí tuệ, sức khoẻ, thời gian,
Ba viên ngọc quý... ngàn vàng khôn mua,
Đời bao vui khổ, được thua,
Đường tới hạnh phúc... Phật thừa đón đưa.

KHAI LÂM

Trí huệ Bồ đề... sẵn trong ta.
Bội lòng mê muội... chẳng nhận ra,
Ôn Thầy giác ngộ... khai tâm sáng,
Rõ bản tính ta... tính Phật Đà.

Bậc trí, người ngu... tính Phật đồng,
Là ngu hay trí... chỉ tại lòng,
Lòng mê - đời gọi... người ngu tới,
Tâm ngộ - xứng danh... Bậc trí thông.

ẢNH TRĂNG (Chân như)

Như nổi, như chìm, giữa biển khơi,
Chẳng trong, chẳng đục, chẳng đây-với,
Không hay, không dở, không sai đúng,
Lúc hợp, lúc tan... vẫn vậy thôi.

Khi tỏ, khi mờ, bạn với mây,
Chẳng đi, chẳng đến, chẳng Đông Tây,
Không mừng, không giận, không ưa ghét,
Như thật, như hư... mãi như vậy...

NGỘ ĐẠO

Phật tâm sẵn có... chẳng phải cầu,
Trí huệ thường sinh... khỏi đợi lâu,
Tự tính - dung thông... muôn vạn pháp,
Đạo chân - chỉ lối... thoát nẻo sâu.

Lý - bất biến, sự - tùy duyên,
Thế - thường thanh tịnh, dụng - quyền vạn năng,
Tĩnh - chân như, tướng - lặn nổi,
Đời - vòng mê khổ, đạo - hằng sáng soi.

ĐẠO CHÂN

Theo duyên... lòng chẳng quên nhân,
Sống đời ... thường nhớ đạo chân nhiệm màu,
Phật tâm - vốn có, khỏi cầu,
Trí huệ - ngọc sáng trong bầu tư bi.

Nơi hữu vi - nhập vô vi,
Thong dong trong từ uy nghi - tâm bình.
Thiền là vọng niệm chẳng sinh,
Định là giác tính bình minh trở về.

Chuyển phiền não thành... bồ đề,
Chứng sinh thành Phật... mọi bề quang minh,
Nơi sinh diệt thấy... ô sinh,
Nơi phàm phu thấy... cảnh tịnh Như Lai.

DIỆU LÂM

Bát nhã hằng soi... tự tâm mình,
Thành thoi, tỉnh thức... nhập tính linh,
Thường nơi giác tính... muôn dụng khởi,
Công đức viên thành... tâm diệu minh.

Hằng biết sáng trong... chính tâm này,
Nguồn linh tỏ rạng ... cũng là đây,
Không sinh không diệt... đồng vũ trụ,
Phủ khắp lục căn... chẳng động lay.

Melbourne, tháng 12 năm 2014
Chánh Tín Hà Vinh Tân



CÂU CHUYỆN:

GIẾT NGƯỜI DẪN ĐƯỜNG TẾ THẦN

LỜI DẪN:

Tất cả học vấn, tri thức, tài nghệ ở thế gian đều phải nhờ thầy chỉ dạy; mỗi người đều có chuyên môn và tri thức của mình. Chúng ta muốn học về một nghiên cứu giảng dạy, hay học nghề nào để mưu sinh cũng phải theo thầy chỉ dạy. Cho nên, đối với thầy - bậc tiên tri, tiên giác, chúng ta phải hết lòng tôn trọng và cung kính, mới có thể đạt được lợi ích, cũng là phù hợp nguyên tắc căn bản làm người. Bằng không, chúng ta tự hủy hoại nhân cách và tương lai của mình.

CHUYỆN KỂ:

Ngày xưa có mấy vị thương buôn thân nhau muốn ra biển tìm châu báu. Thời đó, chưa có la bàn và đài thiên văn dự báo thời tiết như ngày nay, chỉ dựa vào người có kinh nghiệm để dẫn đường - gọi là người dẫn đường đi biển. Vì người dẫn đường mới có thể biết được phương hướng trên biển và thời tiết thay đổi. Nhóm người thương buôn này muốn ra biển thì phải mời một người dẫn đường. Vì thế, họ đi các nơi dò la, thăm hỏi, thật khó khăn lắm họ mới tìm được một người dẫn đường. Họ bèn đem vàng đến biếu trước để mời người này. Mọi người chuẩn bị đầy đủ mọi thứ cần dùng, chọn ngày tốt cúng bái thần thánh rồi khởi hành ra biển.

Trải qua mấy ngày, thuyền chạy trên biển, sóng lặng gió êm rất thuận lợi. Bỗng một hôm, trên biển nổi sóng gió, tiếp đến sấm chớp mưa to gió lớn nổi lên, liên tục suốt mấy ngày, đoàn người sống trong sợ hãi. Trước tình thế cấp bách, chợt có người nhớ lại nói: “Chúng ra đi biển phải cúng tế thần biển thì mới được sóng lặng, gió êm”. Nhưng tế thần thì phải có sinh m ặ n g

động vật làm vật cúng tế, vì mọi người trong đoàn đều là người thân, chỉ có người dẫn đường là người ngoài. Kết q u ả ,

người bàn luận chỉ có hy sinh người dẫn đường, giết anh ta làm vật tế lễ. Đoàn người chỉ thành cầu nguyện thần biển, cầu xin thần gia hộ, biển lặng, tìm được châu báu yên ổn trở về nhà.

Đúng ngày hôm sau, thời tiết thay đổi tốt. Nhưng biển cả mênh mông, họ không biết đi về hướng nào mới tìm được châu báu; ngay cả hướng trở về nhà họ cũng không cách gì nhận định được. Do đó, họ cứ lênh đênh trôi dạt trên biển cả. Dần dần, lương thực thực phẩm mang theo đã cạn kiệt, mọi người vừa đói vừa khát. Cuối cùng, cả đoàn người đều chết hết trên biển cả.

BÀI HỌC ĐẠO LÝ:

Người đi đường vào ban đêm cần có đèn; ra ngoài lúc trời mưa phải có dù và áo mưa. Con người sống ở thế gian phải có cha mẹ, thầy tổ, thiện tri thức nuôi dưỡng và chỉ dạy; lẽ nào chúng ta vong ân, phụ nghĩa. Tục ngữ có câu: “Học Phật một năm, hai năm Phật ngay trước mắt; học được ba năm, bốn năm Phật đã đi xa”. Người không nghe Phật pháp thì không có trí huệ. Người không tinh tiến tu hành thì không có định lực, không thể đoạn trừ phiền não. Người mới tin Phật cho rằng việc gì cũng có Đức Phật gia hộ; vì thế họ rất cung kính, cúng dường Tam bảo. Nhưng dần dần lâu ngày họ sinh ra luôi biếng, gặp nghịch cảnh thì trách Phật không gia hộ, cho nên khinh thầy, xem thường Phật, hoặc phá giới, lòng tin đạo trước đây cũng không còn.

Có người chỉ cầu Phật gia hộ mà không chịu gần thiện tri thức, không nghe Phật pháp nên lòng tin không kiên cố. Có người không có chánh tri, chánh kiến, chỉ hiếu kỳ cầu cảm ứng. Bởi vì, thời đại mạt pháp, tà sư, ngoại đạo thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng. Cho nên, mọi người bị ngoại đạo dụ dỗ, mê hoặc đi vào đường tà; khác nào như người đi biển mà chẳng có người dẫn.

Thế gian có rất nhiều người muốn học Phật, muốn vào biển cả Phật pháp tìm châu báu. Khi họ mới đến đạo Phật rất nỗ lực tu tập, nghiên cứu Phật pháp, lại nghiêm trì giới luật. Trải qua thời gian sau, họ sinh ra luôi biếng, lại còn làm ác, phá giới mà chẳng lo sợ. Điều này khác gì giết người dẫn đường đi biển? Người học Phật, lấy giới làm thầy, phá giới là mất đi căn bản học Phật mà muốn thoát khỏi biển khổ sinh tử là điều vô lý.

CÂU CHUYỆN:

MUỐN NHANH VIỆC KHÔNG THÀNH

LỜI DẪN:

Pháp sư Huyền Trang ở đời Đường đi Ấn Độ thỉnh kinh phải mất thời gian hai, ba năm mới đến. Ngày nay chúng ta ngồi máy bay khoảng sáu tiếng thì đến. Ngày xưa làm việc gì cũng phải dựa vào sức người. Ngày nay, mọi việc đều dựa vào máy móc hiện đại, khoa học tiến bộ, quả thật mang đến cho nhân loại hạnh phúc rất nhiều. Con người sinh ra có thể bằng thụ tinh nhân tạo, cũng có thể hạn chế được kế hoạch sinh đẻ. Y dược có thể chữa trị được nhiều bệnh nan y, bác sĩ dùng phương pháp phẫu thuật thay tim, ghép thận; hoặc chữa bệnh bằng các loại máy móc tối tân hiện đại, kéo dài được mạng sống con người. Nhưng không thể làm cho con người vừa sinh ra lớn ngay lập tức.

CHUYỆN KỂ:

Xưa kia ở Ấn Độ có một vị vua, vì lớn tuổi mới sinh được một cô công chúa nên nhà vua muốn cô lớn nhanh lập tức. Nhà vua liền triệu tập tất cả các đại thần văn, võ vào triều để thảo luận, và nghe trình bày ý kiến của mỗi người. Nhà vua thấy không có phương pháp nào làm cho công chúa lớn nhanh được. Vị quan võ thưa:

-Tâu bệ hạ! Nếu quốc gia bị giặc xâm chiếm thì chúng thần có thể hi sinh thân mình để đánh dẹp quân địch; cho dù địch có thiên binh vạn mã, chúng thần cũng không chùn bước, nhưng việc bệ hạ muốn làm cho công chúa lớn ngay thì chúng thần đành bất lực, xin bệ hạ thứ tội.

Vị quan văn thưa:

-Tâu bệ hạ! Bất kỳ việc lớn nhỏ của quốc gia, chúng thần đều có thể vận dụng trí tuệ, mưu lược xử lý, giải quyết mọi vấn đề; còn về việc làm cho công chúa lớn nhanh, chúng thần xin ngài lượng thứ vì chúng thần không am hiểu việc này.

Vị thần khác thưa:

-Tâu bệ hạ! Ngài muốn làm công chúa lớn nhanh chóng, đấy là vấn đề sinh lý y học can thiệp. Vì sao bệ hạ không mời một vị thầy thuốc tài giỏi đến luận bàn thử.

Do đó, nhà vua liền cử người đi mời tất cả các thầy thuốc nổi tiếng trong nước đến. Vua hỏi:

-Các khanh giỏi về y dược, không biết có loại thuốc nào làm cho công chúa lớn ngay lập tức không?

Các thầy thuốc nghe nhà vua nói muốn làm cho công chúa lớn ngay, nên vô cùng kinh hãi, suy nghĩ: "Vua muốn làm cho cô bé lớn ngay, khắp thiên hạ làm gì có việc này. Nhưng nếu chúng ta không nghĩ ra

biện pháp thì nhà vua nổi giận, bay đầu như chơi. Lại còn nguy đến cả nhà nữa. Phải làm thế nào đây?". Trong lúc nguy cấp có một thầy chột nghĩ ra diệu kế vội thưa:

-Tâu bệ hạ! Nếu ngài muốn công chúa lớn ngay quả thực có linh dược này, nhưng rất khó tìm, có thể nói ngàn năm mới gặp được thuốc hay; nó lại mọc trong núi thẳm hang cùng, nơi không có người đi đến, cũng phải đợi đến kỳ nó chín mới có thể hái được; cho nên cần phải có thời gian rất lâu để đi tìm. Thần không biết bệ hạ có kiên nhẫn đợi được không?

Nhà vua bảo:

-Chỉ cần khanh làm cho công chúa lớn ngay lập tức, bất luận thời gian bao lâu trăm cũng đợi được; nhưng phải có kỳ hạn là chờ bao lâu?

-Tâu bệ hạ! Lâu nhất là 15 năm, sớm nhất là 10 năm; nhưng trước khi thần chưa tìm được linh dược, tạm thời bệ hạ cho thần bế công chúa đi. Bởi vì, khi tìm được linh dược phải bào chế ngay và uống liền tại chỗ mới có hiệu quả, nếu để lâu thuốc không có linh nghiệm. Cho nên thần muốn bế công chúa đi cùng.

-Rất tốt! Cách này hay lắm!

Từ ngày công chúa bị thầy thuốc ẵm đi, không còn ở trong cung, dần dần nhà vua cũng quên lãng việc này, thậm chí đã 12 năm trôi qua. Một hôm, thầy thuốc này đem công chúa trở vào cung, nhà vua nghe tin vui mừng khôn xiết, lập tức cho họ vào. Vua thấy công chúa đã trở thành thiếu nữ xinh đẹp tuyệt trần, nên hớn hở vui mừng ban cho thầy thuốc rất nhiều vàng bạc, châu báu.

BÀI HỌC ĐẠO LÝ:

Chúng ta học Phật, trước tiên phải quy y Tam Bảo, gần gũi thiện tri thức, tu lục độ vạn hạnh, tích lũy công đức và tâm tính, bồi dưỡng dần dần mới được thành tựu. Có người dám ngụy xưng trời ban chân đạo. Họ có bí quyết gì làm cho mau đắc đạo, thật giống như nhà vua trong câu chuyện, đứa bé vừa sinh mà muốn lớn ngay lập tức, giống như trẻ con làm trò cười.

Đức Phật là bậc chánh tri - chánh giác vô thượng đầy đủ từ bi, trí huệ, phúc đức và thần thông vô lượng. Ngài tu hành tích lũy nhiều đời nhiều kiếp. Trong đạo Phật tuy có pháp môn đốn ngộ, nhưng cũng phải dựa vào một nửa nỗ lực tu hành, một nửa căn lành, trí huệ sắc nhạy bén đời trước mới có khả năng đốn ngộ. Sau khi đốn ngộ, cũng phải tiệm tu, tích lũy công đức mới có thể thành Phật. Thế gian này không có chuyện một bước lên trời!



Người Cha Nhân Hậu

Một người kia có hai con trai. Người con thứ nói với cha rằng: “Thưa cha, xin cho con phần tài sản con được hưởng.” Và người cha đã chia của cải cho con trai thứ. Ít ngày sau, người con trai thứ thu góp tất cả rồi hành lý lên đường đến chốn kinh kỳ. Ở đó anh ta sống phóng đãng, phung phí tài sản của mình.

Lê Đan

Khi anh ta đã ăn tiêu hết sạch, lối thoát của bước đường cùng túng thiếu là anh phải đi ở đợ chăn heo cho một người dân trong vùng. Suốt ngày chăn heo ngoài đồng cơm không đủ no, anh ta ao ước lấy đậu muồng heo ăn mà nhét cho đầy bụng nhưng chẳng ai cho. Bấy giờ anh ta hồi tâm tự nhủ: “Biết bao người làm công cho cha ta có được cơm du gạo thừa, mà ta ở đây lại chết đói. Con thật đắc tội với cha, con chẳng còn xứng đáng là con nữa! Con sẽ về nhà cha, xin coi con như là người làm công cho cha vậy”. Thế rồi anh ta đứng lên quay trở về.

Người cha trông thấy con về, chạnh lòng thương nhớ chạy ra ôm cổ con trai yêu quý hôn lấy hôn để. Bấy giờ người con xúc động nghẹn ngào nói rằng: “Cha hãy thứ lỗi cho con!...” Người cha liền sai gia nhân mang áo quần đẹp nhất ra mặc cho anh, xỏ nhẫn vào ngón tay, xỏ dép vào chân anh, và họ bắt đầu mở tiệc ăn mừng cậu chủ đã trở về.

Khi người con cả ở ngoài đồng về biết được chuyện này liền nổi giận không chịu vào nhà, tức tối thưa với cha rằng: “Cha coi, đã bao nhiêu năm trời con hầu hạ cha chẳng khi nào trái lệnh. Thế mà chưa bao giờ cha cho lấy một con dê con để ăn mừng với bạn bè. Còn thằng con trai út “phá gia chi tử” của cha đó, sau khi đã nuốt hết của cải của cha với bọn điếm, nay trở

về thì cha lại thịt bê béo ăn mừng!”

Người cha với nụ cười nhân hậu chậm rãi nói với người con trai cả rằng: “Con à! Lúc nào con cũng ở với cha, tất cả những gì của cha đều là của con. Nhưng chúng ta phải ăn mừng, phải vui vẻ vì em của con đây đã chết mà nay sống lại; đã mất mà nay lại tìm thấy!”

(Theo Kinh Thánh Tân Ước-Thánh Luca-Dụ ngôn Người cha nhân hậu)

BÀI HỌC ĐẠO LÝ

Đi một ngày đàng/ Học một sàng khôn. Thêm một tuổi lớn khôn, bớt mười hôm làm lỗi. Thêm một tuổi vững vàng, học một sàng khôn khéo.

Đức cha hiền đã bỏ ra số tiền bằng nửa gia sản của ông cho người con trai thứ ra kinh thành học khôn, một cái giá quá đắt, suýt nữa ông đã để mất đứa con trai yêu quý. Nhưng không sao! Ông là cha mà! Ông đã từng trải kinh nghiệm thăng trầm giữa cuộc đời; tất nhiên ông biết trước con trai mình sẽ bị cuốn theo bụi hồng phồn hoa đô hội, sẽ bị ngụp lặn bầm dập giữa cõi Thiên Quốc phù vân giả tạm; đến một ngày không còn gì cả, mới thấy sắc không của chốn Bồng Lai ngũ dục chập chờn như gió thoảng mây trôi không bến bờ bĩ ngạn. Khi tâm thức tụt xuống tận cùng đáy sâu vực thẳm mới chợt nhận ra đã đắc tội với cha hiền, chỉ có con đường sống hạnh phúc là quay về nương tựa bên cha.

Về nhà cha! Như là tiếng gọi dõ dạc rất giữa đêm khuya thanh vắng. Bớ đồ! Âm vang xoáy sâu vào kiếp người mong manh đang chìm nổi giữa cuồng lưu nghìn trùng với gọi. Ngôi nhà của cha hay con thuyền bát nhả có khác nhau chi mấy. Hai thứ ấy tuy hai mà một. Giao điểm sự gặp gỡ của các Đấng Siêu Thoát-Đức Chúa Jêsu Christ - Đức Phật. Đó chính là nơi đã về, đã tới để chúng ta an trú tựa nương; ngắm ngửi thở nghe sắc không bờ bến giác.

Lửa thử vàng, gian nan thử sức. Nếu không đi ra ngoài đối mặt với những cạm bẫy giữa cuộc đời, cứ quanh quẩn ở nhà với mẹ thì biết ngày nào khôn. Người con trai thứ như thép đã được tôi trong lò lửa hồng trần, trở nên cứng cáp bản lĩnh hơn, anh ta sẽ dễ dàng chịu đựng để vượt qua những khó khăn thăng trầm ngược xuôi của cuộc sống vốn dĩ mang tính bể dâu này. Dù cho trắng tay sự nghiệp nơi xứ người không còn chỗ nương thân, vẫn còn một chốn nơi ấm



cúng cho ta trở về an trú là ngôi nhà của người cha nhân hậu, cha mẹ nào mà chẳng thương con, sẵn sàng tha thứ và mở tiệc ăn mừng đón con lầm đường lạc lối quay về. Hoặc giả như không còn căn nhà của cha nữa thì vẫn còn một ngôi nhà tình thương của xã hội, xóm làng, thân bằng quyến thuộc không nỡ nào quay lưng với người con lầm lỡ.

Mặc dù là người ngoại đạo nhưng khi đọc câu chuyện trên ở trong Kinh Thánh, chúng ta thật sự cảm phục tấm lòng độ lượng của người cha nhân hậu. Câu chuyện giúp cho chúng ta hiểu được rất nhiều điều về sự kiếm tìm hạnh phúc. Hạnh phúc ở nơi đâu? Những thứ hạnh phúc mà người con trai thứ đi tìm kiếm là những cái bẫy sắc dục cuộc đời giăng sẵn cho những ai còn mê đắm. Còn hạnh phúc thực sự không ở đâu xa, mà ở ngay trong tâm tĩnh thức, giúp ta nhận biết được hạnh phúc có từ điều giản dị. Là mái ấm gia đình. Nơi đó có đôi mắt cha lành nhân hậu lung linh chân tình đức độ và bên cạnh cha có trái tim mẹ hiền yêu thương lặng lẽ nhân ái khoan dung. Hai thứ tài sản quý giá nhất của đời con. Vì miếng cơm manh áo, cha phải đối mặt với gian khổ cuộc đời, gánh nặng hai vai việc nhà việc nước. Dẫu cha không gần gũi con bằng mẹ, nhưng tình cha

“ **Những thứ hạnh phúc mà người con trai thứ đi tìm kiếm là những cái bẫy sắc dục cuộc đời giăng sẵn cho những ai còn mê đắm. Còn hạnh phúc thực sự không ở đâu xa, mà ở ngay trong tâm tĩnh thức, giúp ta nhận biết được hạnh phúc có từ điều giản dị.** ”

không vì thế mà kém phần dẫu yêu ve vuốt; cha nhẹ nhàng uốn nắn đời con; khi mẹ bận, cha ru hời con ngủ giấc ngon, cha dắt con đi những bước đầu đời.
Lâu rồi mình chưa về! Nhớ cha nhiều lắm!
Ngay hôm nay mình về nhà cha!
Nào mình cùng lên xe buýt!
Nào mình cùng về nhà cha nhé!



Thương Điều Khó Thương

Ngày xuân bên chén trà đàm đạo, nắng sớm ấm áp rọi chiếu qua nhành hoa phong lan mang tên “Nghinh xuân” đẹp một cách dịu dàng. Ông bạn kể câu chuyện Thiền trong “Góp nhặt cát đá” về một người sư đệ.

Lê Đan

Người sư đệ ấy là người “học trò cá biệt” của Thiền sư Eitaku, vị thầy đạo cao đức trọng nổi tiếng một thời. Nói là cá biệt vì trong số đệ tử của Ngài, hầu hết đều rất tốt, duy chỉ có vị sư đệ này là có tính ăn cắp vặt của huynh đệ, rất nhiều lần bị huynh đệ bắt quả tang và họ đều tha thứ, nhưng sư đệ vẫn chứng nào tật nấy, các huynh đệ không chịu nổi bèn thưa lên chúng cú quả tang rành mạch và yêu cầu sư phụ phải trục xuất vị sư đệ ấy, nếu không họ sẽ ra đi.

Thiền sư Eitaku biết sự việc rồi sẽ đến nước này, Ngài đã nói một cách từ tốn với các đệ tử yêu quý: “Đệ tử ai cũng phân biệt được phải trái, nhưng riêng y thì không làm được. Nay nếu ta không chỉ bảo y thì ai làm việc này. Ta sẽ để y lại ở đây”. Nghe Sư phụ nói xong, vị sư đệ ấy ngọ ra quỳ xuống trước sư phụ và huynh đệ, giọt nước mắt ăn năn tuôn trào.

Phải tu tập nhiều mới có được đức hạnh khoan dung vị tha như Thiền sư Eitaku, để có thể tha thứ và chuyển hóa khai mở cho một vị đệ tử cá biệt khó thương như vậy.

Người ta thường nói người này dễ thương, kẻ

nọ khó thương. Dễ thương mà thương được là chuyện bình thường, còn khó thương mà thương được thì đó là tấm lòng quảng đại. Trong gia đình, bậc cha mẹ rất sáng suốt luôn dành tình thương cho đứa con út (sinh sau đẻ muộn), đứa con tật nguyền hoặc đứa con không may mắn so với những đứa khác. Gọi là sự bù đắp, người ta quan niệm rằng bao nhiêu điều không may thì đứa con đó nhận lãnh hết để cho đứa con khác an lành, như mía sâu có đốt, riêng đốt đó chịu sâu đục phá cho các đốt khác ngọt ngào!

Đó là nói trong gia đình. Ngoài xã hội còn rất nhiều người “khó thương” mà chưa được người thương. Những người “cá biệt” như vị sư đệ, hoặc những người có số phận kém may mắn, tật nguyền, khủng điên, nghèo khó, tội phạm... dễ thương được họ và quan tâm giúp đỡ họ, quả không phải hầu hết ai cũng thương được.

Để khỏi mang tiếng là con người vị kỷ, hẹp hòi chỉ biết sống cho mình thì nên suy gẫm theo lời dạy của Đức Đạt Lai Lạt Ma hãy rộng mở trái tim:

*“Thương đâu cần chọn lựa nhiều
Mà là thương cả những điều khó thương”*



Hỏi Đáp Phật Học

Hỏi: Chúng con đi chùa và thấy chùa thờ rất nhiều tượng Phật và Bồ tát. Vậy cho con hỏi là lạy Phật, Bồ tát có ý nghĩa như thế nào và lạy như thế nào mới đúng? Có khác biệt gì giữa lạy Phật, Bồ tát với các vị thần linh?

Đáp: Chư Phật và Bồ tát thị hiện ra trong cõi đời này là để cứu độ chúng sanh, đưa chúng sanh từ bên bờ của mê mờ, khổ đau bên này sang đến bờ bên kia của hiểu biết, an vui và giải thoát. Chính vì lòng từ bi rộng lớn và bao la của các ngài nên chúng ta phải tôn thờ, lễ bái và nguyện cầu, trước cầu được chỗ che và gia hộ, sau là học theo đức hạnh từ bi, trí tuệ của các ngài. Trong sự tu tập, lạy Phật chính là tôn kính ân của ngài, lạy Phật cũng chính là tôn kính đức của ngài, bậc thầy của cả cõi trời và cõi người. Việc lễ lạy do đó tích tụ thêm rất nhiều phước báu cho chính mình, vì khi lạy chúng ta cũng dẹp bỏ được rất nhiều những tập tính xấu xa trong tâm thức, nào bản ngã, kiêu căng ngạo mạn, nào cho mình là hay là giỏi hơn tất cả mọi người. Khi tất cả những tánh khí xấu ác (tham, sân si, ngã

mạn, nghi ngờ, ác kiến, biên kiến, tà kiến.v.v...) do công năng tu tập mà dần được loại bỏ bên trong tâm thức của chúng ta, thì chúng ta mới tiêu trừ bớt những nghiệp chướng, tội lỗi trong đời; phước đức, công đức cũng nhờ đó được tăng trưởng đem đến sự an vui, hạnh phúc trong đời sống.

Khi lạy Phật chúng ta phải nhiếp tâm niệm lại, thành kính, tửu tôn và trang nghiêm trong việc lễ lạy. Tránh việc chấp tay xá xá, bái bái làm nhanh rồi ra ngoài. Lễ lạy tôn tượng chư Phật, Bồ tát là một việc làm cao quý và có nhiều ân phước, nhất là khi ấy tâm chúng ta chí thành, cung kính và cầu nguyện. Năng lực cảm ứng trong đạo (giữa tâm mình với tâm chư Phật, Bồ tát) một khi đã được tương ứng, thiết lập, kết nối thì như trong kinh nói là không thể suy nghĩ và bàn luận được. Ví dụ như khi chúng ta có một chiếc Radio, hoặc TV và khi không bắt được đài thì chỉ có làn sóng rè rè trên màn hình. Nhưng khi chúng ta bắt trúng kênh TV, trúng đài Radio thì hàng trăm, hàng ngàn đài với vô số vô biên hình ảnh và âm thanh hiện ra. Tâm Phật, Bồ



tất và tâm chúng sanh khi có tu tập và cầu nguyện chỉ thành cũng vậy, khi kết nối được thì có vô cùng sự linh thiêng, màu nhiệm hiện ra.

Lạy Phật, chu vị Bồ tát với tất cả những ý nghĩa cao quý của việc kính lễ ân đức, trí tuệ và từ bi của các ngài để nguyện noi theo tu học nên do đó được nhiều phước báu, trí tuệ, công đức trong tu tập và đời sống. Còn lạy các thần linh chỉ để cầu tài, cầu lộc, cầu có được đời sống vật chất hưởng thụ nên không có phước báu, trí tuệ và công đức tu hành. Sự sùng bái và cầu nguyện nơi thần linh sẽ làm tăng trưởng tâm tham và tâm si mê bên trong chúng ta, đánh mất hiểu biết trí tuệ và năng lực tu hành, vốn có thể sẽ tạo ra nhiều phước báu và công đức khác trong cuộc đời.

Hỏi: Chúng con thường thấy khi cúng Phật, mọi người thường cúng hoa, cúng trái cây, đốt hương và cầu chu Phật, Bồ tát gia hộ gia đình được bình an, khóa mạnh, tài lộc đều tăng trưởng, thịnh vượng. Vậy việc dâng cúng và cầu nguyện như vậy có ý nghĩa, có được không và đúng chính pháp không?

Đáp: Dâng cúng các phẩm vật, hương hoa, trái cây là biểu lộ lòng thành kính của mình lên chư Phật và Bồ tát. Sự dâng cúng này chính là biểu lộ lòng thành kính và tri ân lên Tam bảo, vì nhờ có Tam bảo chúng ta mới có được lòng tin, sự hiểu biết về chân lý trong cuộc đời. Nhờ có Tam bảo chúng ta mới biết tu học, làm lành lánh dữ, tu nhân tích đức để được an vui và hạnh phúc lâu dài. Tâm chúng ta phải chí thành, sáng suốt và tri ân như vậy khi dâng cúng lên bàn thờ. Một khi khởi tâm như vậy thì việc dâng cúng dù ít dù nhiều, nhưng phải đẹp, trang nghiêm và thanh tịnh.

Khi tâm của chúng ta hướng về chư Phật, Bồ tát, Hiền thánh tăng, và tổ tiên thì một niệm khởi lên đã lan tỏa đến khắp mười phương pháp giới. Nói đến dâng hương và ý nghĩa của việc thắp hương thì trong đạo Phật mang ý nghĩa rất sâu xa. Hương này là biểu thị cho sự trang nghiêm, thanh tịnh và lòng chí thành. Hương này cũng là hương của giới, hương của định và hương của trí tuệ. Đây là 3 yếu tố quý báu để trang nghiêm cho sự tu hành của một con người, cũng là để thành tựu sự tu tập giải thoát, giác ngộ. Vì thế khi ta tự mình dâng nén hương lên bàn thờ Phật, đồng nghĩa ta đang tự biểu lộ lòng tri ân, thành kính, nguyện nương vào hương thơm giới, định, tuệ của chư Phật và Bồ tát mà được gia hộ cho mình cũng có được đầy đủ những đức tính đó, để mai này chúng ta tu học, làm các việc phước thiện và lợi lạc cho mọi người, mọi loài.

Sự dâng hương, cúng dường phẩm vật lên chư Phật, Bồ tát như vậy gọi là sự dâng cúng chơn chánh, có trí tuệ và được nhiều phước báu.

Hỏi: Bạch thầy! Trước khi tu tập, thông thường chúng con thấy Phật tử thỉnh tượng Phật về nhà, làm lễ khai quang điểm nhãn và an vị Phật. Như vậy việc khai quang điểm nhãn có ý nghĩa gì? Có cần

thiết hay không? Có phải khi khai quang xong thì tượng Phật, Bồ tát liền linh thiêng?

Đáp: Khai quang điểm nhãn và an vị Phật là những nghi thức có trong Kinh Luật được đức Phật giảng dạy. Tuy nhiên nếu được giảng giải, khai thị có chiều sâu cho Phật tử hiểu biết thì việc khai quang điểm nhãn và an vị Phật có lợi ích vô cùng cho Phật tử; đó là mở bày cho Phật tử thấy, những tính chất cao quý nơi các tôn tượng Phật và Bồ tát như: “Trí tuệ, từ bi, vị tha, thanh tịnh, sáng suốt, bình đẳng, năng lực, phương tiện.v.v...” của chư Phật, Bồ tát đều có ở trong ta và ta nếu biết và cố gắng dụng công tu tập, những đức tính này sẽ hiển lộ ra ở nơi ta. Đây là trọng điểm mà Phật tử cần phải biết và gắng sức học hỏi. Được vậy thì phước báu, công đức, trí tuệ và lợi lạc sẽ đến với ta.

Còn nếu Phật tử tin rằng, sau khi làm lễ khai quang điểm nhãn và an vị Phật trong nhà thì các tôn tượng Phật, Bồ tát liền được linh thiêng, cầu gì được nấy, gia đình an ổn, mọi việc thuận lợi, buôn may bán đắt, phước lộc đầy nhà, thì niềm tin như vậy chưa phải là chánh tín, chánh kiến của Phật tử. Muốn có được tất cả những điều ấy, Phật tử phải học pháp, tu tập, giữ giới và gieo trồng thêm rất nhiều nhân thiện, điều phước trong cuộc sống. Một khi có giới đức, trí tuệ và thường xuyên hành thiện bố thí, cúng dường thì phước báu tự nhiên sẽ đến, hoạn nạn và khổ đau sẽ qua khỏi. Cuộc sống và gia đạo sẽ được nhiều bình an và hạnh phúc.

Hỏi: Kính bạch thầy! Con thấy hiện nay ở Việt Nam, phong trào tu học Mật tông rất thịnh hành. Người người, nhà nhà đua nhau thỉnh mời các bậc thầy Tây Tạng đến để làm lễ quán đảnh, ban phước. Vậy việc đó có thật sự được lợi ích và phước báu như mong cầu?

Đáp: Mật tông còn gọi là Kim cang thừa, một truyền thống Phật giáo thịnh hành ở Tây Tạng. Giáo nghĩa và pháp tu của truyền thống này rất thâm sâu, lấy 3 nền tảng chính cho sự tu tập và hành trì: Bồ đề tâm, tánh không và sự xả ly. Phật tử nào, hành giả nào đến với Mật tông và Phật giáo Tây Tạng trên tinh thần đó thì là đến với chánh kiến và đúng với pháp.

Đáng tiếc thay Phật tử Việt Nam ở hải ngoại hay ở trong nước thường đến với Mật tông Tây Tạng dường như theo một phong trào, hơn là theo để cầu học pháp, phát Bồ đề tâm, cầu giải thoát giác ngộ; Theo phong trào bởi vì hiện nay đang là một xu hướng, thịnh hành, người ta theo nên mình theo, người ta tin nên mình tin, cho nên đa số đến với Phật giáo Tây Tạng và các Lama bằng cách cầu xin thọ nhận các lễ quán đảnh, cầu các bậc thầy đến để ban phước, gia trì hoặc cầu tài cầu lộc.

Các ngài Lama không thể có năng lực thay đổi nghiệp chướng trong cuộc đời chúng ta. Cho nên đến với các ngài bằng tâm cầu học, cầu tu để được giải thoát giác ngộ thì việc làm ấy là đúng chính pháp, có nhiều phước báu và công đức. Còn đến với tâm mê

để cầu danh tiếng, cầu tài, cầu lộc thì phước báu, công đức ấy rất nhỏ.

Hỏi: Bạch thầy. Trong thời gian gần đây, người Phật tử thường nghe nói đến các bậc thầy chứng đạo, chứng quả A La Hán hoặc là Bồ tát tái sanh, Phật tái sanh? Vậy việc đó như thế nào? Là thật hay là giả?

Đáp: Phật tử chân chánh phải là người Phật tử có học pháp và tu theo pháp. Mang danh Phật tử vì đã quy y và thọ trì 5 giới nhưng chưa từng học pháp và tu pháp thì người Phật tử như vậy chỉ có danh từ Phật tử, còn họ thật không phải là Phật tử. Do có học pháp và tu theo pháp nên Phật tử có hiểu biết pháp, có trí tuệ và chánh kiến để biết phân biệt đâu chánh, đâu tà, đâu là thầy tu thật, đâu là thầy tu giả, đâu là bậc tu hành chứng đắc và đâu là hạng giả danh cầu lợi.

Một bậc thầy tu chứng quả A-la-hán không bao giờ tự xưng rằng mình chứng quả A-la-hán, đó là pháp của Phật, trừ phi các vị đó được các bậc thầy khác đắc quả ấn chứng. Tuy nhiên theo HT.Tuyên Hóa, một bậc thánh tăng cận đại, ngài dạy như sau:

“Căn cứ vào đâu để biết được đó là một bậc Thánh nhân đã chứng đắc quả vị thứ tư của hàng A-la-hán? Khi bậc Thánh nhân hàng Tứ-quả bước đi, chân không hề chạm đất - bàn chân ngài thường ở cách mặt đất khoảng ba phân, vì như thế mới khỏi giẫm chết các côn trùng hoặc kiến. Ngài chẳng phải như phạm phu chúng ta, thường đạp chết côn trùng và kiến trên lối đi. Ngài không hề giẫm lên trùng và kiến ở dưới chân; điều này chứng minh rằng ngài đã chứng Thánh quả!

Không những bậc Thánh nhân ở hàng Tứ-quả, mà ngay cả các bậc ở hàng Sơ-quả cũng có được khả năng ấy; cho nên trong Kinh mới dạy rằng: “Các bậc A-la-hán đều có thể phi hành, biến hóa.” Các bậc Tứ-quả A-la-hán muốn đến nơi nào là có thể đến ngay nơi đó, và các ngài đều có khả năng biến hóa khôn lường.

Các bậc Tứ-quả A-la-hán không những chỉ có khả năng chuyển dịch tinh thần mà còn có thể chuyển dịch cả nhục thể của các ngài đến bất cứ nơi nào tùy ý nữa. Các ngài không cần mua vé máy bay, mà chỉ du hành trong không trung; cho nên nói: “Có thể phi hành, biến hóa.” Các bậc A-la-hán có mười tám phép biến hóa, và những phép biến hóa ấy đều bất khả tư nghì.

“Có thọ mạng lâu dài tới cả khoáng kiếp.” “Khoáng kiếp” tức là trường-viễn-kiếp, và cũng là vô-lượng-kiếp; nghĩa là quãng thời gian lâu xa, không thể nào tính đếm được. Các bậc Tứ-quả A-la-hán muốn sống bao nhiêu lâu cũng được, không trở ngại gì cả. Khi thân thể này hư hoại, già nua cần cỗi, thì các ngài có thể đổi lấy một thân thể khác. Vì các ngài có thể thay đổi thân thể một cách rất dễ dàng, cho nên nói rằng các ngài “Có thọ mạng lâu dài tới cả khoáng kiếp.”

Các Thánh nhân chứng đắc Tứ-quả A-la-hán đều đạt được sự tự do về vấn đề sanh tử. Các ngài thật sự được tự do - muốn sống, thì cứ tiếp tục sống; muốn

“

Nơi nào các ngài an trụ cũng đều có Trời, Rồng, cùng Tám bộ chúng thường xuyên lui tới hộ pháp. Hễ nơi nào có một bậc A-la-hán an trụ, thì nơi đó rất bình yên, không hề có các loại tai nạn như gió lốc, gió xoáy, mưa bão, động đất, vũ đê, sóng thần... xảy ra.

”

chết, thì bất cứ lúc nào cũng có thể chết được. Các ngài muốn chết đứng, thì đứng mà chết; muốn chết ngồi, thì ngồi mà chết; muốn chết khi đang đi, thì chết khi đang đi; muốn chết trong lúc ngủ, thì chết trong lúc ngủ! Các ngài rất tự do, không ai có thể cai quản được cả. Chính vì thế mà nói là các ngài “có thọ mạng lâu dài tới khoáng kiếp” và được gọi là bậc “Vô-sanh” - không sanh ra mà cũng chẳng chết đi! Và làm động trời đất nơi họ an trụ.” Các bậc A-la-hán trú ngụ ở nơi nào, thì Thiên-thần và Địa-thần đều sanh lòng cảm động, và đều thọ nhận sự giáo hóa của các ngài; đó là ý nghĩa của câu “trụ động thiên-địa - làm rung động trời đất nơi các ngài an trụ.” Nơi nào các ngài an trụ cũng đều có Trời, Rồng, cùng Tám bộ chúng thường xuyên lui tới hộ pháp. Hễ nơi nào có một bậc A-la-hán an trụ, thì nơi đó rất bình yên, không hề có các loại tai nạn như gió lốc, gió xoáy, mưa bão, động đất, vũ đê, sóng thần...xảy ra. Đó là vì các Thiên-thần và các vị Hộ-pháp luôn luôn ủng hộ bậc A-la-hán làm cho mọi việc có liên quan đến ngài đều được may mắn, thuận lợi.

Hỏi: Theo truyền thống Phật giáo trong nước ta thì người Phật tử thường hay đi chùa vào ngày 14, 15 hay 30, mồng một. Họ tin rằng những ngày này linh thiêng và thường cầu được phước, được lộc, khỏe mạnh sống lâu, thăng quan tiến chức... Vậy những điều cầu nguyện ấy có được không?

Đáp: Niềm tin đi chùa vào các ngày trên không phải là không có căn cứ. Đọc trong kinh tạng có ghi rằng, vào các ngày trên, các vị trời Tứ Thiên Vương thường du hành khảo sát nhân gian, cho nên các ngày ấy thường được người xưa tin tưởng là ngày tốt để đi chùa lễ bái, cầu tài cầu lộc. Niềm tin dân gian là vậy nhưng xét theo phương diện hành trì tích cực thì chính những ngày này, thay vì chúng ta chỉ biết cầu và xin, thì người Phật tử chúng ta phải nên đi học pháp, dự các khóa tu tập và thực hành tất cả các điều phước thiện trong những ngày này. Nếu ngày thường thì những việc học



pháp, tu tập và hành thiện đã có phước báu, công đức thì những ngày này do lòng tin mãnh liệt, sự tinh tấn và tâm bố thí, cúng dường, phước báu và công đức sẽ càng tăng trưởng mạnh. Niềm tin như vậy rõ ràng đặt trên sự hiểu biết và trí tuệ.

Hỏi: Bạch thầy! thông thường người Phật tử miền Bắc chúng con không có thờ Phật trong nhà, xem đó là điều úy kỵ vì sợ phạm lỗi, điều ấy có đúng không? Trong mỗi nhà cũng đều có bàn thờ cúng gia tiên và mỗi bàn thờ đều có bát nhang. Chúng con tin rằng bát nhang là nơi các hương linh ông bà trú ngụ và do đó không nên đựng vào bát nhang, đây cũng là điều rất là kiêng kỵ. Niềm tin như vậy có đúng không?

Đáp: Nếu đã là Phật tử thì việc thiết lập một bàn thờ trang nghiêm trong nhà là điều cần thiết. Trước đây khi đời sống kinh tế khó khăn, nhà cửa chật chội mà phải sống chung rất nhiều người thì việc thiết lập bàn thờ là một trở ngại. Tuy nhiên ngày nay đa phần gia đình đều có những căn hộ, căn nhà riêng tư với một diện tích tương đối hoặc rộng lớn thì việc lập bàn thờ là điều nên làm nếu người Phật tử chúng ta muốn thực hành việc tu tập. Như phần trên kinh Phật đã nói về phước đức mang lại cho gia đình khi thiết lập bàn thờ, cho nên việc úy kỵ thờ Phật trong nhà theo nhân gian là mê tín.

Về việc bàn thờ gia tiên mà có quá nhiều bát hương là không cần thiết. Việc thờ phụng của người Việt phần lớn theo văn hoá cổ truyền: Ông bà, cha mẹ chúng ta làm sao, nay ta làm như vậy, vì thế trong sự thờ phụng có rất nhiều hủ tục, mê tín rườm rà, không đem lại lợi lạc thiết thực cho người sống cũng như người đã khuất. Khi chúng ta học Phật và tu hành theo đạo Phật chúng phải can đảm thực hành theo chính pháp, có chánh kiến và biết loại bỏ những tập tục lâu đời mà không đúng pháp và không cần thiết. Bàn thờ gia tiên có thể an trí bên cạnh bàn thờ Phật và phải thấp hơn. Hình thờ người mất nếu có nhiều và hình lớn thì có thể cho thu nhỏ hình lại và sắp đặt chung trên một bàn thờ gia tiên. Tất cả bát hương chỉ còn giữ lại một và thường xuyên dọn dẹp, lau chùi; chỗ để cho tàn nhang và thân cây nhang rút đầy trên bàn thờ.

Đạo Phật là đạo của hiểu biết và trí tuệ. Người Phật tử tu tập chỉ tin theo lời Phật giảng dạy trong kinh điển và qua lời giảng dạy của một số bậc thầy chọn chánh. Không nên tin và dựa vào các thầy cúng, thầy pháp, thầy đồng, thầy bói để rồi nay thì làm theo lời thầy này, mai lại nghe thầy cúng, thầy pháp kia chỉ vẽ lại làm theo họ. Lòng tin không chọn chánh như vậy thì dù có quy y theo Phật cũng sẽ không thoát khỏi những mất mát và khổ đau.

(Gần đây tôi có độ cho một người Phật tử ở Quảng Ninh, biết phát tâm quy y (Pháp danh Đồng Tín) và đi hành hương đất Phật. Từ một người chưa từng biết ăn

chay, nếu buộc phải vào chùa ăn chay trong ngày một ngày hai, thì ngày thứ ba phải ra chợ và hàng quán chén đủ các loại thịt khác để bù trừ. Là một chủ doanh nghiệp về du lịch, cô ta cũng là một cây nhậu số một, uống rượu bia thì nhiều nam giới cũng phải chịu thua, đầu hàng, lắc đầu le lưỡi bái phục. Bối thế xe hơi cô chạy thì không móp chỗ này thì cũng méo chỗ kia, cô tự hào khoe với tôi như vậy. Còn thầy cúng, thầy pháp thì đều là bạn thân hàng ngày của cô vì cô quanh năm suốt tháng nghe lời thầy cúng, cúng hết lễ này đến lễ kia, thường khi đốt giấy vàng mã đến cả mấy xe.

Trong lần được cơ duyên đi hành hương đất Phật gần đây, và trên đường đi, tôi tận dụng thời gian tối đa để thuyết giảng Pháp Phật cho tất cả Phật tử trong đoàn. Ai ngờ cho đến gần cuối đoạn đường hành hương, sau gần 10 ngày, cô “quậy” này bỗng dung giác ngộ. Cô phát biểu trên xe rằng, từ đây về sau sẽ cải tà quy chánh, không còn uống rượu bia, nhậu nhẹt nữa, phát tâm ăn chay mỗi tháng 10 ngày, mỗi ngày tụng kinh, niệm Phật và lạy Phật 108 lạy. Hơn thế nữa, cô đã xóa hết danh sách trên 20 tên của thầy Cúng, thầy Pháp trong điện thoại của cô. Cô khoe với mọi người như vậy.

Mới đây trò chuyện với tôi qua điện thoại, cô cho biết là đã thắng thùng từ chối gặp mấy ông thầy Cúng, thầy Pháp và không cúng bất cứ gì theo họ nói nữa. Thế là mấy ông thầy kia, quát mắng cô một tràng, không có đường thoái lui: “mày mà không cúng thì để mày xem, không có một cái bát mẻ mà ăn trong năm nay nhe con! Một ông thầy Pháp khác cũng không tiếc lời nguyên rủa cô: “Mày mà không cúng thì mày sẽ chết sông chết biển nghe con, để mày xem mày có sống nổi không?”

Rồi cô kể với tôi rằng: “Thầy ơi, đâu như mấy ông đó nói, con cảm thấy đầu năm nay tất cả tai nạn cũ của con đã qua hết. Chỉ mấy ngày đầu năm mà con ký được bao nhiêu hợp đồng, một cách dễ dàng, không ngờ đến. Cứ như là có ai đó đã xếp đặt an bài sẵn cho con vậy đó!!!”

Tôi khuyến khích thêm: “Vâng, Phật pháp là vậy đó! Một khi mình tu theo chính pháp, dứt bỏ mê tín, tà vạy để sống đúng với tất cả những lời Phật dạy thì phước báu chân thật sẽ tăng trưởng, thân tâm con sẽ thường được an vui. Chắc chắn nếu con tu hành tinh tấn hơn, bỏ các điều xấu, điều ác và sự phóng túng, giải đãi buông lung như trước đây, phước báu còn sẽ đến với con rất nhiều và nhiều hơn nữa. Thầy mong cho con luôn tinh tấn tu hành, tăng trưởng các pháp thiện, dứt hẳn các pháp ác và thành đạt trong đời sống. Con thấy đấy, có phải là Phật pháp quá nhiệm màu hay không! Như vậy, chỉ một chuyến hành hương đất Phật 14 ngày mà đã thay đổi được cả một cuộc đời của con”.

Phụ trách hỏi - đáp: Thượng tọa Thích Hạnh Nguyên

Người mẹ hiền

NƠI MÁI CHÙA TỪ ÂN

Tên chùa Từ Ân, ai nghe cũng đã thấy hàm chứa những bình yên. Khi gặp sư cô Minh Hải, trụ trì chùa Từ Ân, vẻ ngoài bình dị, cùng giọng nói ôn tồn, ấm áp, khiến chúng tôi như cảm nhận tình thương bao la nơi sư cô, đang chờ che hàng trăm mảnh đời bất hạnh...

Diệu Ngĩa

Thuận duyên, chúng tôi được trò chuyện cùng sư cô Minh Hải bên lễ Hội nghị chùa Việt, lễ vinh danh “Việt Nam Thiêng Liêng Cổ Tự” do Unesco tổ chức tại Hà Nội hồi Tháng hai vừa rồi và được sư cô cho biết: Hiện, Mái ấm tình thương chùa Từ Ân đang cuu mang 132 trẻ mồ côi, 20 cụ già neo đơn cùng 3 người mù. Trong hơn 400 trường hợp thuận duyên nương nhờ nơi từ bi của Phật chùa Từ Ân, phần lớn đã lập gia đình, có những em còn đi học nhưng đều đã trưởng thành.

Đã 21 năm, sư cô Thích Nữ Minh Hải trụ trì chùa Từ Ân, ở ấp Mỹ Tân, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành cùng các tăng ni, phật tử giang rộng vòng tay yêu thương đón nhận, cuu mang những neo cảnh, trong đó hầu hết trường hợp là những em bé mồ côi.

Các em nhỏ về chùa với nhiều hoàn cảnh, ở mọi miền quê khác nhau, có em ở Bà Rịa Vũng Tàu, em ở Lạng Sơn, Đắk Lắk, em thì ở Thừa Thiên-Huế... Hầu hết các em trong độ tuổi đến trường đều được đi học. Hoàn cảnh của các em rất đáng thương, em thì mồ côi cha mẹ, em thì cha mẹ chia tay, em thì gia đình đông anh em và gia cảnh quá nghèo khó, nên đành nhờ cậy nhà chùa chăm sóc, nuôi nấng.

Về chùa Từ Ân, đảm trách trụ trì từ năm 1990, sư cô Thích Nữ Minh Hải đã đón nhận những em bé bất hạnh về nuôi. Có lẽ, đáng nhớ nhất trong hàng trăm trường hợp, đó là em bé đầu tiên được chùa nhận về nuôi dưỡng. Bé Nguyễn Thị Hòa Bình, lúc đó em đang độ tuổi học lớp 3, do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, nên cha mẹ phải gửi vào chùa nhờ sư cô nuôi.

Thời điểm đó, nhiều trẻ lang thang, ăn xin, bị bỏ rơi, tật nguyền... sư cô Minh Hải đã đứng ra nhận về nuôi thêm 10 trẻ. Những ngày đầu, do chưa biết chăm trẻ, nên nhiều đêm các cháu thức giấc sư cô chỉ biết bật đèn và lấy đồ chơi cho chúng chơi cả đêm. Đến



đút sữa cho các em, sư cô cũng lóng ngóng mãi mới làm được. Nhưng, bằng tình yêu thương vô hạn, sư cô Thích Nữ Minh Hải đã dần vượt qua khó khăn nuôi các em khôn lớn.

Hầu hết những trẻ bị cha mẹ bỏ rơi từ khi mới lọt lòng được sư cô Minh Hải đem về nuôi và đặt những cái tên rất ý nghĩa, với mong ước các em luôn được đón nhận mọi sự tốt lành và hưởng trọn vẹn cuộc sống trẻ thơ. Đặc biệt, những đứa trẻ này đều mang họ Lê, theo họ thật của sư cô Thích Nữ Minh Hải.

Hiện nay, trong số 132 cháu có đến hơn 20 cháu đang được cấp sách đến trường, mọi khoản đóng góp của các cháu cho nhà trường, nhà chùa đều lo đầy đủ không được miễn, giảm, nên đây là khó khăn không nhỏ của nhà chùa.

Khó khăn là vậy, nhưng sư cô cùng nhà chùa chưa từng nản chí. Những em bé vẫn ngày thêm khôn lớn. Có lẽ, lòng từ bi vô hạn nơi sư cô Minh Hải cùng bà con phật tử đồng lòng, đã vượt qua được mọi khó khăn, thử thách.

Và, những mảnh đời đã xa rời bất hạnh. Chốn thiền môn mái chùa Từ Ân, từng hạt giống bồ đề ngày thêm trưởng dưỡng. Lành thay...



Mái chùa nhỏ

NƠI TRƯỞNG DƯỠNG LÒNG TỪ BI...

Kính thưa chư tôn đức giáo phẩm, cùng toàn thể quý vị, xin cho phép tôi được xưng là Con. Bởi, tôi cũng chỉ là một tu sĩ như biết bao người. Nếu, có một ngày quý vị về với chùa Linh Sơn Cổ Tự ở Bà Rịa, Vũng Tàu, thấy một tu sĩ áo quần rách rưới, lam lũ đang chăm lo quét bụi trần, chăm sóc cỏ cây, hoa lá: Thì đó chính là Con, trụ trì nhà chùa đang đứng trước quý vị nơi đây...

Khánh Ly

Những chia sẻ chí thành, mộc mạc từ đại đức Thích Minh Thường, trụ trì chùa Linh Sơn Cổ Tự, Bà Rịa, Vũng Tàu khiến chúng tôi hình dung thầy đang chăm lo một ngôi chùa nhỏ. Niềm vui hàng ngày là thầy được chăm chút từng góc nhỏ nơi ngôi nhà chính pháp.

Có lẽ, từ những bình dị theo năm tháng, mà chúng tôi như cùng cảm nhận nơi thầy Minh Thường ngưỡng vọng dựng xây một ngôi nhà chính pháp nhỏ, nhưng là nơi góp phần trưởng dưỡng lòng từ bi, tâm bồ đề cho hết thầy chúng sinh, vạn loại.

Tham dự Hội nghị chùa Việt, chủ đề “Việt Nam Linh Thiêng Cổ Tự”, được tổ chức hồi tháng 2 vừa rồi, về hai chữ Linh Thiêng, thầy Minh Thường đã chia sẻ: “Linh thiêng ở đây, không có nghĩa gì kì bí cả. Linh, đó chính là tánh linh của mỗi người. Tánh linh được biểu hiện nơi Phật tánh, nơi lòng từ bi mỗi người hiện hữu. Thiêng, là những giá trị trân quý mà một người tích lũy được - Đó, thể hiện ở lòng kính ngưỡng Phật, một lòng hướng nguyện hộ trì Tam Bảo.

Một ngôi chùa Linh thiêng, khó thể thấy những hình ảnh quý bài, bái lễ, cầu xin phước lộc, con hiền, dâu thảo mà lại “nhờ Phật giữ dùm con 2.000 đồng”... Chùa nào có linh thiêng, Phật nào có linh thiêng, khi ai đó dúi tay Phật 2.000 đồng, hay có khi là 20.000 đồng rồi mong cầu Linh Thiêng?

Tâm từ, nhân quả ứng. Chúng ta cùng nuôi dưỡng tâm bồ đề, không ngừng trưởng dưỡng lòng từ bi, thì Tánh Linh nơi mỗi người ngày thêm phát triển, những giá trị cao quý ngày thêm tích lũy. Và nhiều người hơn thế, hàng ngày cùng về chùa, thì ngôi chùa đó hữu khác là Linh Thiêng vậy”.



Ra vậy, ý nghĩa Linh Thiêng cũng bình dị như hình ảnh vị tu sĩ áo quần đơn sơ, hàng ngày chăm lo quét bụi trần nơi mái chùa nhỏ...

Cùng tìm hiểu, chúng tôi được biết, chùa Linh Sơn Cổ Tự có địa chỉ tại 61 Hoàng Hoa Thám, Vũng Tàu. Đây được xem là ngôi chùa cổ nhất Vũng Tàu.

Linh Sơn Cổ Tự tuy không đồ sộ, rộng lớn, nhưng là ngôi chùa lâu đời nhất ở Vũng Tàu nằm trên đường Hoàng Hoa Thám, phường 2, thành phố Vũng Tàu.

Thời kì đầu chùa được xây dựng trên triền núi nhỏ nhưng năm 1919 khu vực này bị người dân Pháp chiếm dụng để xây cất biệt thự cho hoa tiêu của họ ở. Ngay sau đó một ngôi chùa khác đã được xây dựng và tồn tại cho tới ngày nay.

Chúng tôi, không ít người thầm mong một lần được về thăm Linh Sơn Cổ Tự, được hòa mình trong tiếng chuông, nhịp mõ, được lắng đọng cùng tiếng chổi từng thời quét trôi những mảng bám trần ai...





Mái chùa Phật Minh

Hơn 20 năm trước, sư cô Thích Nữ Ngộ Mai về chùa Phật Minh, một ngôi chùa xa lắc, trống trước hờ sau, không điện không nước, không đệ tử, chỉ có duy nhất một huynh đệ tuổi gần đất xa trời...

Khánh Ly

Chùa Phật Minh cách thị xã Bến Tre chừng 7km. Đi vào sâu trong làng, chùa Phật Minh xa xa cổ kính với cây cao bóng mát phủ che. Sư cô Ngộ Mai là đệ tử của cố Hòa Thượng Thích Minh Phát, chùa Ấn Quang, được Thầy đưa về chùa Phật Minh đảm trách trông coi hơn 20 năm nay.

Được biết, hiện sư cô Ngộ Mai cùng nhà chùa đang nhận nuôi 70 trẻ mồ côi. Lớn nhất, 4 em đã

vào đại học, út ít trong nhà có em còn nằm nôi. Các em được nuôi nấng, trưởng dưỡng nơi mái chùa quê nhỏ thập phương công đức trợ duyên, trợ lực. Có đến 25 tình nguyện viên, đồng cảm cùng những neo cảnh, cùng nhau về chùa làm bảo mẫu không lương. Theo tháng năm, các em dần lớn khôn bên câu Kinh, tiếng Kệ...

Mới gặp sư cô Ngộ Mai, qua bên ngoài, ít ai nghĩ đó là... một sư cô. Về thuần nông, dân dã, bước

chân không đều nhau, bước thấp, bước cao. Khuôn mặt khắc khổ, đượm những dấu ấn trần trở cùng thời gian, và ít khi thấy sư cô cười. Quan sát ban đầu khi tôi gặp sư cô là vậy.

Nhưng, ẩn sau những trầm ẩn, là lòng từ bi vô hạn mà tôi cảm nhận, tranh thủ hỏi chuyện sư cô Ngộ Mai, được biết hầu hết các em nhỏ đều là trẻ bị bỏ rơi ở bệnh viện khi mới sinh, được chư Phật dẫn đường chỉ lối, các bác sĩ đã

gọi đến sư cô, để sư cô bảo lãnh các em về chùa. Nhà chùa dần nhận nuôi từng neo cảnh đơn côi như vậy.

Các em nhỏ khi được về mái ấm chùa Phật Minh, em nào cũng yêu mến Sư phụ Ngộ Mai. Nhu trường hợp đặc biệt, 3 chị em người dân tộc H'Nhiên, H'Lin, H'UK: H'Nhiên thích sư phụ và các mẹ ở đây lắm. Em không nhớ mình vô đây được mấy năm, nhưng chị em Nhiên được 3 lần về quê Đăk Lăk thăm gia đình.

Hàng ngày ở chùa, bên bàn ăn hay trong giờ học, giờ chơi, đứa lớn chăm sóc cho đứa nhỏ. Các chú tiểu xem nhau như anh, chị em trong nhà. Ở nơi đây, các em đều có mẹ, có cha và có cả sư phụ. Mẹ, cha chính là những Phật tử giàu lòng hảo tâm, lập nên đội thiện nguyện 20 người (15 nữ, 5 nam). Đội được chia thành 5 tổ để thay phiên nhau cùng sư cô Ngộ Mai chăm sóc các em, từ chuyện nấu ăn, tắm rửa, học hành.

Theo sư cô Ngộ Mai, chăm lo cái ăn, việc học cho các con không đáng ngại bằng lúc ốm đau. Mỗi khi trái nắng, trở trời, các con đau ốm, sư cô Ngộ Mai lại chạy ngược, chạy xuôi vay mượn khắp nơi để đưa các con đi bệnh viện.

Cuộc sống đều đặn vậy. Tuy cái ăn, cái mặc nhiều phần chưa được đầy đủ, nhưng các em nơi mái ấm chùa Phật Minh không đến mức thiếu thốn so với những trẻ con miền thôn quê nghèo khó.

Tiếng trẻ thơ luôn rộn ràng chốn thiền môn. Nếu từng một lần về chùa Phật Minh, chắc hẳn bạn sẽ khó quên hình ảnh một chú tiểu hóm hỉnh, giọng ngọt ngào ngâm những vần thơ của Sư phụ Ngộ Mai:

*“Con ả con ai
Đem bỏ chùa này
Không phải con Thầy
Thầy cũng nuôi luôn”...*





CHÙA HUYỀN TRANG

“Địa chỉ đỏ”

TRONG CÔNG TÁC TỪ THIỆN TẠI TP.HCM



Chùa Huyền Trang còn gọi là chùa Lá, tọa lạc tại địa chỉ: 2056/39 Huỳnh Tấn Phát, KP7, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè. Chùa hiện nay là nơi nuôi dưỡng 40 trẻ mồ côi và 20 người già neo đơn, không nơi nương tựa. Bởi vậy, nhiều đoàn thiện nguyện thường xuyên đến đây vào dịp cuối tuần để làm nhiều việc hỗ trợ cho chùa. Cũng từ đó, nhiều năm qua, Phật tử khắp nơi và người dân xem nơi đây là “địa chỉ đỏ” đọng đầy yêu thương.

Diệu Nghĩa

Nhìn lại lịch sử của chùa Huyền Trang cũng là cả một quá trình vất vả của Thượng tọa Thích Truyền Tứ - Trụ trì chùa. Năm 1993, thầy về chùa Thiên Trúc (quận 7) nhận nuôi 40 trẻ mồ côi rồi giao lại cho vị khác ở chùa nuôi dạy. Sau đó, thầy về Long Hoa Cổ Tự nhận nuôi 100 em trẻ mồ côi. Năm 1996, thầy về bán đất ông bà để lại ở quê rồi đến Nhà Bè mua 2ha đất mặn, đầm sinh để dựng chùa. Chùa Huyền Trang được như hôm nay là đã trải qua một quá trình đầy gian khổ. Từ đó, thầy bắt đầu công trình nuôi dưỡng các em trẻ mồ côi và người già không nơi nương tựa tại chùa. Với tấm lòng bác ái của mình, thầy được các trẻ mồ côi trong chùa xem như người cha thân yêu. Từ những trẻ mồ

côi bơ vơ, đói khát, không nơi nương tựa, được thầy nhận về nuôi bằng chính tình cảm, lòng từ bi bác ái của nhà Phật. Cho đến nay, ngoài thời gian tu hành và nghiên cứu Phật pháp, thầy còn là người luôn gần bó với các em mồ côi, người nghèo và những mảnh đời bất hạnh.

Xuất thân là đệ tử của Thiền sư Thích Duy Lực nên Thượng tọa Thích Truyền Tứ tu theo phái Tổ sư Thiền Lâm Tế Tào Động. Vì thế, hàng tháng chùa tổ chức Thiền thất cho Tăng Ni, Phật tử từ ngày mùng 1 đến mùng 7 ÂL và vào 4 ngày Chủ nhật của tháng. Hiện nay, thầy tham gia Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam với cương vị Phó ban Tài chánh, lo vận động tài chánh để ấn hành Đại tạng kinh. Tham gia Hội Chữ



thập đồ huyện Nhà Bè với cương vị là Ủy viên Ban Chấp hành, thầy đã cùng với các y bác sĩ, dược sĩ tại các bệnh viện lớn đến khám chữa bệnh cho đồng bào nghèo các tỉnh, thành, vùng sâu vùng xa. Dưới sự lãnh đạo của thầy, Trung tâm nhân đạo Huyền Trang (trực thuộc chùa Lá) thường xuyên tổ chức đoàn y bác sĩ khám bệnh, phát thuốc, phát quà từ Ninh Bình, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Ninh Thuận; các tỉnh miền Trung, miền Đông, miền Tây và Cao Nguyên. Trong năm vừa qua, thầy được Chủ tịch thượng viện - Bộ trưởng Bộ du lịch Campuchia mời phát quà 3 lần tại Campuchia cho người bản xứ và kiều bào.

Trong năm 2014, Trung tâm nhân đạo Huyền Trang tổ chức 53 chuyến đi từ thiện. Tổng số tiền và hàng hóa chuyển thành tiền là 9.707.000.000đ. Ba tháng đầu năm 2015, Trung tâm đã tổ chức công tác từ thiện với số tiền trên 3,7 tỉ đồng. Tháng 1/2015, Thượng tọa Thích Truyền Tứ tham gia chuyến đi từ thiện tại tỉnh Bình Phước cùng Nguyên Phó chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa. Tháng 2/2015, Thượng tọa còn đồng hành cùng một số Doanh nhân tiêu biểu trên cả nước tham gia phát 325 phần quà từ thiện tại tỉnh Hà Nam cùng Phó chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan.

Đối với Thượng tọa Thích Truyền Tứ, những việc làm thiện nguyện không bao giờ là đủ vì đâu đó vẫn luôn còn những hình bóng của người khổ cực, cần lắm những bàn tay nâng đỡ dù là nhỏ nhất. Dù đã qua 60 mùa xuân nhưng thầy vẫn rất khỏe mạnh, vẫn làm việc hăng say, vẫn luôn không ngừng kêu gọi sự ủng hộ từ các nơi để cho cuộc đời này vẫn sẽ đẹp, vẫn còn niềm hi vọng cho những ai còn niềm tin vào cuộc sống. Đi nhiều, thực hiện nhiều chuyến từ thiện giúp cho người nghèo tại các địa phương, Thượng tọa Thích Truyền Tứ chỉ mong sao có nhiều Tăng Ni, Phật tử, nhà từ thiện, các nhà hảo tâm, các đoàn thể cùng chung tay góp sức để công tác này ngày một hiệu quả hơn.





Đóa “hoa thiện” giữa đời

Chị em chúng tôi gặp nhau trong một buổi sáng tháng Giêng ngập nắng. Giữa khoảng không rộng mở của Lăng Ông - Bà Chiểu, trong sắc xuân ấm nồng và rộn tiếng chim ca, chị đón tôi bằng nụ cười rạng rỡ thân tình. Đúng như pháp danh “Hoa Thiện”, chị Ngô Thị Bích Toàn xứng đáng được mọi người tôn vinh bởi vẻ đẹp phúc hậu cùng tấm lòng thiện nguyện cao cả của mình. Tự nhận mình không phải là một Phật tử thuần thành, nhưng những việc làm của chị khiến tất cả mọi người nể phục và tôn trọng biết bao...

Khánh Ly



Quý y Ngôi Tam Bảo từ hơn 30 năm trước, thế nhưng theo chị thú nhận, chị lại rất ít đi chùa và không thuộc nhiều kinh như mọi người. Ngược lại, chị lại rất siêng làm từ thiện; không quản đường xa hiểm trở, chỉ cần ở đâu có người cần mình là chị lại tìm đến. Một lòng tin tâm theo Phật, chị luôn thực hành tu tưởng “từ bi hỷ xả” của đạo Phật bằng cách làm từ thiện, bố thí, cúng dường. Là một Doanh nhân thành đạt nhưng chị chưa bao giờ khoe khoang chuyện tiền bạc, của cải, tuy nhiên, khi nói về công tác từ thiện thì chị không giấu được sự tự hào về những việc mình đã làm cho đồng bào nghèo. Với quan niệm “Phật tại tâm”, vì thế chị luôn quan niệm giúp được ai cái gì thì cứ giúp, còn bản thân mình thì tính sau... vì vậy, chị học về giáo lý Phật pháp chưa nhiều hơn ai, nhưng thực hành thì lại ít ai bằng.

Xuất thân là một cán bộ Công An chuyên về thủ tục hành chính, trong thời gian công tác, chị đã kịp tích lũy cho mình những vốn sống cần thiết để bổ sung cho công tác từ thiện sau này. Trong công việc, bằng trách nhiệm và lòng nhân ái của mình, chị đã giúp nhiều người hoàn thành những thủ tục hành chính liên quan đến thân nhân và giấy tờ mà không đòi hỏi trả công. Có những cụ già mang đến cho chị một ổ bánh mì hay đơn giản chỉ là gói xôi để ăn sáng, cũng đủ để chị cảm thấy ấm lòng. Thế nhưng, chính chị cũng không ngờ tới việc làm tuồng chùng đơn giản đó của mình lại mang đến những phần thưởng vô cùng đáng giá sau này. Gia đình một bác sĩ, sau khi nhờ chị giúp đỡ làm lại toàn bộ giấy tờ khai sinh bị thất lạc trong chiến tranh, sau này đã hỗ trợ chị hoàn toàn trong công tác chăm sóc sức khỏe và y tế. Ấu đó cũng chính là duyên lành mà chị đã tạo ra cho mình!

Thừa nhận là một người không biết nhiều về Phật Pháp, thế nhưng chị lại có một niềm tin tuyệt đối ở Đấng Thế Tôn. Trong những lúc bí bách của cuộc đời mình, chị lại đến với Phật, niệm kinh cầu xin, nhờ đó những con đường mới tốt đẹp hơn đã mở ra cho chị. Ở tuổi 45, chị may mắn mang thai một bé gái, thế nhưng kèm theo nó là nhiều điều lo âu vì tuổi chị đã lớn. Nhờ sự khẩn nguyện thành tâm và lòng tin tưởng tuyệt đối vào Đức Phật của chị, bé gái đã ra đời trong niềm hạnh phúc của cả gia đình. Với chị, của cải vật chất ở thế gian chỉ là vô thường, quan trọng chính là tình yêu nhân loại và phước đức đời sau. Trong niềm tin đó, chị đã tự mình cảm nhận được nhiều ơn lành mà Đấng Thế Tôn đã ứng hiện. Trong những thời khắc cuối cùng của mẹ chồng chị, nhờ lời kinh Phật và tình thương sâu sắc của mình, chị đã giúp bà ra đi thanh thản trong sự mâu nhiệm của Đức Phật. Bản thân chị tin rằng, hạnh phúc gia đình cùng sự thành công hiện nay chính là món quà quý giá mà Đức Phật đã ban tặng cho chị vậy!

Cuộc đời chị gắn liền với nhiều “ngiệp duyên”. Chính những việc làm phước đức ngày xưa của mình, một lần nữa chị lại nhận được sự giúp đỡ trong công

việc kinh doanh sau này. Nhờ sự dẫn dắt của một người bạn từng được chị hỗ trợ hoàn thành giấy tờ khi xưa, chị đã từng bước tham gia kinh doanh tại chợ Tân Bình và bắt đầu phát triển nền kinh tế gia đình. Một lần nữa, “duyên” lại đến với chị khi được một người bạn hàng thân thiết khuyến khích làm từ thiện với lời chia sẻ: “Mình làm việc thiện tức là đang bỏ vốn cho ngân hàng phước đức sau này!”. Từ đó, chị bắt đầu bước vào con đường học hạnh bố thí và quyết tâm chia sẻ cho những mảnh đời bất hạnh hơn mình. Là một mảnh thường quân tiêu biểu trong công tác từ thiện tại Q.5 và Q.7 - TP.HCM, thế nhưng chị không thích được phô trương quá nhiều về danh tiếng. Mỗi tháng, chị âm thầm chia sẻ 100kg gạo đến nhiều trung tâm từ thiện, trại mồ côi khắp các quận huyện tại TP.HCM và các tỉnh lân cận. Mấy chục năm tham gia công tác từ thiện khắp cả nước, con số chị bỏ ra thì hoàn toàn không thể đếm được. Đặc biệt, tháng 02/2015 vừa qua, chị đã đồng hành cùng Thầy Thích Truyền Tú (Chùa Huyền Trang) tham gia chuyến từ thiện đến tỉnh Hà Nam cùng Phó chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan. Với chị, làm việc thiện không có sự phân biệt, không vì danh tiếng mà tất cả đều vì một hạnh nguyện duy nhất là “phụng sự chúng sanh”, như đóa “hoa thiện” khoe sắc nhả hương cho đời...

*“Đóa HOA đạo đức mỗi con người
Thân THIÊN hòa vang, kết đẹp tươi
Tiến bước trên con đường Tú Thánh
Đóa hoa đạo đức mím môi cười.”*





ĐIỂM TIN PHẬT SỰ QUÍ I/2015



chuyến viếng thăm, chúc Tết các cơ quan nhân dịp Tết Cổ truyền của dân tộc

TP.HCM: PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO NHẬT BẢN THĂM T.U GIÁO HỘI

Chiều mùng 5 Tết Ất Mùi (23/02/2015), phái đoàn Phật giáo Nhật Bản do Hòa thượng Yoshimizu Daichi, nguyên Hội trưởng Hội Phật giáo Tịnh độ tông Nhật Bản, trụ trì chùa Nhật Tân tại Tokyo làm trưởng đoàn cùng 18 thành viên đến thăm hữu nghị Chu tôn đức Văn phòng Ban Thường trực HĐTS phía Nam - thiền viện Quảng Đức (quận 3, Tp.HCM)

HT.Thích Thiện Nhơn - Chủ tịch HĐTS GHPGVN đã nhắc lại mối quan hệ tốt đẹp giữa PG Việt Nam và Nhật Bản trong hơn 70 năm qua. Dịp này, Hòa thượng cũng giới thiệu các hệ phái Phật giáo Việt Nam và các pháp môn biệt truyền của PG Việt Nam, đặc biệt là pháp môn Tịnh độ tại Việt Nam. Phật giáo Việt Nam dù có nhiều pháp môn tu tập nhưng các pháp môn đều khẳng định được giá trị tu tập và phát triển đồng bộ, tăng ni, Phật tử luôn thể hiện tinh thần từ bi của đạo Phật. Trong nhiều năm qua, tăng ni, Phật tử, GHPGVN cũng có nhiều sự quan tâm về tinh thần, vật chất cho từ nhân tại các trại giam để giúp họ sớm hòa nhập cộng đồng.

Thay mặt phái đoàn, HT.Yoshimizu Daichi đã cảm ơn Chu tôn đức Văn phòng Ban Thường trực HĐTS

ĐẢNH LỄ CHÚC TẾT ĐỨC PHÁP CHỦ

Ngày 11/02/2015 (23/12/Giáp Ngọ), Chu tôn đức TT HĐTS GHPGVN đã vân tập về Tổ đình Viên Minh (chùa Ráng), xã Quang Lăng, huyện Phú Xuyên, Hà Nội để lễ vấn an và chúc Tết Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ - Đức Đệ tam Pháp chủ GHPGVN.

Nhân dịp Tết đến xuân về, lãnh đạo các cơ quan ban, ngành từ Trung ương tới địa phương đã đến chúc Tết Chu tôn đức Thường trực HĐTS GHPGVN, đáp lại Chu tôn đức Thường trực HĐTS cũng đã có những



GHPGVN đã tiếp đón thịnh tình. Hòa thượng đã nhắc lại nhiều kỷ niệm cùng tu học, đạo tình sâu sắc với chủ tôn đức giáo phẩm như HT.Thích Tâm Giác, HT.Thích Trí Quảng tại Nhật Bản và mối quan hệ tốt đẹp giữa cá nhân Hòa thượng với các vị tôn túc PG Việt Nam nói riêng và GHPGVN trong suốt 50 năm qua.

NINH BÌNH: KHAI HỘI CHÙA BÁI ĐÍNH

Ngày 06 Tết Nguyên đán Ất Mùi (24/02/2015) đông đảo tăng, ni, phật tử, khách thập phương đã về dự lễ khai hội chùa Bái Đính xuân Ất Mùi 2015 tại xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Chùa Bái Đính mới là ngôi chùa lớn nhất khu vực Đông Nam Á, hiện đang lưu giữ nhiều kỷ lục Việt Nam. Chùa Bái Đính từng là nơi tổ chức Đại lễ cung nghinh xá lợi Phật từ Ấn Độ về Việt Nam trong năm 2010. Đặc biệt năm 2014, chùa Bái Đính là nơi được chọn tổ chức Đại lễ Vesak Phật đản Liên hợp quốc. Trong niềm hoan hỷ, năm 2014 cũng là năm chùa Bái Đính vinh dự là một trong những quần thể được Unesco công nhận “Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới”, bao gồm khu du lịch sinh thái Tràng An, Tam Cốc - Bích Động, chùa Bái Đính và cố đô Hoa Lư.

HÀ NỘI: KHAI HỘI CHÙA HUONG

Lễ hội Chùa Hương 2015 đã chính thức khai mạc vào ngày 06 Tết Nguyên đán Ất Mùi (24/02/2015). 2015 là năm đầu tiên áp dụng hình thức miễn phí thắng cảnh 3 ngày đầu năm mới vì thế lượng khách trong những ngày này tăng đột biến so với mọi năm. Tính đến hôm nay đã có khoảng hơn 15 vạn du khách về trải hội chùa Hương trong đó có 3 vạn du khách được hưởng sự ưu đãi không thu vé thắng cảnh.

Theo BTC, trong 5 ngày trước khai hội, chùa Hương đã đón hơn 100.000 lượt du khách. Hệ thống giao thông đường bộ bao gồm cả tuyến đường độc đạo từ chùa Thiên Trù đi các chùa, động trong quần thể di tích thắng cảnh Hương Sơn cũng như tuyến đường thủy nội địa trên dòng suối Yến và hệ thống cáp treo chùa Hương đã rất thuận tiện giúp du khách gian tham quan, văn cảnh; giảm thiểu tình trạng ùn tắc cục bộ trong các mùa lễ hội trước.



QUẢNG NINH: KHAI HỘI XUÂN YÊN TỬ

Ngày 10 tháng Giêng năm Ất Mùi (28/02/2015) chương trình khai hội xuân Yên Tử được chính thức khai mạc tại sân Lễ trường Giải Oan, Yên Tử, xã Thượng Yên Công, TP. Uông Bí. Ngay từ sáng sớm hàng vạn người từ khắp nơi đã đổ về Yên Tử (Quảng Ninh) dự lễ khai hội mở đầu cho chuỗi hoạt động lễ hội trong năm 2015.

Đến với hội xuân Yên Tử 2015 du khách được biết đến nhiều điểm dịch vụ đặc biệt như ngắm cảnh Yên Tử bằng kinh khí cầu và chiêm ngưỡng lá cờ Phật giáo lớn nhất Việt Nam.

Lá cờ Phật giáo với chiều dài 25,58m (Tượng trưng PL.2558, chiều dài lịch sử Phật giáo thế giới), chiều ngang 20m, nặng 60kg được gắn cố định giữa hai đỉnh Núi Chùa và Suối Giải Oan ở độ cao 200 - 250m. Lá cờ sẽ được treo liên tục trong 10 ngày. Ban tổ chức lễ hội Yên Tử muốn tạo ra một điểm nhấn ấn tượng, là hình ảnh tâm linh sống động, hoành tráng trên đỉnh non thiêng để chào đón du khách hành hương về đất Phật.





ĐIỂM TIN PHẬT SỰ NƯỚC NGOÀI



MYANMAR: TÔN VINH NGƯỜI CÓ ĐÓNG GÓP CHO PHẬT GIÁO

Từ ngày 25-2 đến 6-3-2015, Chính phủ Myanmar thỉnh 16 tôn đức thuộc 9 quốc gia và 205 tôn đức Myanmar đến Nay Pyi Taw - thủ đô mới của nước này để trao 5 danh hiệu tôn giáo tôn vinh các đóng góp cho Phật giáo thế giới của chư tôn đức.

Chiều ngày 4-3-2015, 16 vị tôn đức quốc tế và 205 tôn đức Myanmar được Chính phủ Myanmar trao danh hiệu Agga Maha Pandita (Bậc thông tuệ vĩ đại nhất) trao tới 2 vị gồm Trưởng lão Hòa thượng Mingalakyen (89 tuổi, Thái Lan) và Hòa thượng Kondanna (67 tuổi, Thái Lan); danh hiệu Agga Maha Saddhammajotikadhaja (Người thấp đức diệu pháp vĩ đại) trao 5 vị, gồm Hòa thượng Dattajeevo (74 tuổi, Thái Lan), Hòa thượng Khemadhammo (70 tuổi, Vương quốc Anh), Hòa thượng Esika (67 tuổi, Hoa Kỳ), Hòa thượng Kittima (65 tuổi, Cộng hòa nhân dân Bangladesh) và Thượng tọa Yewata (50 tuổi, Hoa Kỳ).

Danh hiệu Agga Maha Gandawasaka Pandita tới Thượng tọa Dhammasami (50 tuổi, Vương

quốc Anh); Danh hiệu Maha Saddhammajotikadhaja (Người thấp đức diệu pháp) trao cho Thượng tọa Yin Le (48 tuổi, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa).

Riêng danh hiệu Saddhammajotikadhaja (Người thấp đức diệu pháp) có 7 vị được nhận, ngoài TT.Thích Nhật Từ (46 tuổi, Việt Nam) còn các vị: Hòa thượng Walpola Wimalagnana (75 tuổi, Sri Lanka); Hòa thượng Vannaratta Nay Chroek (64 tuổi, Campuchia); Hòa thượng Bounthan Pounyakamo (57 tuổi, Cộng hòa Dân chủ Lào); Thượng tọa Sasana (48 tuổi), Thượng tọa Oakkanthasara (45 tuổi) và Thượng tọa Fu Jue (44 tuổi) - đều thuộc Trung Hoa.

TRUNG QUỐC: XÂY BẢO THÁP XÁ LỢI NGÓN TAY PHẬT

Chủ Nhật, ngày 08/03/2015, Thái Bình Báo Ân tự, huyện Dương Phô, Tp.Thượng Hải, Trung Quốc long trọng tổ chức Lễ khởi công xây dựng Bảo tháp xá lợi ngón tay Phật.

Buổi lễ đã diễn ra trong bầu không khí trang nghiêm trọng thể với sự tham dự của đại diện chính quyền địa phương, và chư tôn đức

Giáo phẩm; Phó Tổng Thư ký Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc, Chủ tịch Hiệp hội Phật giáo Thượng Hải, Trưởng tỉnh An tự, TP. Thượng Hải, và Chư tôn đức tăng trụ trì các tự viện, đồng đạo thiện tín thập phương tham dự.

Công trình tái thiết Thái Bình Báo Ân tự được mô phỏng theo Đại Bảo Tháp Bồ đề Đạo tràng ở Ấn Độ, Chính điện sẽ nằm tầng dưới của Bảo tháp xá lợi ngón tay Phật, Đại hùng Bảo điện, Dược Sư điện, Quan Âm điện, Ngũ bách La Hán đường, Chung Cổ lầu, Phổ Quang Minh đường, Diêm Vương điện... Bảo tháp và các tòa nhà được kết hợp trang nghiêm xứng tầm của một Tông Lâm Đạo tràng.

PHẬT GIÁO NHẬT GIÚP XÂY ĐÀI TƯỢNG NIỆM TRÊN BẢO SAI-PAN

Tông phái Phật giáo Nenpou Shinkyu (Nhật Bản) đang lên kế hoạch xây dựng lại 2 đài tưởng niệm tại đảo Saipan thuộc quần đảo Mariana, nơi tông phái này thường tổ chức lễ cầu nguyện hòa bình cho thế giới mỗi năm. Công trình ý nghĩa này nhằm tưởng niệm những người đã thiệt mạng qua các cuộc chiến tranh trên đảo trong quá khứ.

Các thành viên của tông phái cũng đã lên kế hoạch viếng thăm hòn đảo Saipan vào tháng 5 năm nay trong kỳ hành hương hàng năm. Là một trong những tông phái lớn của Phật giáo Nhật Bản, Nenpou Shinkyu hiện có khoảng 88 ngôi chùa và một triệu tín đồ.





BANGLADESH: PHÁT HIỆN VÀ KHAI QUẬT NGÔI CỔ TỰ PG 1000 NĂM TUỔI

Phát hiện này đã được công bố vào ngày 23 tháng 03 năm 2013, tiến hành cuộc khai quật liên tục 50 ngày bởi Đơn vị Agrasar Bikrampur Foundation, một Tổ chức Văn hóa Xã hội của địa phương và Khảo cổ học Khoa Đại học Jahangirnagar. Cuộc khai quật được tài trợ bởi Bộ Văn hoá Bangladesh. Hơn 100 báu vật quý giá, các tác phẩm điêu khắc, một Bảo tháp hình bát giác, một đôi Tháp với một bức tường rộng bốn mét.

Khám phá hai con đường và một bức tường rộng 2,75 mét về phía đông nam của địa điểm di tích, một đô thị phong phú của một thời oanh liệt. Bên cạnh đó, các di tích quan trọng khác bao gồm hố tro, các đồ gốm đất nung.

Các nhà Khảo cổ từ hai Quốc gia đều bày tỏ hy vọng rằng: “Những hiện vật được khai quật đã tiết lộ cho chúng ta biết cuộc sống của

vị Thánh Tăng cũng như làm sáng tỏ về sự ra đời và sự hưng thịnh và suy vong của Phật giáo trong khu vực này”.

HOA KỲ: BA VẠN NGƯỜI HÀNH HƯƠNG TÂN XUÂN ẤT MÙI TẠI TÂY LAI TỰ

Cộng đồng người Hoa ở Hải ngoại muốn trải nghiệm không khí vui Xuân tân niên của Trung Quốc thì đến Phật Quang Sơn Tây Lai Tự (Fo Guang Shan Hsi Lai Temple), vùng núi Hacienda Heights, Los Angeles, California, Hoa Kỳ sẽ thấy ấm áp xuân quê hương.

Đoàn Võ thuật Bắc Thiệu Lâm biểu diễn múa Rồng, Sư Tử hòa âm phối khí trống, cồng chiêng thật vui nhộn của không khí Tân niên theo truyền thống dân tộc Trung Hoa.

Mùng Một Tết Ất Mùi (19/02/2015), khoảng ba vạn khách thập phương trong trang phục dân tộc hành hương Tây Lai Tự, dâng hương dâng cúng tiến. Nhiều người tự lái xe qua nghìn dặm đến chùa dự Lễ Khai vận Chung cầu nguyện cho hòa bình thế giới; Lễ Thiên Phật... cầu phát hoan hỷ tài, kiện khang tài, trí tuệ tài.

Thanh thiên 4 giờ sáng, 300 người cùng “Hành Hương Tân Xuân”, dưới sự hướng dẫn của Pháp sư tụng kinh, sám lễ tam bộ nhất bái, từ trên núi xuống cổng và chính điện.

Hai buổi sáng, “Tân Xuân Lễ Thiên Phật Pháp Hội” được tổ chức do Pháp sư Tuệ Đông, Trụ

trì Tây Lai Tự chủ lễ, hướng dẫn đại chúng Lễ bái Thiên Phật. Buổi chiều Tân xuân Văn hóa do Đoàn Võ thuật Bắc Thiệu Lâm biểu diễn múa Rồng, Sư tử hòa âm phối khí trống, cồng chiêng thật vui nhộn của không khí Tân niên theo truyền thống dân tộc Trung Hoa.



HOA KỲ: ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA DỰ HỘI NGHỊ QUỐC GIA PRAYER BREAKFAST

Washington, DC, Hoa Kỳ, ngày 03/2/2015, đức Đạt Lai Lạt Ma đã bước xuống sân bay Quốc tế Washington Dulles, từ chuyến bay Frankfurt, nơi Ngài một đêm dừng chân trên hành trình hoàng pháp tại Ấn Độ. Ngài đã nhận Nghị định Thư của Đại sứ Peter A. Selfridge và Phó Bí thư thứ nhất tại Sứ quán Ấn Độ, Satish Kumar Sivan và Kaydor Aukatsang đại diện Tây Tạng.

Hàng trăm người dân Tây Tạng, mặc quốc phục cung đón đức Đạt Lai Lạt Ma sang Hoa Kỳ dự Hội nghị Quốc gia Prayer Breakfast thường niên. Khách sạn ở Washington DC. 03/02/2015.

Hoàn thành thủ tục nhập cảnh, Ngài cùng đoàn tiếp rước thẳng một mạch về Washington. Khoảng 200 người Tây Tạng vận tập trước khách sạn để cung đón đức Đạt Lai Lạt Ma, vị lãnh đạo tinh thần dân tộc Tây Tạng lưu vong.

Ngài lưu lại Washington để tham dự Hội nghị Quốc gia Prayer Breakfast thường niên vào thứ Năm tới và được mời dự tiệc trưa.





Giới Thiệu Sách

MUỐN AN ĐƯỢC AN

Ngày Chủ Nhật và cũng là ngày cuối cùng của tháng 11 năm 2014 tôi nhận được bản thảo cuốn sách muốn an được an của thiền sư Thích Nhất Hạnh đã được Su cô Hội Nghiê dịch ra tiếng Việt từ bản nguyên gốc tiếng Anh Being peace.

Giật mình bởi mình quá may mắn mà không biết đến điều đó. May mắn vì tính đến năm 2015 này tôi được biết đến thiền sư Thích Nhất Hạnh đúng 10 năm.

Tôi đọc ngay những dòng đầu tiên và phải đọc đi đọc lại vài lần những dòng những chữ của thiền sư Thích Nhất Hạnh “Nếu tự thân ta không có hạnh phúc, bình an thì chúng ta không thể hiến tặng hạnh phúc và bình an cho ai được, kể cả những người ta thương, những người ta cùng chung sống trong một mái ấm gia đình. Có bình an, hạnh phúc thì chúng ta sẽ mỉm cười và xinh tươi như một bông hoa, khi đó, mọi người chung quanh ta, từ gia đình cho đến xã hội, ai cũng được thừa hưởng.”

Mỗi ngày chúng ta có rất nhiều cảm thọ. Khi thì hạnh phúc, lúc thì buồn khổ. Các cảm thọ cứ lần lượt đến với ta như một dòng sông. Rõ ràng việc thực tập thiền là rất quan trọng.

Tôi đã nhận ra rằng thiền rất giản đơn, có thể thiền tập ở bất cứ đâu và bất cứ giờ nào trong ngày. Thiền không có nghĩa là vào rừng ẩn tu hay trốn tránh xã hội. Nếu như chúng ta cùng nhắc nhau thiền mỗi ngày thì đời sống đẹp biết nhường nào và xã hội sẽ tươi mát vô cùng.

Muốn an thì có an. Vấn đề là ta phải muốn. Đôi khi, bạn cũng như tôi, chúng ta quá bận rộn. Bận đến mức không dành thời gian cho người thân và bạn bè. Bận đến mức không có thời gian để ngắm cây, ngắm trời, ngắm hoa ngắm đất. Thậm chí quên mất chuyện thở và ta thở tự động như một cái máy, thở không có ý thức. Thật là tiếc. Bạn và tôi vẫn đang bị tập khí lối cuốn. Bây giờ, đọc Muốn an được an rồi chúng ta luôn tự nhắc mình và nhắc nhau hai chữ bình an để tạo bình an cho chính mình.

Cách đây mấy tháng, chúng tôi may mắn được tham gia khóa thiền dành cho giới Tiếp hiện. Trong một tuần bên nhau ở Pack Chong Thái Lan, chúng tôi đã thiền tập rất tốt trong tinh huynh đệ. Tôi biết



mình và các thiền sinh khác đã nhận được những lợi lạc lớn lao, nhất là sự bình an. Đến nay, tôi vẫn nhớ nhất là bài hát mà tôi vẫn hát mỗi ngày.

Xin được chia sẻ với quý vị.

“Để Bụt thở để Bụt đi
Mình khỏi thở, mình khỏi đi, khỏi đi
Bụt đang thở, Bụt đang đi
Mình được thở, mình được đi, được đi
Bụt là thở, Bụt là đi
Mình là thở, mình là đi, là đi
Chỉ có thở, chỉ có đi
Không người thở, không người đi, người đi
An khi thở, lạc khi đi
An là thở, lạc là đi, là đi.

Mong sao ai cũng để ý đến hơi thở, đến bước đi mỗi phút, mỗi giây để có an lạc. Muốn an là được an. Chúng con thành kính biết ơn thiền sư Thích Nhất Hạnh đã giúp chúng con được thực tập những lời Phật dạy, đưa đạo Phật vào đời sống thường ngày. Một lần nữa con xin được thành tâm tri ân su cô Hội Nghiê đã chuyển ngữ ra tiếng Việt cuốn sách quý “Muốn an thì được an” này để hàng triệu bạn đọc Việt Nam, nhất là các thiền sinh và Phật tử có cuốn cẩm nang để thực hành.

Xin hồi hướng công đức xuất bản cuốn sách này đến thiền sư Thích Nhất Hạnh với mong muốn Thầy luôn khỏe mạnh, để hướng dẫn chúng con tu tập mỗi ngày.

Thiện Đức Nguyễn Mạnh Hùng

PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Tĩnh Tài
1	Tổ Phát hành Tạp chí Phân viện Nghiên cứu Phật học	Số 73 phố Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	500.000
2	Mai Quỳnh Nga - Minh Nguyệt	Thư viện chùa Quán Sứ, số 73 phố Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	500.000
3	Nguyễn Phi Loan	Số 19 ngách 35/81 phố Linh Lang, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	200.000

Tạp chí xin chân thành cảm ơn Chu tôn đức tăng, ni và quý vị phật tử đã hảo tâm ủng hộ hoạt động của Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội. Hoàng pháp lợi sinh là phật sự trọng đại và lâu dài, kính mong được sự giúp đỡ thường xuyên của quý vị để Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội hoàn thành phật sự.

NAM MÔ CÔNG ĐỨC LÂM BỒ TÁT TÁC ĐẠI CHÚNG MINH.

Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội.

LỜI CẢM ƠN

Gia đình chúng tôi xin trân trọng cảm ơn:

Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu - Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Trị sự, Thượng tọa Thích Đức Thiện - Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng Thích Thanh Nhã - Phó Trưởng ban thường trực Ban Nghi lễ Trung ương cùng các Chu tôn giáo phẩm tăng, ni đã quang lâm trợ niệm, cầu siêu và tiễn đưa cụ, bà, thân mẫu của gia đình chúng tôi là:

Cụ Bùi Thị Bình - sinh năm 1930.

Tạ thế vào hồi 10h30 ngày 06/03/2015 (tức ngày 20 tháng Giêng năm Ất Mùi)

Hưởng thọ 86 tuổi.

Về nơi an nghỉ cuối cùng tại Nghĩa trang phường Quảng An, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều gì khiếm khuyết, gia đình chúng tôi xin được lượng thứ!

Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ cho Chu tôn Giáo phẩm, tăng ni thân tâm an lạc, phật sự viên thành.

Thay mặt gia đình

Trưởng nam: Nghệ nhân Quốc gia Đào Trọng Cường.

SUU TẦM TRỌN BỘ TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC



Nếu bạn muốn sưu tầm trọn bộ Tạp chí Nghiên cứu Phật học xin vui lòng liên hệ với tòa soạn. Đặc biệt chỉ với 165.000đ bạn đã có trọn bộ cả năm được đóng thành một cuốn sách bìa cứng thật sang trọng. Hãy để **TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC TRỌN BỘ** năm 2015 - 2016 trên giá sách nhà bạn: vừa thuận tiện cho việc lưu trữ, vừa dễ dàng để bạn tra cứu khi cần.

20 bạn đọc đầu tiên đăng ký mua sách trọn bộ năm 2015 - 2016 sẽ được tặng 01 phần quà của Tạp chí. Bạn đọc Hà Nội xin mời đến mua tại tòa soạn, bạn đọc ngoài Hà Nội vui lòng liên hệ với chúng tôi qua số: 04 - 3. 9 423 887 để biết thêm chi tiết về cước phí bưu điện.

PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐẶT MUA TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC NĂM 2015

Kính mời: Quý chu tôn đức Tăng Ni, Phật tử, độc giả đăng ký mua Tạp chí Nghiên cứu Phật Học năm 2015

- | | |
|---|--------------|
| ☐ Số 1 Xuân 2015 (tháng 1+2), phát hành ngày 15/01/2015 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 2 (tháng 3+4), phát hành ngày 15/03/2015 | Giá 25.000đ |
| ☐ Số 3 Mừng Phật đản (tháng 5+6), phát hành ngày 15/5/2015 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 4 (tháng 7+8), phát hành ngày 15/07/2015 | Giá 25.000đ |
| ☐ Số 5 (tháng 9+10), phát hành ngày 15/09/2015 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 6 (tháng 11+12), phát hành ngày 15/11/2015 | Giá 25.000đ |
| ☐ Tạp chí cả năm (6 số) | Giá 165.000đ |
| ☐ Cước gửi tạp chí về tận nhà (theo nhu cầu) | Giá 50.000đ |

Để được giao báo tại nhà độc giả ngoài Hà Nội vui lòng đặt báo tại bưu điện gần nhà bạn nhất. Mã số đặt Tạp chí Nghiên cứu Phật học qua bưu điện (Công ty Phát hành Báo chí Trung ương) là C356. Độc giả Hà Nội muốn giao báo tại nhà vui lòng trả thêm cước phí chuyển phát.

Mọi thông tin về việc đặt mua báo, chi phí chuyển phát xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ:

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

Chùa Quán Sứ, 73 phố Quán Sứ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội * Điện thoại: 04 - 3 9 423 887

Tài khoản: Phân viện Nghiên cứu Phật học

Sổ giao dịch 1 - Ngân hàng Công Thương Việt Nam * Số tài khoản: 102010000032825



Wi-Fi free tại Royal City và Times City

- **Wifi miễn phí Tốc độ cao**

Hệ thống Wi-Fi tốc độ cao phủ sóng toàn bộ TTTM VMM Royal City và Times City.

- **Bản đồ số thông minh**

Truy cập <http://map.awing.vn> để sử dụng bản đồ gian hàng, giúp bạn **tra cứu & tìm đường** dễ dàng đến từng vị trí trong TTTM VMM Royal City và Times City.

- **Thông tin khuyến mại “Hot” nhất**

Truy cập <http://awing.vn> để khám phá hàng ngàn thông tin sản phẩm, ưu đãi giảm giá hấp dẫn tại VMM Royal City và Times City mỗi ngày.

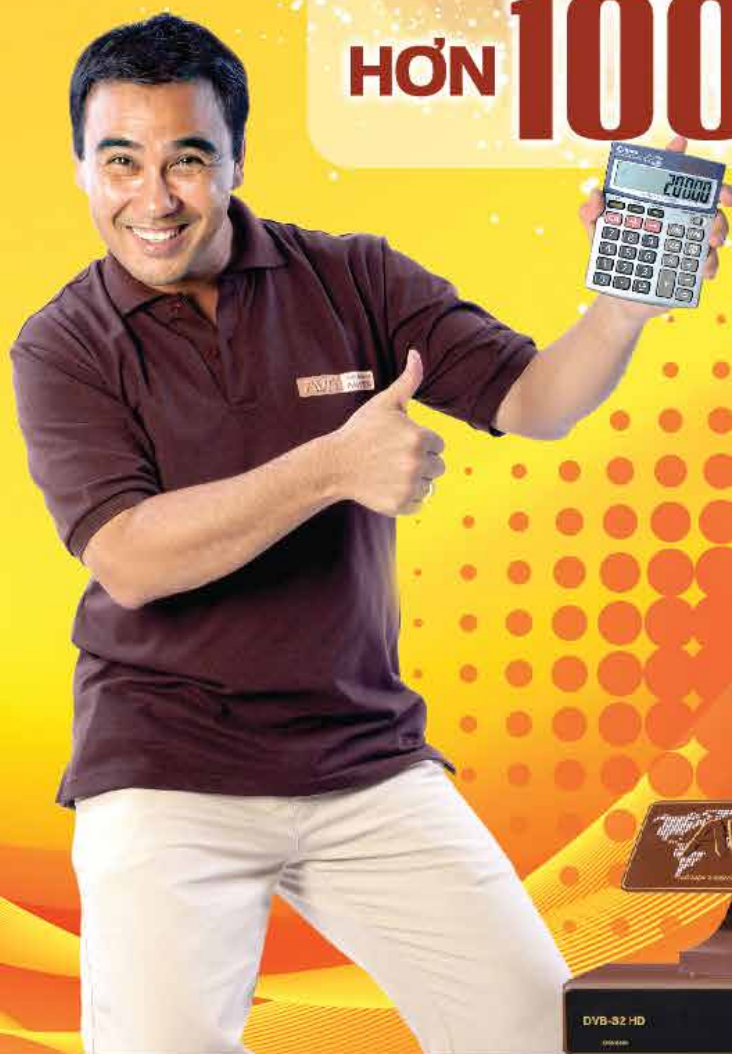


<http://awing.vn>

Truyền hình AnViên

*Hay
mà
Tiết kiệm*

HƠN **100** KÊNH
SIÊU NÉT



 **1900 1900**
 truyenhinhanvien.vn